VĂN HỌC
Nghệ thuật

nguyệt san nhận định
sáng tác văn nghệ

PHẠM QUỐC BẢO * TRÚC CHI * HOÀNG DUNG * PHẠM CAO DƯƠNG * VÕ ĐÌNH * NGUYỄN MỘNG GIÁC * THÁI TÚ HẠP * TRẦN DIỆU HẰNG * CHU VƯƠNG MIỆN * VÔ NGÃ * VÕ PHIẾN * KIỀU PHONG * BÙI VĨNH PHÚC * NHẬT TIẾN * NGUYỄN BÁ TRẠC * HÀ TIỂU THẠCH *NGUYỄN MẠNH TRINH * MAI THẠCH * NGUYỄN VĂN

BỘ MỚI * SỐ 1 * THÁNG 5 NĂM 1985.

tạp chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

Trong số này :

NHẬN ĐỊNH.

1 THƯ CHỦ NHIỆM
2 VÕ PHIẾN . Nền văn học giữa hai cuộc di cư.
24 NGUYỄN MỘNG GIÁC . Sự phản kháng của văn nghệ sĩ VN dưới chế độ cộng sản
48 BÙI VĨNH PHÚC . Kinh cầu nguyện cho nhà văn lưu vong
72 KIỀU PHONG . Bôi bẩn dân tộc .

VĂN.

7 NHẬT TIẾN . Chân dung người nữ diễn viên.
19 VÕ ĐÌNH . Cũng thư gửi bạn.
41 TRẦN DIỆU HẰNG . Trong gương.
58 HOÀNG DUNG . Bà Tám Tồn.
69 VÔ NGÃ . Người thời xưa, người hôm nay.
85 NGUYỄN BÁ TRẠC . Thung lũng nở hoa quince.
93 PHẠM QUỐC BẢO . Đường về gian nan.

THƠ

16 HÀ TIỂU THẠCH . Một chốn xinh tươi.
40 TRÚC CHI . Thơ Trúc Chi.
67 MAI THẠCH . Tĩnh Toạ.
82 CHU VƯƠNG MIỆN . Góc Yên Đổ cuối 67.
92 THÁI TÚ HẠP . Phương xa, Về thiếu thất.
103 NGUYỄN MẠNH TRINH. THơ lục bát.

TÀI LIỆU :
79 PHẠM CAO DƯƠNG . Hai tài liệu mới về Tôn Thọ Tường.
84 HỒ DZẾNH. Thủ bút thi sĩ.

THỜI SỰ SINH HOẠT.

105 Điểm sách Việt Nam
111 Thời sự văn học nghệ thuật quốc tế.
120 Hộp thư bạn đọc.
121 Thư của ban trị sự.

PHỤ BẢN : Hai bức tranh của hoạ sĩ Võ Đình.

Thư Chủ Nhiệm

Cùng quí vị độc giả,

** Cách đây bảy năm tờ* Văn Học Nghệ Thuật *ra đời, vì một nhu cầu tinh thần của cộng đồng lúc bấy giờ chưa được đáp ứng.*

** Lúc bấy giờ hoàn cảnh sinh hoạt của cộng đồng ta hãy còn khó khăn về mọi phương diện. Tờ báo loay hoay với một số người cầm bút hãy còn ít oi, trình diện cùng độc giả tại chợ búa lẫn lộn cùng rau mắm vì chưa nơi nào có hiệu sách báo, từ trang đầu tới trang chót không có lấy một cái quảng cáo vì tình trạng kinh doanh của bà con ta hãy còn phôi thai v.v... Trong hoàn cả nhà ấy chúng tôi chỉ duy trì tờ báo được non một năm rưỡi.*

** Bây giờ, mười năm sau cuộc di cư, tình hình sinh hoạt cộng đồng ta đã đổi khác, tình hình giới cầm bút của chúng ta tại hải ngoại cũng đã đổi khác một cách thuận lợi. Chúng tôi quyết định tiếp tục công việc năm xưa, vì nghĩ rằng một công việc trót khởi xướng, một tờ tạp chí trót ra đời là một cam kết không thể bỏ dở dang mà vẫn an lòng.*

** Trong dịp này chúng tôi xin có lời riêng nhắn các bạn độc giả cũ: Trước kia, khi tạp chí đình bản đã mời quý bạn đọc dài hạn liên lạc với quản lý để nhận lại số tiền thừa, tuy vậy nhiều vị làm lơ, bỏ qua. Bây giờ, báo tục bản, chúng tôi kính mong được liên lạc với những người bạn cũ quí hóa ấy để tiếp tục gửi báo đến quí vị cho đủ hạn. Sau sáu năm dâu bể trôi giạt, mỗi một địa chỉ mới nhận được từ một người cũ là một vui mừng khôn xiết đối với chúng tôi, như một trùng phùng vô giá.*

** Đối với toàn thể độc giả cũ cũng như mới chúng tôi không dám dài lời. Chủ đích chúng tôi trước sau không đổi khác. Chỉ có hoàn cảnh bên ngoài và sự cố gắng bên trong là đổi mới.*

Thay mặt Ban Chủ Xướng
Võ Phiến

Địa chỉ chúng tôi :
— Bài vở xin đề : Ông Võ Phiến.
— Thư từ liên lạc, chi phiếu xin đề : Văn Học Nghệ Thuật.
P.O. Box 486, Westminster, California 92684 USA.

Võ Phiến

Nền văn học giữa hai cuộc di cư.

Lời tác giả :Cuốn Hai mươi năm văn học miền Nam 1954-1975 *được viết liều lĩnh trong hoàn cảnh đặc biệt, do đó chắc chắn có nhiều sai sót. Tác giả trích đăng là mong chờ được chỉ bảo thêm để sửa chữa kịp thời. Mọi ý kiến gửi về toà soạn, xin được tiếp nhận với lòng biết ơn chân thành.*
V.P.

*
* *

1954-1975, chúng ta có những thời điểm ngộ nghĩnh: 1954 chấm dứt một cuộc chiến tranh, 1975 chấm dứt một cuộc chiến tranh khác; 1954 diễn ra một cuộc di cư, 1975 lại bắt đầu một cuộc di cư nữa; 1954 đất nước đang là một bị chia hai, 1975 đất nước đang chia hai lại hoàn làm một... Chiến tranh phát sinh rồi chiến tranh kết thúc trên nước ta xưa nay đã nhiều lần, nước qua phân rồi nước trở lại thống nhất xảy ra ở ta cũng nhiều lần, duy có chuyện hàng triệu người kéo nhau ra đi là chưa từng thấy. Đó là đặc điểm một thời. Vậy có thể nói thời kỳ chúng ta đang nói đây là thời kỳ văn học giữa hai cuộc di cư.

Mặc dù 1954 và 1975 là những thời điểm ngộ nghĩnh, chúng ta không chọn thời kỳ văn học này vì cái ngộ nghĩnh, dĩ nhiên. Cũng như chiến tranh, qua phân, thống nhất, di cư đều là những biến cố quân sự, chính trị, xã hội trọng đại, nhưng chúng ta không chọn vì những cái trọng đại ấy: Quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến văn học, nhưng không phải là văn học.

Sở dĩ chúng ta tách cái khoảng thời gian nọ làm một thời kỳ văn học riêng biệt tại miền Nam Việt Nam là vì nhận thấy quả thực trong vòng hai mươi năm ấy văn học nghệ thuật ở đây đã có những sắc thái riêng, đặc biệt, khác hẳn trước đó và sau đó. Trong vòng hai mươi năm ấy ở Miền Nam quần chúng đã có những cảm nghĩ khác, văn nghệ sĩ đã có một quan niệm sáng tác khác thời trước và thời sau. Cái khác, cái thay đổi trong tâm tình con người vào thời kỳ này thật sâu xa và thật đột ngột: chỉ trong vòng năm trước năm sau, vụt cái lòng người biến đổi, văn nghệ chuyển hướng hoàn toàn. Ở ngoài Trung trong những năm đầu thập niên 50, cho đến 1954, những tên tuổi nổi bật là Kiêm Minh, là Vân Sơn PMT trong Nam tiếng tăm vang dội là Vũ Anh Khanh, Thẩm Thệ Hà, Trúc Khanh, Lý Văn Sâm..., với những nhà phê bình luận như Tam Ích, Thiên Giang, Thê Húc v.v... Sau

1954, loay hoay chừng mấy tháng, tự dưng những vị ấy lui vào bóng tối, lặng lẽ, từ đó cho đến suốt hai chục năm kế tiếp không còn có cơ hội xuất hiện thắng lợi trên văn đàn nữa. Và một lớp người mới xông ra, ồ ạt: Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Nghiêm Xuân Hồng, Sơn Nam, Nguyên Sa, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Mạnh Côn, rồi Dương Nghiễm Mậu, rồi Nhã Ca v.v... Thật nhanh chóng: Thoắt cái những người mới được quần chúng độc giả đón tiếp niềm nở, chừng một vài năm sau họ nghiễm nhiên thay thế các lớp nhà văn trước.

Đây không phải là sự thay thế của những cái tên suông, mà là sự thay thế cả một chiều hướng tinh thần. Không có gì khác nhau xa bằng cái tinh thần *Nửa bờ xương khô* của Vũ Anh Khanh với tinh thần *Dòng sông định mệnh* của Doãn Quốc Sỹ, *Mưa đêm cuối năm* của Võ Phiến, bằng tư tưởng của Thiên Giang với tư tưởng của Nguyễn Mạnh Côn chẳng hạn.

Giữa lớp trước 54 và sau 54 ở Miền Nam chỗ khác nhau không phải chỉ có ở thái độ chính trị. Thế hệ độc giả này không phải chỉ đột nhiên lạnh nhạt với những Vũ Anh Khanh, Trúc Khanh, Vân Sơn PMT v.v..., mà cũng hờ hững luôn cả đối với những nhà văn chống cộng như Nhất Linh, Tam Lang, Trọng Lang v.v... Họ chối bỏ hết quá khứ. Một giai đoạn mới tự xác nhận một cách mạnh mẽ, ồn ào, có khi quá lố. Thật vậy, một trong những danh từ thời thượng lúc bấy giờ là "hôm nay": lớp trẻ hôm nay, văn nghệ hôm nay, tiếng nói hôm nay v.v... Hôm nay không hẳn là giỏi hơn hôm qua, hôm nay không hẳn là hay hơn hôm qua. Miễn nó là hôm nay. Nếu không thế nó không được chấp nhận.

"Chấp nhận" là chữ của Thế Uyên. Ông bảo: *"Riêng hai đứa chúng tôi (1) thán phục Nhất Linh tiền chiến và chấp nhận Nhất Linh hậu chiến." (2) Thế Uyên cho thấy không phải ai cũng "rộng rãi" được như thế: chỉ riêng hai đứa* thôi. Còn về phía Nhất Linh, ông có lần tâm sự với Nguyễn Vỹ: *"Tôi thì hết tin tưởng vào đời sống và thế hệ ngày nay (...) Thế hệ trẻ ngày nay, họ không hiểu được tụi mình. Họ bảo tôi là kiêu ngạo, là tự cao, tự đại, anh xem có vô lý không? Tôi không chịu được họ, không có nghĩa là tôi tự cao, tự đại." (3)*

Cả đôi bên cùng xác nhận sự cách biệt; cả đôi bên cùng từ chối lẫn nhau.

Sự thay thế giữa hai thế hệ trước và sau 1954 nó đột ngột, phũ phàng, nhanh chóng quá, khiến lớp sau tưởng chừng trước mình không hề có ai cả, trước mình là một khoảng trống. Lớp trước vẫn còn đó mà thoắt cái như không còn nữa. Họ vô lực, gần như vô hình. Đến nỗi có lần Nguyên Sa đã kêu trời về *"Sự cô đơn của thế hệ không có đàn anh"* (4). Ông bảo: *"Chúng ta bước vào một ngôi nhà trống rỗng, một khu vườn bỏ hoang, một vũ trụ không người, chẳng có ai trước mặt thật"* (4).

Sự thay đổi hồi 1954 đã hiển nhiên.

Và rồi đến đầu năm 1975 cuộc đổi đời còn đột ngột, còn sâu xa hơn nữa. Đến đây kết thúc một thời kỳ ở Miền Nam, về mọi phương

diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Cả cái xã hội ở miền Nam từ sau 1975, cả nếp sống vật chất lẫn tinh thần ở đây sau 1975 không còn giữ được mấy tí của ngày trước. Rụp một cái: báo chí, sách vở, ca xướng, kịch tuồng, tranh vẽ... nhất nhất đều đối chiều.

Cho nên có thể nói thời kỳ văn học 1954-1975 khởi đầu và chấm dứt không chuyển tiếp. Hiếm có thời kỳ văn học nào trong lịch sử được qui định giữa những thời điểm dứt khoát như thế. Giữa haithời điểm dứt khoát, tại Miền Nam một nền văn học thành hình thật, nhanh phát triển tưng bừng và vội vã, rồi bị vùi dập một cách tức tưởi. Nền văn học ấy có nhiều nét đặc sắc về phẩm cũng như về lượng, rất quí báu đối với bất cứ ai muốn tìm hiểu về đời sống của dân tộc Việt Nam trong thời hiện đại.

* * *

Cái thay đổi vào năm 1975, thôi thì không cần gì phải chứng minh. Cái thay đổi biến các nhà văn hóa thành tù nhân, biến những cây bút đang viết phăng phăng hàng trăm cuốn sách bỗng khựng lại, mười năm trời không có một bài đăng báo. Cái thay đổi ấy không còn gì để nói nữa.

Ở đây chỉ có vài cảm nghĩ về tình trạng giữa các lớp văn nghệ sĩ trước và sau 1954.

Giữa văn nghệ mới và văn nghệ cũ, giữa tiền chiến và hậu chiến chưa bao giờ thực sự có một cuộc bút chiến. Cái phải cái trái chưa từng được biện bạch đến nơi đến chốn. Trong dư luận bậc trưởng thượng lúc nào cũng được quí trọng tôn kính; tuy nhiên trong văn giới các đàn anh dần dần bị xa lảng. Kính mà xa. Chủ trương của họ dù sai dù đúng không tìm được sự hưởng ứng rộng rãi.

Tôi nhớ có một hôm, vào khoảng đầu thập niên 60, một văn hữu họp Bút Việt xong ghé về toà soạn *Bách Khoa* gặp anh em. Người bạn nọ chợt nhớ ra là ban chiều có được nhà văn D.N.M. tặng cuốn truyện mới xuất bản, anh mang vào bàn hội nghị, nhân ngồi bên cạnh Nhất Linh, đưa cho ông xem qua. Sau khi lật mấy trang, ông bận theo dõi các ý kiến phát biểu, xếp sách lại, lơ đãng đặt ra một bên lẫn với giấy tờ riêng của ông. Lúc tan hội nghị ra về, người bạn quên lấy lại cuốn sách. Nghe xong câu chuyện mấy anh em có mặt ở tòa soạn sực nghĩ: Lâu nay tất cả chúng tôi không có ai mỗi lần ra sách mới mà nghĩ đến việc gửi tặng Nhất Linh một bản. Những anh em cầm bút trẻ khác trong vòng quen biết đại khái cũng thế cả. Ông còn đó, còn hoạt động, - thế mà ai nấy gần như quên hẳn ông.

Trong hai mươi năm sau Genève ở Miền Nam riêng tôi không nghe ai thốt ra lời gì tỏ ra không quí trọng đức độ và tài năng của ông, không tôn kính cái tư cách cái nhiệt tình của ông. Ngược lại Nhất Linh cũng tỏ ra rất sốt sắng với các tài năng mới: sau 1954, bao nhiêu lần ông bày tỏ thiện chí muốn tìm tòi khuyến khích, nâng đỡ các cây bút trẻ. Thiện chí lắm khi rất cảm động. Đọc truyện Tuyết Hương, một thiếu nữ mới bắt đầu viết, thấy hay, ông nhắn mời. Cô Tuyết Hương đang bệnh không đến được, ông liền đến tận nhà Tuyết Hương tìm gặp để trò chuyện. Đọc bài Nhật Tiến, bấy giờ hãy còn là

một mầm non, thấy hay, ông nhắn mời tác giả và tính ngay đến việc xuất bản sách của Nhật Tiến không chờ đợi yêu cầu. Ra báo *Văn Hóa Ngày Nay*, ông liền dành một chỗ cho những tài năng mới. Trong tuổi già, ông viết chúc thư văn hóa để cử những người trẻ vào Tự Lực văn đoàn v.v... Ấy vậy mà giữa ông với giới cầm bút sau 1954 cứ xa nhau dần. Báo ông, sách ông xuất bản, người ta mua đọc, nhưng đọc lặng lẽ. Trong quần chúng không nghe có dư luận, trên văn đàn không thấy có phê bình.

Đó cũng là cái tình cảnh chung của các nhà văn tiền chiến. Nhất Linh mà còn đến thế, những người khác tránh sao cho khỏi. Bấy giờ ở Miền Nam có hơn hai mươi nhà văn nhà thơ danh tiếng thời trước, những vị như Đỗ Đức Thu, Vi Huyền Đắc, Đông Hồ, TrầnTuấn Khải, Vũ Bằng, Lê Văn Trương, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Quách Tấn, Tam Lang, Nguyễn Đức Quỳnh, Lê Văn Siêu, Bàng Bá Lân v.v... tất cả đều hưởng một thái độ mến trọng xa cách từ thế hệ mới. Gặp họ, anh em kính; họ giàu sang anh em mừng; họ túng thiếu hoạn nạn, anh em xót thương, có khi giúp đỡ; nhưng họ viết gì, anh em ít khi quan tâm. Chẳng qua đọc hững hờ cho biết vậy thôi. Coi như những ve vẩy của một thời đã qua. Như hoạt động tiêu khiển của những cụ già vui thú điền viên. Có vị nhờ đông bạn đông bè nên thường được nhắc nhở - như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng - những nhắc nhở trong tình bạn không gây ảnh hưởng gì trong tình hình văn nghệ.

Không những các văn nghệ sĩ tiền chiến mà ngay cả lớp văn nghệ sĩ trong thời kháng chiến chống Pháp cũng gần như thế. Lớp này tất nhiên không già nua gì, không cách biệt vì tuổi tác chút nào, nhiều vị còn trẻ hơn lớp nhà văn sau 54. Giữa Nguyễn Mạnh Côn, Mai Thảo, với Thanh Nam chẳng hạn. Thanh Nam trẻ tuổi hơn Mai Thảo, Nguyễn Mạnh Côn, cả văn lẫn thơ đều hay, thế mà chỉ vì trót nổi tiếng trước 54 đành bị thiệt: Năm 1955 Mai Thảo ra *Đêm giã từ Hà Nội* tác phẩm đầu tay, năm 1958 Nguyễn Mạnh Côn (dưới bút hiệu Nguyễn Kiên Trung) ra cuốn *Đem tâm tình viết lịch sử*, cũng một tác phẩm đầu tay nữa, cả hai được dư luận chú ý, trở thành tên tuổi ngay; giữa khoảng thời gian ấy năm 1957 Thanh Nam cho xuất bản tác phẩm *(Hồng Ngọc, Người nữ danh ca)* mà sách không được chú ý.

Lẽ dĩ nhiên Thanh Nam không chịu thiệt thòi một mình: những Tô Kiều Ngân, Sơn Khanh, Thiên Giang, Thẩm Thệ Hà, Kiêm Minh v.v... đại khái đều thế. Thế hệ trước 54 dù ở Hà Nội hay ở Sàigòn, phần lớn không còn giữ được vị thế cũ. (Phần lớn, không phải tất cả). Thời thế đổi khác, độc giả chờ đợi những tiếng nói khác.

Những Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sỹ, Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca v.v... xuất hiện là gặp sự đón tiếp niềm nở ngay. Họ là những kẻ được chờ đợi. Nền văn học chờ đợi của quần chúng Miền Nam. Nền văn học ấy chứ không phải thứ văn học nào khác. □

Võ Phiến

(TRÍCH HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM)

(This research was assisted by a grant from the Joint Commitee on Southeast Asia of the Social Science Research Council and the American Council of Learned Societies with funds provided by the Ford Foundation, the National Endowment for the Humanities and the Henry Luce Foundation).

---

(1) Tức Duy Lam và Thế Uyên, hai anh em văn sĩ, hai người cháu gọi Nhất Linh bằng bác.

(2) Nhật Thịnh. *Chân dung Nhất Linh*, trang 160. Những tác phẩm được bán tại Hoa Kỳ hầu hết không ghi tên nhà xuất bản cùng ngày tháng ấn loát, vì vậy trong sách này đành không nêu được các điểm cần thiết ấy.

(3) Nguyễn Vỹ, *Văn thi sĩ tiền chiến*, Khai Trí, 1970, trang 162.

(4) Một bông hồng cho văn nghệ , Sàigòn, 1967

(4) Một bông hồng cho văn nghệ, Sàigòn, 1967

BẠN ĐỌC TÌM MUA NGAY

NGỰA NẠN CHÂN BON

Tập truyện đặc sắc của nhà văn
Nguyễn Mộng Giác
vừa được tái bản tại Hoa Kỳ

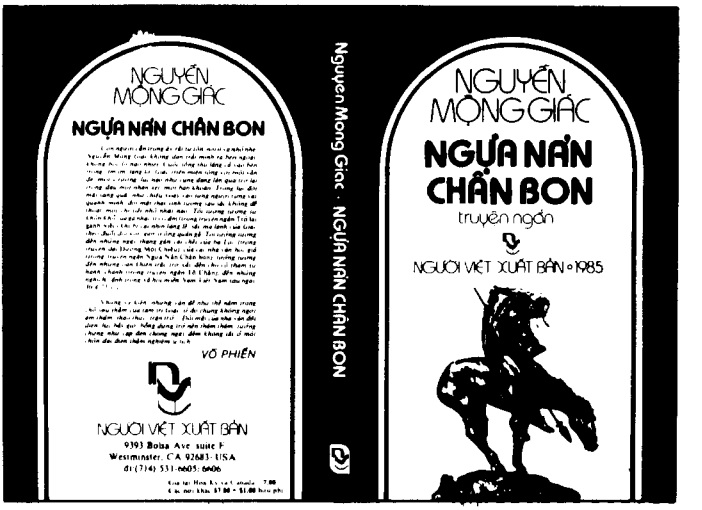

• Các hiệu sách mua sỉ và lẻ xin liên lạc:
Nhà xuất bản Người Việt
9393 Bolsa Ave., Suite F
Westminster, CA 92683 - USA
Phone (714) 531-6605 / 6606

• Các bạn muốn sưu tập sách quí có chữ ký của tác giả xin gửi $7.00 về:
Nguyễn Mộng Giác
13192 Dappiegray
Garden Grove, CA 92643 - USA

Nhật Tiến

Chân dung người nữ diễn viên.

Truyện ngắn

Hồi nhỏ, khi còn cắp sách đi học ở lớp Nhất trường Hàng Vôi, ngày nào tôi cũng có dịp đi qua nhiều khu phố tráng lệ ở Hà Nội. Tôi học lớp chiều, và hay đi học sớm vì có thói quen, la cà chỗ này, chỗ kia. Ở phố Hàng Trống, tôi hay dừng lại ở cửa tòa báo Giang Sơn hay Liên Hiệp để đọc những tiểu thuyết in từng kỳ trên tờ báo ra trong ngày được tòa soạn treo trước cửa cho người qua lại ngừng chân đọc cọp. Ở phố Hàng Khay, tôi hay dừng lại ở khu chợ Hoa ven bờ hồ, ngắm nhìn những bông Hồng, bông Cúc hay Glaieul phô những mầu sắc rực rỡ trên nền lá xanh biếc. Nhưng điều mà tôi ghi nhớ sâu xa nhất là bức hình chân dung được trưng bầy tại một tiệm ảnh có tên là Dung Photo ở ngay trên Phố Bờ Hồ.

Tôi không phải là loại người say mê nghệ thuật chụp ảnh. Tôi cũng không quan tâm đến những bức hình chụp phong cảnh, hay tĩnh vật trưng bầy ở hai bên tủ kính lồng trong những khung ảnh đẹp đẽ mỹ thuật.

Tôi chỉ chú ý, hay nói đúng hơn bị lôi cuốn, thu hút bởi có mỗi một tấm chân dung chụp hình một thiếu nữ.

Nàng là ai, tên là gì, tôi chẳng đủ số tuổi mơ mộng để quan tâm, nhưng thực sự tôi đã bị lôi cuốn bởi đôi mắt đó, vầng trán đó, mái tóc đó và nụ cười đó. Người thiếu nữ trong hình còn rất trẻ, chỉ trạc khoảng mười lăm, hay mười sáu, cái số tuổi chưa làm cho đôi mắt trong veo kia vương vấn một nét buồn, cho nụ cười kia vẫn còn mang đầy vẻ hồn nhiên, vô tư và duyên dáng như những búp hồng mới đang ở thời kỳ chuẩn bị phô sắc, khoe hương.

Hôm đầutiên bức ảnh chân dung được bầy ra trong tủ kính, tôi đã chiêm ngưỡng một cách sững sờ. Rồi kể từ đó, không ngày nào đi qua mà tôi lại không dừng lại, nhìn, ngắm, ghi gói từng chân tóc, từng kẽ mày, từng những nốt đen lốm đốm trên giấy ảnh ở vành môi của nàng, ở khóe mắt của nàng, ở hàm răng trắng muốt có một cái răng khểnh rất xinh, rất nghịch ngợm và đầy vẻ hồn nhiên, vô tư của nàng.

Thời gian si mê bức chân dung ấy kéo dài có đến tới trên bốn năm. Bốn năm trời trôi qua, bức ảnh vẫn còn tồn tại ở đó, trong khung kính sáng lòa, ở vị trí chính giữa, thuận tiện cho khách qua lại bên đường ghé lại nhìn ngắm, và hầu như chủ nhân của tiệm Dung Photo cũng đắc ý với tác phẩm của mình nên không chịu thay đổi đi mặc dầu những hình ảnh phong cảnh khác cứ vài tháng lại được thay

đổi một lần. Tôi thầm cám ơn ông ta lắm, vì như thế, tôi vẫn còn có dịp hàng ngày nhìn ngắm hình ảnh con người trong mộng của tôi.

Rồi sau đó, tôi đã ngồi lên ghế nhà trường bậc trung học. Tôi đã đến số tuổi để mộng mơ. Và trong những phút giây lan man suy nghĩ về những cơn xao động mong manh trỗi dậy trong tâm hồn của mình, tôi vẫn thấy thấp thoáng chân dung của nàng. Tôi đã đặt cho nàng cái tên giản dị nhưng đầy đủ ý nghĩa đối với tôi là "Dung Photo", lấy ngay tên tiệm ảnh đã sáng tạo ra bức chân dung của nàng.

Một năm trước ngày có hiệp định chia cắt, anh bạn cùng lớp với tôi bỗng một hôm nêu ra một phát giác hết sức động trời:

— Tớ biết địa chỉ "Dung Photo" của cậu rồi!

Tôi giật nẩy người lên như chưa bao giờ bị hứng chịu một cơn chấn động mạnh mẽ đến như thế. Thấy mặt tôi hơi biến sắc, Hòa, người bạn của tôi vỗ vai cười:

— Bộ cậu yêu thật đấy à?

Tôi đỏ mặt lên, cố biện minh:

— Bậy nào! Người ta ít ra cũng hơn mình hai, ba tuổi. Mấy lại đã gặp nhau bao giờ mà yêu với đương.

Hòa thì thào tiết lộ:

— Năm nay chị ấy đúng mười chín! Sắp lên xe hoa về nhà chồng đấy! Cậu có muốn biết tên thật là gì không?

Tôi vội vã giơ tay cản lại, như muốn chối bỏ tất cả những điều gì do anh bạn đã tiết lộ ra:

— Khỏi cần! Khỏi cần! Với tôi, bao giờ nàng cũng chỉ có một tên là "Dung Photo".

Tôi nói mà thấy như giọng của mình nghẹn lại. Sự nghẹn ngào này không dấu nổi ánh mắt tinh tế của Hòa, cho nên anh ta biết ý xoay câu chuyện qua một đề tài khác. Tôi cho như vậy là hơn, vì thực sự ngay lúc đó, tôi không có đủ can đảm để nghe rõ hơn về những chi tiết quanh nàng. Có còn gì nữa đâu khi nàng sắp lên xe hoa về nhà chồng. Một tuần lễ sau ngày tiết lộ của Hòa, tiệm Dung Photo cất bức ảnh chân dung đi, không trưng bầy ra nữa. Có thể nó đã được mua lại bởi người chồng chưa cưới của nàng. Mối tình si mê viển vông của tôi bị cắt đứt phũ phàng nhưng chính điều đó lại càng để lại trong lòng tôi những vết thương khó lành. Cả khu phố Bờ Hồ như hoang sơ hẳn đi vì sự thiếu vắng bức chân dung của nàng. Tôi mất thói quen đạp xe nhàn tản trên đường phố lúc về chiều, và không lần nào lại không ghé qua Dung Photo để nhìn ngắm ánh mắt, nụ cười của người thiếu nữ ấy. Gọi là tôi thất tình thì không đúng vì tôi chưa bao giờ được gặp nàng, nhưng những phút nhớ nhung, xao động đã gậm nhấm làm tôi thao thức, trằn trọc nhiều đêm, và tôi đã thổ lộ tâm sự của mình trên hàng xấp nhật ký viết riêng cho mình đọc.

Tới tháng 7 năm 1954, trước khi giã từ Hà Nội, tôi đến chào từ biệt Hòa tại nhà anh ta ở phố Đường Thành. Hòa tiếp tôi ở trên chiếc ghế xích đu đặt ở sân ngoài. Ngồi tại đó, tôi có thể nghe thấy những âm thanh cười nói phát ra từ phòng khách phía trên, qua một khung

cửa sổ mở rộng. Có giọng nói của đàn ông xen với tiếng trả lời ấm áp, rộn rã của thiếu nữ. Hòa chỉ tay về phía ấy và nháy mắt với tôi:

— Dung Photo đấy! Bà ấy sắp trở thành chị dâu của tôi!

A! Thêm một điều mới lạ nữa mà bây giờ tôi mới phát giác ra. Tôi đã từng biết Dung Photo sắp lấy chồng, nhưng tôi không thể ngờ được rằng nàng lại sắp lấy anh ruột người bạn cùng lớp của tôi. Chẳng phải Hòa dấu diếm gì, nhưng một phần vì tôi không muốn hỏi tiếp tới sau câu chuyện bữa nọ đã xảy ra, phần khác, Hòa đã trông thấy phút nghẹn ngào của tôi qua ánh mắt, qua giọng trả lời đầy xúc động của tôi khi được tin Dung Photo sắp đi lấy chồng.

Nhưng bây giờ thì tôi không còn nhiều thì giờ để quant âm đến những chi tiết ấy nữa. Tôi sắp xa Hà Nội. Tôi sắp dấn thân vào một cuộc phiêu lưu mới với một viễn ảnh nhiều khích động, nôn nóng và dĩ nhiên là hoàn toàn mới lạ đối với tuổi trẻ ham bay nhẩy như tôi. Cho nên, tôi vẫn giữ được vẻ thản nhiên khi được Hòa cho biết Dung Photo sắp trở thành chị dâu của anh ta. Tôi biết rõ tôi đang chuẩn bị để rời xa thành phố này. Trả lại đây những mơ mộng viển vông của thời thơ ấu. Trả lại phố phường những ngày đạp xe đi dưới bóng mát của những lùm cây đầy ắp những âm thanh xao động buổi sáng sớm cũng như lúc xế chiều. Tôi sắp xa tất cả, kể cả người đẹp mà tôi đã từng ấp ủ bóng dáng của nàng qua bức hình ở tiệm Dung Photo với những đêm trằn trọc, thao thức, với những trang nhật-ký kéo dài liên miên, bất tận, hết tập vở này đến tập vở khác.

Lúc tôi sắp sửa ra về thì Dung Photo cũng từ phía nhà trên đi ra cổng. Ngồi ở trên ghế xích đu, qua những cành ngọc lan ngả là là xuống sân sỏi nhỏ, tôi thấy nàng nhí nhảnh đi bên cạnh người chồng chưa cưới, anh Hùng mà tôi đã có nhiều lần gặp gỡ, nói chuyện bâng quơ.

Nàng có mái tóc đẹp hơn cả trong hình, bởi ở tấm hình, tôi chỉ được nhìn thấy phía đằng trước, và tấm hình đen trắng chẳng thể diễn tả được cái vẻ bồng bềnh như mây khói của cả một làn tóc mây dài có mầu đen như mun, có dáng óng ả như một suối tơ thả xuống hai bờ vai thon gọn ghẽ trong chiếc áo dài đơn sơ mầu tím Huế của nàng. Lúc nàng quay lại nói với Hòa, tim tôi thắt lại vì hình ảnh lộng lẫy của nàng. Dung Photo quả là có sắc đẹp trên cả những hình ảnh mà tôi vẫn từng ấp ủ.

Dù là lần đầu tiên tôi gặp nàng, nhưng hầu như tôi có cảm giác gặp lại một người thân quen. Tôi đã chẳng có bốn năm dài đằng đẵng mỗi ngày chiêm ngưỡng nàng trong bức ảnh chân dung là gì. Nhưng nàng chẳng thể biết được tôi là ai lúc đó. Nàng nhìn tôi với cặp mắt hững hờ. Tia nhìn chẳng kéo dài quá một giây đồng hồ mỏng manh. Làm sao nàng có thể hiểu được trên cõi đời này lại có một kẻ đã dành cho nàng biết bao nhiêu tâm tư và thì giờ đến như thế.

Sau bữa đó là gần ba mươi năm dài chia xa. Tôi không còn được nghe tin tức gì về Hòa, về anh Hùng cũng như về đám cưới của nàng sắp được cử hành. Cuộc sống mới của tôi ở miền Nam có những lôi cuốn mãnh liệt. Hà Nội lùi xa dần trong trí nhớ của tôi. Những hình

bóng cũ, những kỷ niệm cũ, những tâm tình mơ mộng cũ lâu ngày đã bị chìm khuất sau lớp bụi mỗi lúc một dầy thêm của thời gian, của những va chạm trong cuộc sống, của những biến cố mà con người phải trực diện từng ngày trong một đất nước có chiến tranh.

Mãi tới đầu năm 1978, khi gặp lại Hòa từ miền Bắc vô Sàigòn, mọi thứ cũ càng trong quá khứ mới có dịp trỗi dậy.

Chúng tôi, sau những phút e dè khởi đầu, đã có thể hàn huyên với nhau đủ thứ chuyện, dĩ nhiên câu chuyện về đời sống của người đẹp năm xưa không thể không đề cập đến. Sau đây là lời kể lại của Hòa:

— Sau khi cậu đi Nam rồi, những ngày đầu của sự tiếp thu Hà Nội là những ngày sôi động nhất. Tuổi trẻ thành phố ùa xuống đường cuồng nhiệt như thác lũ đầu mùa. Với tất cả thiện chí và nhiệt thành của tuổi trẻ, cộng thêm cả yếu tố ham vui, ham hoạt động, họ đã đón nhận thể chế mới như một cơ hội làm lại xứ sở sau những năm tháng dài ngủ quên dưới chế độ thuộc địa của Pháp. Chín mươi chín phần trăm đều không biết cộng sản là gì ngoại trừ một thiểu số thanh niên nhậy cảm như anh Hùng. Điều này đã trở thành một cái hố ngăn cách khởi đầu giữa anh Hùng và chị "Dung Photo". Chị ấy đẹp lại có khiếu văn nghệ, hát hay, đàn giỏi, nên tham gia đủ loại chương trình trình diễn. Trong khi ấy anh Hùng khép kín mình lại để làm thơ, viết văn mà không bao giờ gửi đi đăng báo cả. Đám cưới đã dự tính của hai người, trên căn bản đó đã đình hoãn rồi mâu thuẫn sâu sắc ngày một gia tăng đến độ phải hủy bỏ. Một thời gian sau, anh Hùng tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, đóng góp rất hăng hái cho giai phẩm Đất Mới của sinh viên, trong khi ấy chị Dung Photo đã có người yêu mới, một cán bộ văn công cao cấp, có Đảng tịch và dĩ nhiên là già hơn chị ấy ít ra là mười lăm tuổi. Trước ngày lên xe hoa về nhà chồng, chị ấy có gặp anh Hùng một lần cuối. Cố gắng cuối cùng của chị là mong cứu vãn tình thế nguy hiểm của anh Hùng trước khi quá trễ. Chị tiết lộ cho anh Hùng hay rằng Đảng Ủy đang chuẩn bị đánh lớn, đánh quyết liệt vào đầu não cũng như những dây mơ rễ má của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm: Ngoài lý do "Không còn đường nào khác" chị ấy còn cố lay chuyển tư tưởng của anh Hùng:

— Anh không thấy đất nước đã đổi mới rồi sao? Độc lập là ước mơ của toàn thể mọi người. Bây giờ không còn là lúc để ngồi đặt vấn đề mà là thực sự bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước. Dĩ nhiên, một đất nước vừa trải qua cuộc kháng chiến trường kỳ thì ở lãnh vực nào không có sai sót. Chúng ta, nhân danh tuổi trẻ, sẽ nỗ lực sửa chữa những sai sót ấy. Tương lai, vận mệnh của quê hương này ở chúng ta. Thế thì còn có điều gì nữa mà anh ngần ngại?

Anh Hùng chỉ lẳng lặng ngồi nghe mà không phát biểu một lời nào. Thực sự lòng anh vô cùng chua xót khi nhìn thấy người yêu như một cánh chim hăm hở, muốn vụt cất cánh bay lên trời cao không biết, hay không muốn biết bầu trời đang vần vũ những cơn bão tố. Dung Photo có lý tưởng của nàng. Mà sự khác biệt về lý tưởng là nguyên do khó có thể hàn gắn được những đổ vỡ.

Nửa năm sau đó, chị đi lấy chồng cùng lúc với anh Hùng bị bắt đi

cải tạo tập trung.

Hôm công an ùa vào nhà khám xét, căn phòng của anh bị tìm bới tung toé cả lên. Họ mang đi rất nhiều bản thảo, giấy tờ, và cả những tờ báo anh viết dầy đặc những lời ghi chú lên đó nữa.

Hòa kể đến đây thì chậm rãi rút ở túi ra một bức hình. Vừa thoáng nhìn, tôi đã la lên:

— Hình của Dung Photo.

Hòa gật đầu:

— Đúng rồi! Bản chính, tấm lớn lồng kính mà ngày xưa cậu đã từng chiêm chưỡng bốn năm liền thì anh Hùng đã trả lại cho chị ấy từ ngày hai người hết liên hệ với nhau - Duy còn có tấm được rửa ra cỡ nhỏ này thì anh ấy không hiểu vô tình hay cố ý giữ lại trong ô kéo, mãi đến lúc công an lục lọi nó mới rơi ra, và tôi đã giữ lại sau khi anh ấy bị dẫn giải đi. Không bao giờ anh tôi còn có dịp nhìn lại bức hình này. Anh ấy đã chết trong lao tù ở Việt Bắc.

Kể đến đó, khuôn mặt xanh xao của Hòa chợt như rắn đanh lại. Tôi thấy ánh mắt của anh gợn lên những tia sáng đục ngầu và long lanh như ngấn lệ. Tôn trọng giây phút cảm xúc chợt đến trong tâm tình của người bạn cũ, tôi lẳng lặng cầm bức hình lên ngắm nghía. Cả một dĩ vãng xa vời tưởng đã chìm khuất trong lớp bụi chồng chất của thời gian nay đột nhiên sống dậy một cách vô cùng mãnh liệt. Tôi như thấy lại tâm tình của tôi năm mười bảy tuổi. Tôi như vừa đã đứng ở đó, ngày hôm qua, tay còn dắt chiếc xe đạp cũ màu xanh, đứng say mê nhìn ngắm bức chân dung lộng lẫy bầy trong tủ kính của tiệm Dung Photo ở trên đường phố Bờ Hồ. Vậy mà hơn một phần tư thế kỷ đã trôi qua. Thời gian thì khoảnh khắc mà tang thương, dâu bể đã chồng chất biết bao nhiêu nỗi niềm.

Đêm hôm ấy, Hòa lưu lại nhà tôi để còn tiếp tục tâm sự. Tôi thấy rõ những khoảng cách biệt, ngỡ ngàng giữa tôi và Hòa cứ ngày một thu ngắn lại. Thì ra dù đã được tôi luyện, nhào nặn dưới chế độ cộng sản đến bao nhiêu năm, hầu như mỗi con người miền Bắc đều còn ấp ủ một mối tâm tình riêng biệt, đào rất sâu, chôn rất chặt, và nó chỉ bung ra một cách hiếm hoi khi có dịp.

Tôi được nghe Hòa kể tiếp:

— Chị Hồng... ấy quên, "Dung Photo" của cậu chứ, sau này trở thành một diễn viên nổi tiếng ở miền Bắc. Chị ấy chuyên thủ những vai trò có tính chất khích động tuổi trẻ, làm sống dậy trong tâm hồn tuổi trẻ cái ý thức phục vụ xây dựng trên căn bản nuôi dưỡng sự căm thù. Tôi hiểu rằng chị chỉ là một hòn bột nằm trong tay nhào nặn của người chồng làm văn công ở cấp cao. Chính ông ta viết kịch, hoặc dịch kịch bản từ Trung Quốc hay Liên Xô, rồi cũng chính ông ta đạo diễn cho chị để đặc tả những xen, cảnh mà tình huống mâu thuẫn lên cao nhất, căng nhất. Sự thành công tột bực của chị đã phủ một hào quang đến nỗi làm cho chính chị bị chóa mắt. Chị ấy có ảo tưởng như mình là một biểu tượng của tuổi trẻ tiến bộ trong một xã hội cũ kỹ đang chuyển mình tiến lên một vận hội mới. Chị ấy say sưa đả phá những động lực làm trì trệ con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Trước còn ở trên sân khấu, sau lan ra cả đến cuộc đời thực tế mà nạn nhân bị chĩa mũi dùi đầu tiên chính là người chồng già nua, nhiều tuổi Đảng của chị. Ông ta đâu có phải là ông thánh. Chẳng có ai là thánh trên cõi đời này kể cả mấy ông trùm nằm trong trung ương Đảng. Nói cho rõ hơn, nhiều anh các kẻ cũng muốn hủ hóa nhưng làm gì có điều kiện. Phần lớn đã biến thành những mẫu người gan lì, chịu đựng, nhưng trong thâm tâm vẫn ẩn náu một nỗi niềm mơ ước được bung ra như một vẩy sét nằm trong những thanh thép đã được chui rèn. Các ông cán bộ cấp cao thì đời sống hẳn phải khác hơn. Họ có cơ hội để bị thú tính dẫn dắt. Chồng chị không ra ngoài thông lệ đó. Là một người sống thân tín, cận kề, chị đã thấy hết những nhược điểm của con người Đảng viên đó. Nói một đằng, sống theo một nẻo. Ông ta đã hưởng thụ trên những thành quả đóng góp của tuổi trẻ do chính chị đã vận dụng khả năng trình diễn của mình để lôi cuốn, khích động họ. Cái cảm giác lại phản bội cứ mỗi ngày một hiện hình rõ nét ra, sâu đậm hơn. Nó lại còn được gia tăng hơn nữa trong một lần chị nhận được lá thư của một nữ khán giả trẻ tuổi. Cô ta viết: "Chị trình diễn hay lắm. Tài năng của chị đã lôi cuốn cả một thế hệ trẻ tuổi như tôi. Chính vì chị mà tôi cũng đã có thời gian lao đầu một cách mù quáng vào công cuộc xây dựng một xã hội, cái xã hội mà ở đó đã bứng tôi ra khỏi mái ấm của gia đình, đã xô đẩy tôi tới chỗ tận cùng của đen tối. Chị có biết tôi hiện nay đang làm nghề gì không? Xin thưa ngay: tôi vừa phải là công nhân vừa đi làm một con điếm!" Lá thư vỏn vẹn có ít hàng nhưng vừa đủ giá trị như một mũi tên sắt bắn xuyên qua trái tim của nàng. Hồng bị dồn nén mặc cảm, và cho đến một ngày thì nó bùng nổ ra một cách rất bất ngờ. Câu chuyện xảy ra ở ngay trên sân khấu nơi các diễn viên đang chuẩn bị tập diễn cho một vở kịch. Cuộc sô sát giữa nàng và người chồng nhiều tuổi Đảng cứ mãnh liệt dần trước cặp mắt ngơ ngác của nhiều diễn viên. Tiếng ông chồng đạo diễn:

— Chỗ này em chưa đặc tả hết phẩm chất của người nữ công nhân trong chế độ ta. Hãy nghĩ đến sự căm thù của một tầng lớp bị bóc lột tới tận xương tủy. Hãy dồn sự căm thù ấy vào một câu nói. Câu nói ấy ngắn ngủi thôi nhưng nó là biểu tượng của một nhận thức đã chín mùi, đã tới nhẩy vọt, bùng vỡ...

Hồng nhẫn nại trong cơn mệt mỏi tận cùng của mình. Nàng nhắm mắt lại để tập trung ý chí và khêu gợi niềm hận thù. Nhưng vô ích! Như một sợi giây cao su đã bị căng ra nhiều lần, tới giây phút đó, sức đàn hồi chỉ còn là một cái gì nhão nhoẹt. Nàng thấy thấm thía về những nỗi xót xa, ê chề, mà từ lâu nàng đã từng có cái cảm giác như nó đã hiện diện, gậm nhấm trong vùng sâu thẳm của tâm tư của mình. Nếu ngay phút này, nàng được yên nghỉ, được nằm úp mặt vô trong tấm chăn để khóc vùi thì có lẽ nàng sẽ trấn áp được cơn giao động đang làm cho óc nàng căng thẳng như muốn nổ tung ra. Nhưng thực sự thì nàng đang đứng ở đây, trên bục gỗ sân khấu, dưới ánh sáng của những ngọn đèn chói lòa, dưới cặp mắt xoi mói của những diễn viên, những công nhân phục vụ sân khấu, những cán bộ văn hóa chỉ đạo và

nhất là tiếng nói cứ mỗi lúc một gay gắt của chồng nàng vang dội bên tai:

— Tập trung... căm thù... nhẩy vọt... bùng vỡ!...

Những âm thanh chát chúa ấy nhóm lên trong lòng nàng cơn phẫn nộ cứ mỗi lúc một gia tăng. Vừa phẫn nộ, nàng vừa cảm thấy thật là tức cười! Cái lũ ngồi bệ vệ, lom lomdòm ngó từng điệu bộ, theo dõi từng cử chỉ, đôn đốc, phê bình, chỉ trích từng câu nói, từng cách lên giọng xuống giọng mà những bản mặt của họ, những bản mặt hưởng thụ, phè phỡn hoàn toàn mâu thuẫn với những điều họ bắt nàng làm, buộc nàng phải đặc tả, lại có thể đòi hỏi, yêu sách đối với những người như nàng ư! Nàng ước mơ một xã hội công bằng thật đấy, nàng khích động tuổi trẻ xây dựng một tương lai đầy xán lạn mới thật đấy, nhưng nhất định không phải là đi chung một mục đích, một con đường như lũ người đầy quyền hành và ham hưởng thụ này. Trong cuộc đời, nếu có những giây phút đặc biệt nghiêm trọng, đặc biệt thiêng liêng, đặc biệt mầu nhiệm có thể làm cho con người như sực tỉnh một cơn mơ, đầu óc tràn ngập ánh sáng của sự minh triết để có thể vụt nhận thức thấu suốt được cả một chặng dài mê lộ mà mình vừa trải qua, thì đúng giây phút đó đã vừa xẩy đến với nàng. Nó soi rọi cho nàng thấy hoàn cảnh của những con người: lầm than, cơ cực dưới xã hội mới. Nó chỉ rõ cho nàng thấy cái công trình ra sức đóng góp bằng tài năng và nhiệt tình của tuổi trẻ như nàng chỉ là những cố gắng vun đắp cho một đẳng cấp phong kiến mới. Giá trị của nàng do đó chỉ là một con bù nhìn bị giật giây cử động hay một hòn bột được nhào nặn tùy theo cung cách, ý muốn của những kẻ có quyền hành.

Thế là trong một giây phút bất ngờ nhất, nàng như bị một động lực sâu thẳm, chất chứa, xúc tích từ bao nhiêu năm, nay bật lên như sức bật của một cái lò so, khiến cho nàng có thừa đủ ý chí và sức mạnh để giật cái khăn quàng (một y phục hóa trang của diễn viên) ra khỏi cổ và ném nó xuống đất.

Phúc, tên chồng của nàng, thừa đủ bén nhậy để thấy sự bất thường đang xẩy đến trong tâm tư, tình cảm của vợ mình. Ông ta nhào lại phía Hồng vừa nói to để lấp liếm, nhưng dụng ý là để che dấu hình ảnh chống đối của Hồng trước đám cán bộ ngồi ngay ở hàng ghế đầu quan sát buổi diễn tập:

— Em cố gắng nhiều quá nên kiệt sức rồi. Thôi! tôi đề nghị các đồng chí tạm nghỉ giải lao.

Vừa nói ông ta vừa dùng toàn lực để đẩy xô nàng về phía sau sân khấu. Hồng rợn lên vì cái cảm giác như bị xô bởi cái sức lực mang động cơ của sự hận thù. Điều đó cũng dễ hiểu thôi, bởi cơn bất kham chợt đến của Hồng có thể gây đổ vỡ trên nhiều mặt: Đoàn kịch nghệ, kịch bản, những buổi trình diễn đã dự liệu và trên tất cả, là chính địa vị cũng như uy tín của chồng nàng. Ngần ấy yếu tố đã đủ để Phúc xô Hồng dưới sức nặng của hai cánh tay và với những ý nghĩ hận thù. Hồng hơn ai hết cảm nhận rõ điều đó. Bởi nhiều năm qua, Phúc chưa bao giờ phản ứng quyết liệt đến như thế, và cũng bởi

vì chưa bao giờ Hồng đã trở chứng một cách bất kham ngay trên sân khấu của buổi tập.

Phúc xô Hồng về phía cửa phòng hóa trang của diễn viên. Ông ta đẩy mạnh nàng vô trong, rồi đóng thật mạnh cánh cửa lại. Với hai bàn tay đầy móng sắc, ông ta bấu chặt lấy hai bờ vai của Hồng, trì nàng xuống bằng cả sức nặng của thân hình và bằng tia nhìn đỏ ngầu vì cơn xúc động, giận dữ. Rồi ông ta rít lên qua những kẽ răng nghiến chặt:

— Cô làm cái gì thế? Cô muốn phá hoại hả?

Hồng không đáp mà chỉ cố vùng vẫy. Hơn bao giờ hết, nàng thấy thực tế đang xảy ra đã diễn tả đúng hệt hoàn cảnh của nàng hiện tại. Nàng đang bị bủa vây bởi hàng rào của bạo lực. Bạo lực không phải hôm nay, phút này mới có nhưng nó đã hiện diện từ lâu dưới hình thức bàn tay sắt được bọc nhung. Bao lâu nay nàng cảm thấy làn nhung êm ái, mềm mại là bởi vì nàng chỉ đã tuân phục một cách tuyệt đối. Tình thế đổi khác thì sự phản ứng của chế độ, mà đại diện gần gũi là chồng nàng cũng đổi khác một cách nhậm lẹ, không cần đắn đo, suy tính. Nó xẩy tới trong chớp mắt giống như cử chỉ bổ nhào về phía nàng lúc nãy và đẩy nàng về phía sau sân khấu với ý thức của sự hận thù. Hồng thực sự hoảng sợ. Cơn hoảng sợ mà đến nhanh chóng không kém, nhưng đồng thời cũng bị nàng nhận chìm xuống bằng những hình ảnh của xã hội lầm than cơ cực bên ngoài, bằng lá thư của người nữ khán giả vừa làm công nhân vừa làm điếm mới đủ nuôi thân. Những thứ đó không phải hôm nay, bây giờ mới có mà thực sự nó đã âm thầm hiện diện như những con xoáy nước, có sức bền bỉ làm sụp đổ cả một cây cầu. Nàng vẫn tự nhủ mình cố gắng đến tối đa trong mọi nhiệm vụ hàng ngày đâu phải để chỉ phục vụ cho một tầng lớp giai cấp phong kiến mới đã thành hình và đang cấu kết với nhau một cách bền chặt. Rõ ràng tuổi trẻ và lòng nhiệt thành đã bị lợi dụng một cách triệt để, và tinh vi. Hồng không muốn tiếp tục để bị khai thác như những con bù nhìn chỉ biết cử động khi bị giật giây. Nàng gằn giọng nói với Phúc:

— Anh buông tôi ra! Đối với tôi, từ nay là chấm dứt.

— Chấm dứt cái gì?

— Mọi nhân vật kịch cỡm và những ý đồ gian xảo của anh xây dựng trên những nhân vật ấy.

— Cô mất cảnh giác và sai lập trường một cách nghiêm trọng rồi.

— Thì đã sao!

— Cô không lường được hết mọi hậu quả về sự kiện đó sao!

Hồng vụt nổi giận. Nàng có cảm giác kinh tởm bộ mặt của Phúc đến cùng cực. Nàng hét to lên mà hắn tất cả mọi người ở bên ngoài cũng đều nghe thấy:

— Anh đừng có dọa dẫm tôi. Tôi chấp nhận hết. Thà hậu quả xẩy ra thế nào thì cũng còn hơn là tôi tiếp tục con đường trình diễn nhớp nhúa này. Anh cút đi! Anh cút đi!

Phúc xô nàng ngã xuống nền gạch và đi ra cửa như một con hổ dữ. Ông ta đóng sầm cánh cửa phòng lại, mạnh đến nỗi mấy tấm gương treo trên tường bị xao động mạnh, và có một tấm bị rớt xuống

sàn gieo lên tiếng vỡ loảng xoảng.

Mọi người đổ xô vào phòng, nhưng không ai lại gần Hồng cả. Họ thực sự e ngại trước vẻ mặt đầy tính chất khác thường của Hồng. Lúc nàng bước ra, cả bọn giạt ra cả hai bên. Hồng không nhìn ai nhưng có cảm giác như cả trăm con mắt đang dồn về phía mình. Khi bước qua dẫy ghế đầu, nàng nghe thấy giọng của Phúc cố gắng phân trần:

— Tôi xin lỗi các đồng chí! Dù cô ấy là ai, tôi cũng sẽ có biện pháp thích đáng.

Đột nhiên Hồng lấy lại được sự bình tĩnh đến độ chính nàng cũng không hiểu được sức mạnh nào đã đem lại cho nàng cái phẩm chất ấy. Có thể là sự khinh bỉ. Có thể là cơn phẫn nộ, sự oán ghét, lòng căm thù, những tình cảm nàng đã được nuôi dưỡng, dậy dỗ, nhưng không phải để trút lên đầu những con người ưu tú như những người nữ công nhân, như Hùng, như những ngòi bút trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm mà chính là dành cho những cán bộ văn công cấp cao như lũ người trước đây vẫn còn có quyền phán xét nàng và được nàng để cho phán xét. Hồng quay lại đám người lố nhố đó để mỉm một nụ cười ngạo nghễ.

Nàng không biết Phúc sẽ áp dụng những biện pháp thích nghi nào, nhưng điều đó có gì đáng quan tâm khi nàng đã tự giải phóng chính mình.

Đã từ lâu lắm, hôm nay nàng mới nhớ lại hình bóng của anh Hùng với tràn ngập nỗi xót xa như bị sát muối ở trong lòng.

Sau bữa đó, Hồng đã không trở về nhà mà đạp xe về tạm trú ở nhà mẹ của nàng ở mãi khu cư xá tập thể Giảng Võ.

Những gì đã xảy đến cho nàng, chính Hòa cũng không được biết. Hòa chỉ đã kể thêm:

— Lần cuối cùng tôi gặp lại chị Hồng là lần tôi đi công tác trên vùng những đồi trà ở Phú Thọ cách đây vừa đúng năm năm. Chị ấy đã lập gia đình với một bộ đội phục viên đã cụt một chân trong mặt trận Điện Biên Phủ. Hai người có vẻ hòa hợp với nhau. Anh ấy thản nhiên ngồi nghe chị kể lại cho tôi nghe tất cả những chi tiết mà tôi vừa thuật lại. Sau cùng, anh ấy chỉ nói thêm:

— Tôi bị loại ra khỏi vòng chiến từ sau năm 1954. Tôi không can dự gì vào với thời cuộc, ngoài công tác phục vụ sản xuất những sọt trà. Nếu có phải liên can gì đến cái xã hội thối tha, đáng nguyền rủa này, thì tôi là người ít mặc cảm nhất!

Nhật Tiến
tháng 4/1985

Hà Tiểu Thạch

Một chốn xinh tươi.

Anh muốn hứa cùng nàng căn gác nhỏ
Rất đơn sơ như một tổ chim rừng
Trên đồi vắng giữa mênh mông đồng cỏ
Hay sườn non vách đá dựa sau lưng

Phương Đông sẽ mở ra nhiều cửa sổ
Để những đêm mơ lỡ giấc ưu phiền
Bình minh sẽ rung hồi chuông rực rỡ
Kéo ta về cùng hiện tại thần tiên.

Phương Tây sẽ có căn lều lợp cỏ
Em bày trà ta trò chuyện lan man
Để cho những tà dương sầu vạn cổ
Ngó đôi mình mà học nỗi hân hoan.

Anh hăng hái trở thành con mọt sách
Sẽ thiên kinh vạn quyển thuộc lầu lầu
Để kể lại cùng em muôn sự tích
Có từ ngày nhân loại biết yêu nhau.

Em: cô giáo đã tuyệt vời thông thái
Đã gồm thâu biển học khắp đông, tây
Anh ngoan ngoãn làm môn sinh khờ dại
Học muôn đời chỉ thuộc chữ mê say.

Ngày nắng lớn ngày thơm như trái chín
Đêm mưa bay đêm diễm ảo khôn cùng
Ta hạnh phúc trong mọi vùng khí hậu
Bởi người vui muôn vật phải vui chung.

Em sẽ hát theo chim chào nắng sớm
Sẽ ngâm câu thơ cổ lúc đêm về
Ngày sẽ đẹp như ngày ta mới lớn
Đêm trầm hương thơm ngát khúc Đường thi.

Ta sẽ mến thương đời theo Chúa, Phật
Gói tim ta trong những hộp muôn màu
Để cuối năm bay một vòng trái đất
Làm quà vui trao tặng khắp năm châu.

Sẽ đóng cửa yêu cầu bè bạn cũ
Thông cảm giùm hai kẻ bận thương nhau
Bận hợp tác viết nên pho tình sử
Viết trăm năm chưa hết nổi chương đầu.

*
* *

Anh đã thấy cánh đồng xanh cỏ mượt
Đã tìm ra vách đá dựng sườn non
Nhưng hình dạng của căn nhà mơ ước
Anh hoang mang chôn kín mãi trong hồn.

Bởi vĩnh viễn không nguôi lòng tiếc nhớ
Sợ một ngày lặng đứng trước thềm rêu
Thấy cửa sổ phương đông mờ bụi phủ
Và phương tây cỏ dại kín sân, lều.

Thôi em nhé, mình quên căn gác nhỏ
Quên cõi trần còn một chốn xinh tươi
Ôi khoảng cách ngăn ta và chốn đó
Rộng mênh mông hơn cả một đời người.

"Pennsylvania", ink drawing 12 x 18, 1981, by Võ Đình

VÕ ĐÌNH
Cũng thư gửi bạn.

Ngày xưa, hồi mới di tản, ông Võ Phiến có cho ra đời tập đoản văn Thư Gửi Bạn *(Người Việt, 1976). Hai năm sau, với Lê Tất Điều, Lâm Triết, Trần Đình Long, ông làm tờ* Văn Học Nghệ Thuật. *Rồi ông lại còn đủ hứng để ra thêm cuốn* Lại Thư Gửi Bạn *(Người Việt, 1979). Tờ VHNT cứ quậy đến số 13 thì nó chết (Nó chết vì vừa đến con số hên đó thì tôi vẽ cho nó cái bìa. Ở Hoa Thịnh Đốn, tờ* Việt Chiến *cũng chung một số phận, sống đến số 13, tôi cho cái bìa, nó cũng chết!).*

Nay nghe VHNT tái sinh, tôi vì tình xưa nghĩa cũ viết một bài dưới hình thức lá thư gửi cho ông bạn nhà văn hiện ở tù tại quê nhà. "Thư" này, làm sao ông bạn ở tù đọc được! Nhưng tôi tin rằng (mạng ông bạn này lớn lắm) một ngày nọ ông sẽ đọc trên VHNT tục bản, và ông sẽ lấy làm thú vị vô cùng. Cho nên mạn phép ông Võ Phiến mượn đỡ cái tên sách của ông: "Cũng Thư Gửi Bạn."
V.Đ.

Bác biết không, thế là Dì (1) Evonne ra đi. Dì ra đi mà tôi chưa kịp vẽ chân dung cho Dì. Nhà tôi ở trên đồi, nhà Dì ở dưới chân đồi, mỗi ngày muốn lấy thư tôi phải xuống đồi, đi ngang qua nhà Dì, có khi ghé lại giúp Dì đem bao rác ra để ở gần đường, hay biếu Dì tá trứng tươi gà mới đẻ (2). Dì Ivonne già yếu lắm rồi, người khô đét, đen thui, vai còm, tóc thưa bạc phơ. Nhưng Dì là một bà cụ thật đẹp. Dì có cái dáng dấp mấy bà nội bà ngoại ở nhà quê việt Nam, với đôi mắt tuy đục nhòa nhưng lại có vẻ hóm hỉnh tinh nghịch, và cái miệng móm cười thật có duyên. Trước khi Dì chết, tôi cứ định bụng vẽ Dì hoài mà chưa có dịp. Thế rồi đi vắng có mấy ngày, đến khi về nhà tôi mới biết Dì bỗng mệt nặng, được đem vào nhà thương có hai hôm thì mất, vừa đúng 91 tuổi. Thế mới biết là chẳng riêng gì một miếng ăn miếng uống mà đến cả một nét vẽ, cũng phải có duyên với nhau.

Hôm đưa đám Dì Evonne, trời khá lạnh, tuyết nhiều, những bông tuyết to và trắng rơi lả chả nặng nề, buồn thảm như những đóa hoa trắng úa nát. "Dượng" Melvin, chồng Dì, già yếu và đau đớn, đứng không nổi phải có con cháu dìu đỡ. Cả đám táng chỉ có một người da vàng là tôi. Tôi tần ngần đứng nhìn người ta hạ huyệt quan tài, nhìn người ta tung hoa, đổ đất, người ta ôm lấy nhau, khóc với

nhau. Và bỗng nhiên bừng hiểu: Nếu tôi có dịp vẽ được bức chân dung cho Dì Evonne, đó là một cái duyên đẹp. Nhưng tôi chưa vẽ, và sẽ không bao giờ vẽ nữa vì Dì đã qua đời, đó là một cái duyên còn lớn hơn. Một hình ảnh đẹp như Dì Evonne là một hình ảnh cứ để nằm âm thầm trong con mắt của trí nhớ, đừng đem lên giấy lên vải thì hơn.

Với lại, tôi phải nói thật, mà dù có không nói chắc Bác cũng biết. Cái tài vẽ của tôi để minh họa cho một câu như *"Yên ba giang thượng sử nhân sầu"* hay *"Cành lê trắng điểm một vài bông hoa"* thì còn được, chứ để vẽ một người đàn bà đã vui, đã khổ, đã khóc, đã cười trong ngót một thế kỷ, tôi e là một việc ở ngoài tầm tay!

*
* *

Trước ngày đi ở tù lần thứ hai, Bác có hỏi tôi *"dạo sau này sinh hoạt ra làm sao?"*. Bây giờ tôi trả lời thì Bác đã ở xa rồi.

Dạo sau này, bác biết là thỉnh thoảng tôi cũng tham dự một vài cái mà sau 1975 chúng tôi ở ngoài nước gọi là "sinh hoạt cộng đồng", và nhờ vậy một người lâu nay ru rú ở một cái xó này được nhiều dịp gặp gỡ những đồng bào không quen. Bác vẫn biết là xưa nay tôi không có thói như nhiều người, vì tình đồng bào cũng có mà vì tò mò, khoe khoang cũng nhiều, thích hỏi han nhau về công ăn việc làm, nhà cửa xe cộ, nên tôi rất ngại mỗi khi phải khai báo nghề nghiệp. Bác sĩ, giáo sư, chuyên viên điện toán, chủ tiệm, quét dọn, bồi bàn, v.v... thấy người ta nói, giản dị quá, thoải mái quá, mà đâm ra ganh! Vì lúc có người hỏi tôi: "Vậy chớ ông (anh, bác) nay "công tác" ở đâu?", tôi chẳng biết trả lời ra làm sao cho nó ổn.

Tôi nhớ đã từng nói với Bác nhiều lần, mười mấy năm về trước, là cái truyền thống văn học nghệ thuật của Việt Nam ta nó kỳ kỳ ở chỗ hội họa chưa có được một chỗ đứng thật rõ ràng. Tôi không phải là một thi sĩ, nhưng giá như tôi chỉ trả lời cụt ngủn: *"Tôi làm thơ"*, nghe còn ngon lành. Tùy ở vốn liếng kiến thức, óc văn nghệ, hay ít nhiều cái tính "chịu chơi" mà thôi cũng được, người bạn mới quen sẽ mỉm cười với tôi một cách hoặc thông cảm, hoặc hóm hỉnh, hoặc đồng lõa, hoặc thú vị. Dẫu gì đi nữa, một con người Việt Nam có đôi chút sách vở, khi nghe ai nói "tôi làm thơ" chắc chắn sẽ không mỉm cười ngạc nhiên hay dè bỉu. Đừng có dỡn, "làm thơ" chính đáng lắm chứ, "làm thơ" sướng lắm chứ, đầu thì đội Nguyễn Du, Ôn Như, tay thì nâng Xuân Hương, Thị Điểm... Văn học Việt Nam là thơ! Không cần đọc nhiều thơ, thuộc nhiều thơ, cũng biết thơ là cái gì, thơ nó quan trọng như thế nào, thơ nó sâu xa đẹp đẽ như thế nào.

Nếu không muốn nói *"Tôi làm thơ"* mà chỉ nói *"Tôi viết văn"* nghe cũng còn được. Xa xưa, tên nước đã phải chẳng là Văn Lang ở đó ư? Người Việt Nam ta có truyền thống quí trọng câu thơ lời văn, cho nên không cần phải biết hay làm sao ho làm sao, chỉ nghe đến chuyện làm thơ viết văn là đủ hiểu rồi, đủ "thông cảm" rồi, đủ... ngán rồi. Kiểu như cúng dường Tam Bảo. Phật và Pháp thì khỏi nói. Đến

như Tăng, chỉ thấy Tăng là kính cẩn hết mình, chẳng cần biết đó là bậc chân tu, bậc minh sư, hay chỉ là *tăng phỉ* (tant pis), hay là *ô-tăng* (en emporte le vent)!

Tôi có quen một bà giáo người Mỹ có chồng Việt (tôi nhớ hồi Bác ở Mỹ, tháng Giêng 1968, tôi có chở Bác đi thăm họ), từng phán một câu để đời: "Người Việt Nam lấy kim chích, không thấy máu chảy, chỉ thấy chảy nước mắm". Đôi khi cao hứng, bà thay đổi vài chữ cho nó có vẻ học thức hơn: "Người Việt Nam lấy kim chích, không thấy máu, chỉ thấy ứa ra thơ văn" *(... "all you can see is literature oozing out")*. Đó, Bác thấy chưa? Mỹ mà người ta còn biết như vậy huống hồ Việt Nam mình với nhau. Vì vậy nếu tôi có nói *"Tôi làm thơ"*, thì người bạn mới quen cũng chỉ nói *"À, Bác* (anh, ông) *làm thơ..."* là cùng. Rồi thôi. Đời nào người ta dám suồng sã truy vấn: *"Vậy thì Bác làm thơ về cái gì? Bác muốn nói cái gì? Bác làm thơ Tàu, hay Bác làm vè? Bác không làm thơ tự do hả? Nghe nói thơ tự do cũng hay lắm... Bác có biết thi sĩ Nguyễn Văn Bưởi ở Biên Hòa không? Anh em cô cậu với tôi đó. Làm thơ có bốn chữ thôi mà thật hay..."* Rồi cười thông cảm, rồi có lẽ đôi mắt của người bạn trở nên mơ màng chút đỉnh, xa xôi chút đỉnh. Vậy thôi.

Nhưng khổ nỗi, tôi đâu phải là người làm thơ. Lai rai thơ thẩn vài bài cho vui đâu có trở thành người *làm* thơ. Mà chẳng lẽ lại thiệt thà trả lời: *"Tôi vẽ"*. Trước hết, nghe nó cụt lủn, trơ trẽn, ngổ ngáo thế nào. Sau nữa, đâu có được sự thông cảm để dành cho thơ văn vốn rỉ rả từ ngàn năm trong huyết quản con người Văn Lang. Người bạn mới quen sẽ hỏi, và mình phải trả lời, những câu hỏi như vẽ về cái gì, sơn thủy (!) hay truyền thần (!) (có người giản dị hơn, chỉ nói phong cảnh và chân dung), như vẽ với cái gì, sơn dầu hay sơn mài, sơn nước hay... phấn (!), hay, Trời Đất ơi, hay "pastel" (!), hay bút chì màu... Đến khi câu chuyện đã thấy có phần hứng thú, người đồng bào thân ái mới vỗ trán sực nhớ: *"À, thế Bác có biết họa sĩ Nguyễn Văn Bưởi, trước ở Biên Hòa, anh cô cậu của tôi đó, một tay vẽ lụa đó, vẽ hoa, vẽ lá trên áo lụa các bà các cô đó mà... Trước có cửa tiệm ở Sàigòn, nay ở Texas, làm ăn khá lắm, Mỹ nó chịu lắm, mướn vẽ hoài. Bác có đi Texas phải ghé thăm... Tôi giới thiệu cho Bác nhé..."*

Ai hỏi làm gì mà nói *"tôi vẽ"* để bị khảo cung lục vấn như vậy còn hơn là nói: *"Tôi là họa sĩ"*. Người ta nói *"tôi làm thơ"*, *"tôi viết văn"*, *"tôi giao hàng"*, *"tôi chùi dọn"*, chứ có bao giờ người ta nói *"tôi là thi sĩ"*, *"tôi là văn sĩ"*, *"tôi là nhân viên chuyển vận hàng hóa"*, hay *"tôi là chuyên viên vệ sinh"* đâu. Nói *"tôi là họa sĩ"* là quê một cục, là cù lần, họa sĩ cái con khỉ!

Giả dụ như người hỏi là một người Pháp hay một người Mỹ, thì cơ sự cũng không đến nỗi trầm trọng như vậy. Chỉ nghe nói *"Je suis peintre"* một người Pháp trung bình cho là đủ rồi. Có nói gì sau đó thì họ chỉ xã giao: *"Ước ao có cơ hội chiêm ngưỡng tác phẩm của ông"*. Thế là xong. *Bonne chance. A bientôt.* Còn người Mỹ thì *có vẻ* dân chủ hơn, ít lưu tâm đến giai cấp nghề nghiệp hơn trong đời sống thường nhật. Vì thế, chẳng hạn đứng ở một nhà xuất bản hay mỹ-

thuật-viện nào đó mà khai *"I am a painter"*, người ta sẽ hiểu ngay mình là một họa sĩ. Nhưng nếu đang lang thang đẩy một cái xe trong siêu thị mà nói *"I am a painter"*, thì người ta lại hiểu ngay rằng người nói là một anh... thợ sơn nhà, một nghề đáng kính, dĩ nhiên, một nghề làm ra tiền gấp mấy lần nghề làm... họa sĩ. Cho nên người Mỹ ưa dùng chữ *"artist"* (nghệ sĩ) để chỉ người... họa sĩ. Khổ một cái, (lại khổ!) với người biết mà nói *"I am an artist"* cũng là quê một cục, cũng cù lần chết người. Bởi lẽ một danh nhân nào đó đã từng đanh đá nói rằng *"Everybody paints, but not everybody is an artist!"* (Vẽ thì lắm người vẽ, nhưng chưa chắc cầm cọ vẽ đã là một nghệ sĩ!)

Thành thử, Bác thấy chưa, trên 30 năm chung thủy với nghề, mà giờ đây bộ ria đã muối nhiều hơn tiêu, cái thằng tôi vẫn chưa tìm ra một câu trả lời thích đáng khi đồng bào có lòng hỏi han về công ăn việc làm của mình. Cho nên... cho nên tôi phải kiếm một lối thoát. Một lối thoát mà tôi nghĩ Bác rất chịu. Khi thì tôi trả lời: *"Dạ thì vẽ vời lai rai vậy thôi..."* Lại có khi nghĩ mình dẫu chi cũng đã in dăm ba cuốn sách, cũng có vài bài văn bài thơ đăng báo đâu đó, hai chữ cho nói vui: *"Dạ, thì viết lách lai rai vậy thôi..."* Bèn thay đổi và thấy có hiệu quả tốt ngay. Người đồng bào thân ái bắn cho mình một tia nhìn vừa xoi mói vừa nghi ngờ, rồi ánh mắt lập tức bình thường trở lại, và xuề xòa vui vẻ, người bạn mới đổi ngay câu chuyện. Đổi ngay câu chuyện như thể chưa bao giờ đã hỏi mình cái câu "Ông (anh, bác) công tác ở đâu?" ...

Gần đây, tôi thấy có nhiều bài trên báo Việt Nam ở hải ngoại ca tụng hoài cái tuyệt vời của tiếng Việt. Bác cũng biết tôi đâu có rành rọt gì về cái môn ngôn ngữ Việt như Bác, vậy mà tôi quả tình cũng thấy tiếng Việt ta thật... tuyệt vời. Vẽ thì nói rằng vẽ. Chỉ thêm có một chữ *vời*, thế mà yên thân. Viết thì nói rằng viết. Chỉ thêm có một chữ *lách*...

*
* *

Thành ra, thật tình tôi chưa nói cho Bác nghe gì cả về cái "sinh hoạt dạo này ra làm sao". Phải chăng vì chỉ mỗi cái tên gọi đã có sự không ổn. Ông thầy thuốc trị bệnh, bác thợ mộc đóng bàn ghế, cô thư ký giữ sổ sách, người làm thơ nói lên tiếng lòng, kẻ viết văn biểu dương cuộc sống, v.v... Chứ làm "họa sĩ" (danh từ) vốn không có cái nghĩa thật của nó đã đành, đến như "vẽ" (động từ) thì để làm cái gì?

Phải chăng để tạo nên những bức tranh cho người mộ điệu, có mắt và có tiền, mua treo ở phòng khách - khoan nói đến những thứ tranh để treo trong phòng the? - *"Vẽ"* phải chăng là lấy mấy cái ảnh cũ mang theo từ bên nhà rồi ngắm rồi nghía, rồi thả hồn về chốn xa xăm, kích thích ký ức và tình cảm, rồi vẽ nên cảnh sông hồ quê cũ, lại thêm thắt một giấc "hồn bướm mơ tiên" bằng cách trang điểm đây đó một chút *"ngựa rung bờm, trăng lấp ló, thuyền lững đững, trúc phất phơ"* (3) thật phù hợp với cái tâm trạng lơ mơ lờ mờ của người khác biệt

xứ? Phải chăng *"vẽ"* là tạo nên những bức sơn dầu sơn nước, hình ảnh Mẹ Việt Nam nằm võng cho con bú, Con Việt Nam tóc để trái đào, mặc quần xẻ đủng? *"Vẽ"* là vẽ Thiếu Nữ dâng hương, Thiếu Nữ ngắm hoa, Thiếu Nữ chải tóc (tóc Thiếu Nữ thì đã đành phải là tóc mây thật đen, thật óng), Thiếu Nữ ngồi bên song cửa, Thiếu Nữ phiêu diêu đi mất vào con *"ngõ ban sơ"* (4)? Hay *"vẽ"* là vẽ những cảnh tượng hào hùng, người người đồng tâm nhất trí, ta cùng vươn lên, tay súng tay gươm, quyết tiến tới đánh tan quân thù, trước ta là mặt trời rạng rỡ, sau lưng ta phần phật tung bay lá cờ bất diệt, v.v...?

Phải chăng, sau hết, *"vẽ"* là lấy đường nét, mầu sắc, hình khối dựng nên trận đồ, rồi một mình một ngựa tung hoành, tả xung hữu đột mở con đường máu, sống chết mặc bay, đi chơi chỗ khác để cho ta thỏa chí yên hùng?

Hay là, Bác ơi, hay *"vẽ"* là ngắm cái dáng dấp còm cõi đen điu của Dì Evonne, là đón nhận cái nhìn hóm hỉnh của đôi mắt già nua mờ mịt, cái cười mặn mà của đôi môi khô khan và cái hàm răng sún? Ngắm thôi, chưa vẽ, và sẽ không bao giờ vẽ. Ấy, không phải vì Dì chết rồi, dẫu Dì còn sống đi nữa, chắc tôi cũng không bao giờ vẽ Dì đâu.

Bác có biết tại sao không? Tại vì chúng ta có thói quen cứ xem cái Đẹp như là miền đất đai riêng tư cha truyền con nối của ngành hội họa. Mà cái đẹp của Dì Evonne thì bao trùm tất cả những cái đẹp kia. Cái đẹp của Dì Evonne phải sống ngót một trăm năm, mà sống thật cho ra sống, sướng khổ thật cho ra sướng khổ, khóc cười thật cho ra khóc cười, suốt một thế kỷ, Dì mới có cái Đẹp ấy. Một cái Đẹp quá lớn. Nghĩa là khó vẽ quá đó thôi, Bác có biết chăng?

tháng Chạp năm Canh Tý, 2/1985
Võ Đình

---

(1) Miền quê ở Mỹ, từ Maryland trở xuống phương Nam, dân da đen có tục gọi nhau là "cousin", nhưng không chỉ trong nghĩa thông thường là anh chị em chú bác, cô cậu, con dì. Tùy trường hợp, cũng có thể hiểu như là bác, chú, dượng, cô, dì, mợ,... Người viết bắt chước cũng gọi bà Cụ hàng xóm là "Cousin Evonne".

(2) Võ Đình, Vu Lan Không Đế, *Phật Giáo Việt Nam, số Vu Lan, 8-1980.*

(3) Hội họa Việt Nam ở hải ngoại, Văn Học Nghệ Thuật, *số 5, 8-1978.*

(4) Chữ của Bùi Giáng.

Nguyễn Mộng Giác.

Sự phản kháng của văn nghệ sĩ V.N dưới chế độ cộng sản

Lâu nay, khi tìm hiểu sức phản kháng của giới trí thức văn nghệ đối với nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam, các nhà nghiên cứu văn học thường dừng lại ở vụ Nhân văn Giai phẩm , chứ chưa có công trình nào tìm hiểu sâu rộng hơn về tâm trạng giới văn nghệ Miền Bắc sau năm 1960.

Sau vụ đàn áp Nhân văn giai phẩm ấy, lịch sử Việt Nam đã trải qua biết bao nhiêu giai đoạn sôi nổi bi đát ,từ cuộc xâm lăng Miền Nam Hà nội phát động cho đến sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hoà năm 1975. Cuộc xâm lăng tốn nhiều xương máu với chiêu bài *chống Mỹ cứu nước* đó đã đẩy lùi cuộc vận động đòi tự do sáng tác của văn nghệ sĩ vào bóng tối, cho đến lúc cộng sản thống nhất đất nước bằng bạo lực thì giới trí thức văn nghệ lại có tâm trạng giống y tâm trạng lúc họ từ chiến khu trở về Hà nội sau hiệp định Genève.

Hào quang giả tạo của chiến thắng dần dần tan đi, thực tế trước mắt cho thấy sự yếu kém của guồng máy lãnh đạo, sự thiếu hiệu năng của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, sự giả tạo và bất lương của cả một nền văn học nghệ thuật.

Không còn có chiêu bài bào đủ mạnh để bắt buộc văn nghệ sĩ hy sinh tự do và sự liêm khiết của mình nữa, cho nên sức phản kháng của họ đối với lãnh đạo văn nghệ càng lớn. So với vụ Nhân văn Giai phẩm, sự phản kháng này có nhiều điểm khác biệt :

1/ Về mặt nổi, sự phản kháng không bộc lộ rõ ràng và gây tác động mạnh lên người thưởng ngoạn văn nghệ như những năm 1956-1960, vì rút kinh nghiệm lần trước, sau khi thống nhất Nam Bắc, nhà cầm quyền Hà nội kiểm soát chặt chẽ báo chí và các nhà xuất bản. Sau hiệp định Genève, giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam còn cho phép những nhà xuất bản tư nhân như nhà *Minh Đức* hoạt động, nhờ thế nhiều tác phẩm ra ngoài vòng kiểm toả của Đảng được dịp ra mắt công chúng. Những bài văn, bài thơ, tiểu luận chống đối nhà nước còn có đất để xuất hiện. Sau 1975, các nhà in đều bị nhà nước công quản, không hề có nhà xuất bản tư nhân, và nếu có những tờ báo tư nhân làm nhiệm vụ chuyển tiếp như *Tin Sáng, Đứng Dậy* thì bài vở và nội dung biên tập đều bị cán bộ tuyên huấn trực tiếp kiểm soát .Giới trí thức văn nghệ Miền Nam không có một chút kẽ hở nào để phổ biến lên sách báo các tác phẩm phản kháng. Chỉ còn giới văn nghệ Miền Bắc, và những tư tưởng phản kháng của họ cũng chỉ có thể thể hiện

qua cơ quan báo chí quốc doanh, nghĩa là đã qua không biết bao nhiêu lần đãi lọc.

2/ Tuy vậy, về chiều sâu, sự phản kháng lần này có tầm mức ảnh hưởng sâu sắc hơn nhiều. Sâu sắc vì hai lý do :

a/ Năm 1956 trong vụ Nhân văn Giai phẩm và Đất Mới, thơ văn của Trần Dần, Phùng Quáng, Hoàng Cầm, Bùi quang Đoài, Phan Khôi, Lê Văn, Văn Cao...chỉ mới là những ghi nhận có tính cách cảm tính về một thứ nề nếp văn nghệ gò bó quan liêu, về sự thất vọng trước cuộc sống khốn khổ sau khi hào quang kháng Pháp tan đi. Cuộc phản kháng mới, bắt đầu từ 1978, tuy thể hiện rời rạc ít ỏi hơn lần trước, nhưng đã có những bài lý luận sắc bén phê phán lãnh đạo văn nghệ từ chính căn bản triết học của điều gọi là *văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa* .

b/ Những văn nghệ sĩ lên tiếng phản kháng sự lãnh đạo văn nghệ lần này hầu hết thuộc thành phần *đáng tin cậy* được chế độ đào tạo, có công lao lớn, và nắm những chức vụ quan trọng trong quân đội hoặc cơ quan thông tin văn hoá.

Năm 1956, nhà nước có thể dễ dàng chụp mũ *tiểu tư sản thoái hoá* lên bất cứ ai lên tiếng chống đối lãnh đạo văn nghệ, nhưng bây giờ, không có thể làm như vậy được nữa. Tư tưởng phản kháng chống đối phát sinh ngay trong hàng ngũ lãnh đạo văn nghệ , ngay trong số sĩ quan cấp cao của quân đội, ngay trong số *văn nghệ sĩ cung đình* lâu nay vẫn tỏ ra ngoan ngoãn. Điều đó gây bối rối cho giới lãnh đạo Hà nội. Cho nên biện pháp đàn áp lần này cũng uyển chuyển phức tạp hơn. Trong lúc cho tới nay, hơn 25 năm sau vụ Nhân văn giai phẩm, những cây bút phê bình nghiên cứu văn học vẫn gọi nhóm văn nghệ sĩ chống đối hồi đó là *bọn Nhân Văn Giai Phẩm* ,thì lời lẽ của Tố Hữu, Trần Độ, Hà xuân Trường ,Kiều Vân...đối với các bài báo *sai chính sách* lần này có giọng vỗ về hoà giải nhiều hơn .Những người viết bài hay bị cấp lãnh đạo nêu đích danh ra công kích ,cho đến nay, vẫn chưa bị biện pháp kỷ luật nào, mặc dù lời viết của họ bị đem ra mổ xẻ phê phán nặng nề.

Trong khuôn khổ một bài báo, chúng tôi chỉ có thể sơ lược những nét chính của cuộc phản kháng mới này để giúp các bạn đọc từ đó đi tìm thêm tài liệu và có những công trình nghiên cứu công phu chính xác hơn .

Diễn tiến cuộc phản kháng mới.

Trong một chế độ chuyên chính tuyệt đối như chế độ cộng sản, dĩ nhiên những người dám lên tiếng khởi xướng một cuộc chống đối phần lớn thuộc hạng công thần. Ở đây là các nhà văn quân đội có công suốt hai cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ. Tờ báo dám đăng bài đầu tiên đòi xét lại toàn bộ giá trị nền văn học nghệ thuật *cách mạng* là tạp chí *Văn nghệ Quân đội* thuộc quân ủy trung ương, nơi qui tụ và xuất phát hầu hết các cây bút trẻ gốc bộ đội, với thành phần chủ biên nòng cốt là các cây bút trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống

Pháp như Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Phan Tứ, Nguyên Ngọc, Nguyễn văn Bổng, Giang Nam ,Thu Bồn...

Nguyễn Minh Châu — chuyên viết truyện và ký về đời sống bộ đội — vào tháng 11 năm 1978 đã cho đăng trên tạp chí *Văn Nghệ Quân Đội* một bài nhan đề là *Viết Về Chiến Tranh* . Qua tóm tắt của Hà xuân Trường và của Hoàng ngọc Hiến, đại ý bài này như sau : Nền văn học Miền Bắc trước 75 và cả Việt Nam sau 75 chưa có tiểu thuyết thực sự về chiến tranh. Những tiểu thuyết viết về chiến tranh còn bề bộn sự kiện ,và nhân vật là những nhân vật lý tưởng, chưa đi sâu vào tâm trạng, vào những vấn đề xã hội liên quan đến chiến tranh (theo tóm tắt của Hà xuân Trường trên tạp chí Nghiên Cứu Nghệ Thuật số 36 , 1981)

Hoàng ngọc Hiến trên tuần báo *Văn Nghệ số 23* ra ngày 9.6.1979 cũng tóm tắt nội dung bài báo của Nguyễn Minh Châu như sau :

Hình như, Nguyễn Minh Châu viết, trong ý niệm sâu xa của người Việt Nam chúng ta, hiện thực của văn học có khi không phải là cái hiện thực đang tồn tại, mà là cái hiện thực mọi người đang hy vọng, đang mơ ước. Đây là một vấn đề cổ điển của lý luận văn học. Aristote đã từng nói đến hai phương thức miêu tả trong nghệ thuật : miêu tả sự vật như nó vốn tồn tại và đang tồn tại, hoặc miêu tả sự vật như nó phải tồn tại. Sophocle miêu tả con người như họ phải tồn tại, còn Euripide miêu tả con người như họ đang tồn tại ...Nhìn chung trong sáng tác hiện nay, sự miêu tả cái phải tồn tại lấn át sự miêu tả cái đang tồn tại.Và chúng tôi tán thành ý kiến Nguyễn Minh Châu cho rằng sự lấn át này là một trở ngại trên con đường đi lên chủ nghĩa hiện thực, đặc biệt là trong thể loại tiểu thuyết.

Một ý kiến đòi xét lại toàn bộ giá trị loại văn chương *hỏng một chiều* như vậy, do một nhà văn có vai vế công khai phát biểu trên một tạp chí văn nghệ có thế lực, dĩ nhiên tác động mạnh lên độc giả, nhất là lớp cầm bút bộ đội trẻ lâu nay vẫn ấm ức vì bị ép viết dối viết láo về đời sống bộ đội, về chiến tranh. Mà lớp cầm bút trẻ gốc bộ đội này hiện đang là thành phần sáng tác nòng cốt trong guồng máy tuyên truyền của cộng sản Việt Nam.

Sau khi bài này được đăng trên tạp chí qui tụ hầu hết các cây bút trẻ có tài và đang sáng tác mạnh hiện nay, phản ứng của giới sáng tác nói chung đều có vẻ tán đồng, hưởng ứng. Để tránh bị xé to câu chuyện, những ý kiến phát biểu đều thu gọn trong vấn đề kỹ thuật viết về chiến tranh, nhất là viết về đời sống bộ đội và ghi lại các kỷ niệm Trường Sơn. (là đề tài được khuyến khích sáng tác thời đó).

Sáu tháng qua mà không có phản ứng chính thức nào về phía lãnh đạo văn nghệ hoặc cơ quan tuyên huấn, cho đến khi Hoàng Ngọc Hiến đăng được bài *Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* trên tuần báo *Văn Nghệ* số 23 ra ngày 9.6.79.

Khác với tạp chí Văn Nghệ Quân Đội do quân ủy trực tiếp điều khiển, tuần báo *Văn Nghệ* có tính chất dân sự và văn học nhiều hơn.Tuần báo này xuất bản tại Hà nội, là cơ quan ngôn luận chính thức của Hội Nhà văn Việt Nam. Trước 1975, ban chủ biên tờ *Văn*

Nghệ đều là những cây bút có tuổi, từng có địa vị từ trước 1945 như Nguyễn đình Thi, Nguyên Hồng, Chế Lan Viên, Tô Hoài, Nguyễn Tuân...Nhóm này tuy có uy tín về văn học nhưng lại ít có thế lực về chính trị, cho nên về mặt tài chính lẫn mặt uy thế, tờ Văn Nghệ không được như tờ Văn Nghệ Quân Đội. Sức sáng tác của nhóm nhà văn tiền chiến này đã trên đà đi xuống, cả về phẩm lẫn lượng đều không theo kịp nhóm nhà văn trung niên gốc bộ đội trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp như Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Nguyên Ngọc, Nguyễn Thi, Nguyễn văn Bổng ,Lê Khâm, Đào Vũ, Giang Nam...

Một số trong nhóm trung niên này tuy ở lại ngoài Bắc nhưng nắm nhiều chức vụ then chốt trong quân ủy hoặc báo chí quân đội, nên đất dụng võ của họ là hai tờ *Quân Đội Nhân Dân* và *Văn Nghệ Quân Đội* .Một nhóm nữa gốc Miền Nam tập kết thì được gửi vào hoạt động tuyên truyền với Mặt Trận Giải Phóng,và để làm màu mè cho có vẻ có một *nền văn học giải phóng* riêng biệt, số này đã đổi bút hiệu khác khi viết , như Lê Khâm đổi thành Phan Tứ, Bùi đức Ái đổi thành Anh Đức, Nguyễn văn Bổng đổi thành Trần hiếu Minh, Nguyễn quang Sáng đổi thành Nguyễn Sáng, Nguyên Ngọc đổi thành Nguyễn Trung Thành...

Sau 1975,nhóm đi B này (nghĩa là nhóm chịu vượt Trường Sơn vào Nam hoạt động) tự nhiên có uy thế chính trị rất lớn, lấn át cả nhóm trung niên ở lại Miền Bắc và nhóm già tiền chiến.

Vì vậy, ban chủ biên tờ Văn Nghệ cũng đổi chủ, từ nhóm tiền chiến chuyển dần cho nhóm đi B. Nguyên Ngọc trở thành người có quyền thực sự ở Hội Nhà Văn, tuy mặt ngoài Nguyễn đình Thi vẫn còn nắm chức tổng thư ký Hội. Nguyễn văn Bổng, rồi Giang Nam, đều gốc Miền Nam tập kết, nắm tờ Văn Nghệ, đúng vào lúc tờ này đăng bài báo quan trọng của Hoàng Ngọc Hiến.

Có hiểu bối cảnh như vậy, mới thấy hết tầm quan trọng của vụ *đặt vấn đề*

Bài báo của Hoàng Ngọc Hiến

Bài *Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* của Hoàng Ngọc Hiến tuy ngắn, nhưng thu gọn được một số nhận định căn bản và xác đáng về giá trị của văn học nghệ thuật dưới chế độ cộng sản nói chung, và ở Việt Nam nói riêng.

Là một người được nhà nước tin tưởng cho đi du học ở Liên Xô về lý luận phê bình văn nghệ, Hoàng Ngọc Hiến tốt nghiệp cao (nghe nói đậu tiến sĩ) về nước phụ trách giảng dạy về lý luận phê bình tại đại học tổng hợp Hà Nội. Hoàng Ngọc Hiến còn là hiệu trưởng trường đào tạo các cây bút trẻ (chương trình huấn luyện bốn năm, học viên là những người có khả năng viết văn do các cơ quan và đơn vị quân đội chọn gửi về huấn luyện tư tưởng và kỹ thuật viết)

Mặc dù vậy, Hoàng Ngọc Hiến phải dựa vào bài *Viết về chiến tranh* của Nguyễn Minh Châu để mạnh dạn đặt lại vấn đề. Sau khi

tóm lược ý kiến của Nguyễn minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến viết :

"*Đứng ở bình diện cái phải tồn tại, người nghệ sĩ dễ bị cuốn hút theo xu hướng miêu tả cuộc sống cho phải đạo còn đứng ở bình diện cái đang tồn tại, thì mối quan tâm hàng đầu là mô tả sao cho chân thật. Đọc một số tác phẩm, chúng tôi thấy tác giả dường như quan tâm đến sự phải đạo nhiều hơn tính chân thật. Có thể gọi loại tác phẩm này là chủ nghĩa hiện thực phải đạo.*"

Đối với một số bạn đọc, lối dùng chữ trường ốc dưới chế độ cộng sản có thể khó hiểu, nhưng khi đã quen với lối nói lập lờ hàng hai của hạng trí thức cần giữ mình dưới chế độ chuyên chế, chúng ta dễ dàng hiểu được điều Hoàng Ngọc hiến muốn nói. Sự thực đơn giản thôi : đó là sự mâu thuẫn nội tâm từng dày vò tất cả những nhà văn còn chút liêm khiết trí thức dưới chế độ cộng sản. Chế độ chuyên chế bắt buộc họ phải viết cho đúng chủ trương chính sách của nhà nước,viết cho phải đạo, trong khi lương tâm cầm bút của họ lại muốn họ viết những điều chân thật. Khốn thay, điều *chân thật* lại trái ngược với điều *phải đạo*. Vì vậy, Hoàng Ngọc Hiến không muốn dùng những chữ *chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa* như cách tuyên truyền của lãnh đạo văn nghệ, mà lại chính danh ra thành *chủ nghĩa hiện thực phải đạo*.

Mấy chữ này đã mau chóng trở thành thời thượng trong các cuộc luận đàm của giới văn nghệ sau năm 1979 ở Việt Nam ,và đã khiến cho giới lãnh đạo tuyên huấn giận dữ.

Nhưng, thế nào là *chủ nghĩa hiện thực phải đạo ?*

Hoàng Ngọc Hiến giải thích tiếp :

Thực ra,ngay trong đời sống thực tại, do qui luật của thích nghi sinh tồn, dần dần được hình thành những kiểu người phải đạo với những cung cách suy nghĩ, nói năng, ứng xử được xem là phải đạo.

Chủ nghĩa hiện thực chân chính đòi hỏi người nghệ sĩ phải biết phân biệt đâu là những hình thức phải đạo và đâu là những nội dung chân lý phù hợp với qui luật phát triển cách mạng của bản thân cuộc sống.

Như vậy đã khá rõ ràng. Lại gạt bỏ bớt cái áotriết học Hoàng Ngọc Hiến dùng để che thân,chúng ta thấy ý của Hoàng Ngọc Hiến muốn nói là dưới chế độ cộng sản, vì nhà nước kiểm soát chặt chẽ đời sống vật chất lẫn tinh thần của mọi người, nên muốn *sống sót* (Hoàng Ngọc Hiến dùng chữ *thích nghi sinh tồn*) mọi người ai ai cũng phải sống hai mặt : nghĩ khác nói khác, nói khác làm khác, nói ở chỗ công khai để biểu diễn lập trường khác với những lời tâm sự với bạn bè vợ con, từ đó phát sinh ra cái mẫu con người xã hội chung chung là *con người phải đạo*, lúc nào cũng lạc quan tin tưởng tuyệt đối vào Đảng và Nhà nước.

Mọi người bình thường làm như vậy được, riêng đối với người nghệ sĩ chân chính, làm như vậy thật không ổn. Vì hiện thực phải đạo, thực ra chỉ là cái áo hình thức đúng bài bản tuyên truyền, trong khi nội dung chân lý là mục tiêu sáng tạo của nghệ thuật lại hoàn toàn khác hẳn.

Nếu nghệ sĩ chân chính nói láo dễ dàng như một cán bộ tuyên

truyền hay một anh quảng cáo thuốc dán Sơn Đông, thì đã không còn vấn đề gì để nói nữa. Khổ nỗi, nghệ sĩ chân chính dưới chế độ cộng sản không thể có lương tâm bình yên khi nói láo cho phải đạo. Phiền phức, rắc rối ở chỗ đó.

Nhưng Hoàng Ngọc Hiến chưa chịu dừng lại ở ghi nhận sắc bén về mẫu người xã hội hai mặt này. Ông qui nạp lên một tầng nữa, đặt nó vào hệ thống lý luận biện chứng của triết học thẩm mỹ, ông viết

Với ý nghĩa này, có thể nói rằng chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa ở ta trong giai đoạn vừa qua mang khá đậm dấu ấn của cái cao cả

** Trong lãnh vực mỹ học, dấu ấn của cái cao cả tương ứng với sự lấn át của bình diện cái phải tồn tại đối với bình diện cái đang tồn tại*

** Trong phương thức miêu tả nghệ thuật là sự lấn át của cấp lý tính đối với cấp cảm tính trong sự nhận thức của chủ thể mỹ học.*

** Sự lấn át của nội dung đối với hình thức trong cấu trúc của hình tượng và tác phẩm nghệ thuật.*

** Sự lấn át của lý trí đối với xúc cảm trong hình ảnh con người mới.*

** Sự lấn át của bản chất đối với hiện tượng trong hình ảnh cuộc sống được phản ánh vào tác phẩm.*

Để đối đầu lại với giới lãnh đạo văn nghệ sính biện chứng pháp và quen suy nghĩ theo hệ thống, Hoàng Ngọc Hiến cũng đưa ra những cặp phạm trù như : cái phải tồn tại và cái đang tồn tại, lý tính và cảm tính, nội dung và hình thức, lý trí và xúc cảm, bản chất và hiện tượng, nhưng vì hạng phạm trù thuộc loại *phải đạo* lấn áp hạng phạm trù thuộc loại *chân thật* ,nên kết quả là cả một nền văn học nghệ thuật suy hoá thành cái xác khô không liên hệ gì đến con người và cuộc đời trước mặt. Chưa nói đến điều thậm tệ hơn là không liên hệ gì đến chân lý.

Từ lối đặt vấn đề tổng quát chắc nịch như vậy, Hoàng Ngọc Hiến đưa ra hai hệ luận :

Hệ luận thứ nhất là sự kệch cỡm giả tạo của thể loại tiểu thuyết dưới chế độ cộng sản :

Chúng tôi lấy sự miêu tả nhân vật trong tiểu thuyết làm ví dụ. Nhân vật trong tiểu thuyết sinh động,nhất thiết phải là cá nhân con người. Mỗi cá nhân, như chúng ta biết, bao giờ cũng gắn với nhiều tập hợp, những tập hợp quen thuộc trong số này thường vẫn được nêu lên trong lý lịch văn học dưới các mục thành phần giai cấp, dân tộc, tôn giáo, giới tính, nghề nghiệp, đoàn, đảng. Nhân vật được nghiên cứu và xây dựng từ cấp độ cố định những tập hợp nói trên cách này cách nọ được gán ghép cho những thuộc tính bản chất của tập hợp đó.

Nhưng như chúng ta đã biết, số cộng những thuộc tính đó không tạo được cá nhân con người, không thuyết minh được cá tính riêng, bản lĩnh độc đáo và bộ mặt đặc sắc của nó. Nhân vật bị mờ nhạt vì nhân vật không được nhìn nhận và xây dựng như nó là một cá nhân, và sở dĩ như vậy là do cách nhìn cao cả của chủ thể mỹ học như đã nói ở trên.

Nguy hiểm hơn là hệ luận thứ hai. Lối sống *phải đạo* tạo ra một thứ ngụy tín làm thui chột hết sáng kiến và khả năng biện biệt tốt xấu của từng người, như Hoàng Ngọc Hiến đã vạch rõ:

*Trong đời sống thực tại cũng có tình trạng tương tự. Thế giới hiện tượng ngoài cuộc đời quá ư phức tạp, rối ren. Nhiều người đứng trước những hiện tượng không lý giải nổi, chúng ta bèn khẳng định bản chất bằng những câu nói quen thuộc :*căn bản là tốt, ưu điểm là căn bản, bản chất là tốt đẹp vv..vv*Ở hình ảnh con người mới được phản ánh trong những tác phẩm nghệ thuật của ta, đặc trưng cao cả biểu hiện ở sự lấn át của lý trí đối với cảm xúc. Tác giả thì quá dè xẻn, nhân vật thì quá dè dặt trong sự biểu hiện cảm xúc. Ngoài đời sống cũng thường thấy cách ứng xử như vậy.*

Tóm lại, ngay những bài viết trên Nhân Văn Giai Phẩm và Đất Mới hồi 1956 chưa có bài nào có căn bản lý luận sắc bén như bài này. Bài viết của Hoàng Ngọc Hiến soi rọi tận gốc rễ tất cả sự giả tạo của nền văn học nghệ thuật gọi là cách mạng dưới chế độ cộng sản Việt Nam bao nhiêu năm qua, đảo ngược mọi thành kiến và nọa lực để bắt người nghệ sĩ chân chính phải xét lại mình, xét lại tác phẩm mình. Ảnh hưởng của bài báo sâu rộng là vì vậy.

Phản ứng của giới văn nghệ

Bài của Hoàng Ngọc Hiến vừa xuất hiện trên tuần báo Văn Nghệ số 23 ngày 9.6.79. liền gây sôi nổi và tạo nhiều cuộc tranh luận hào hứng trong giới sáng tác. Gần như ai ai cũng tán đồng nhận định của Hoàng Ngọc Hiến về giá trị thực của nền văn nghệ gọi là cách mạng.

Chính Kiều Vân trên tạp chí *Nghiên Cứu Nghệ Thuật số 30* (tháng 1.1980) cũng phải công nhận rằng bài báo của Hoàng Ngọc Hiến *tuy không gây được chú ý của đông đảo công chúng, nhưng cũng đã làm cho nhiều anh chị em làm công tác nghiên cứu phê bình văn học nghệ thuật suy nghĩ.*

Đoạn trích này nằm trong phần mở đầu của bài *Trao đổi về một nhận định sai lầm đối với đặc điểm văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* do Kiều Vân viết cho tạp chí nghiên cứu chính thức của Bộ Văn hoá và Thông tin.

Kiều Vân muốn giới hạn tầm ảnh hưởng bài báo của Hoàng Ngọc Hiến trong một số nhỏ những người làm công tác nghiên cứu phê bình văn nghệ mà thôi, ý muốn nói tư tưởng của Hoàng Ngọc Hiến không có tầm *tác hại* lớn đến đám đông quan trọng hơn, là những người sáng tác và người thưởng ngoạn nghệ thuật. Vì thế, Kiều Vân mới đặt nhan đề bài báo là *Trao đổi về một nhận định*.. nghĩa là sự bất đồng này chỉ là chuyện trong nhà, chưa ra ngoài ngõ.

Sự thực không phải như vậy. Bài báo của Hoàng Ngọc Hiến tác động mạnh mẽ lên giới văn nghệ và quần chúng, nhất là giới quen theo dõi sinh hoạt văn nghệ. Thực tế những gì xẩy ra sau năm 1979 ở Việt Nam là như vậy.

Mà chính Kiều Vân, giấu đầu lòi đuôi, ở phần sau của bài báo cũng xác nhận ảnh hưởng văn hoá của bài báo của Hoàng Ngọc Hiến. Kiều Vân viết :

Đối với một bộ phận anh chị em văn nghệ sĩ và có thể một bộ phận bạn đọc bài báo của Hoàng Ngọc Hiến, nếu không quan tâm đầy đủ đến lĩnh vực lý luận văn học nghệ thuật, và một chừng mực nào đó chưa thoả mãn với một số tác phẩm văn học nghệ thuật nào đó của chúng ta, thì cũng dễ cho rằng anh Hoàng Ngọc Hiến đã nói lên được một sự thực (chúng tôi cũng đã được nghe một bộ phận dư luận như vậy) (Nghiên Cứu Nghệ Thuật trang 15)

Những bạn đọc không có mặt tại Việt Nam trong giai đoạn từ 1979 trở về sau có thể nhận ra dấu hiệu sự hưởng ứng của đa số văn nghệ sĩ và quần chúng đối với bài báo của Hoàng ngọc Hiến nhờ các hiện tượng đặc biệt sau đây :

* Một bài viết đảo ngược quan điểm truyền thống và dám phủ nhận căn bản giá trị của cả một nền văn nghệ như vậy,nếu ở vào thời Nhân Văn Giai Phẩm, tất nhiên sẽ bị nhiều cây viết bất tài và thiếu liêm khiết nhào ra đánh hôi, để lập công với Đảng. Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm từng là nạn nhân của bọn đánh hôi này, trước khi chịu biện pháp đàn áp của bọn cầm quyền ,trong lúc Nhân Văn Giai Phẩm chỉ mới nêu lên một số bất mãn ,một số hành vi thoái hoá của cán bộ, nghĩa là chỉ mới đi vành ngoài. Đằng này Hoàng Ngọc Hiến đánh vào ngay bản chất của một nền văn nghệ, thế mà từ lúc bài báo được đăng lên, suốt nửa năm qua mà những lời công kích Hoàng Ngọc Hiến thật hiếm hoi lẻ tẻ.

Có thể đếm được trên đầu ngón tay những bài báo chỉ trích Hoàng ngọc Hiến .Tô Hoài có một bài viết rất sơ lược đăng trên tuần báo Văn Nghệ số 42 ra ngày 20 tháng 10.79. Chế Lan Viên, một thứ chuyên viên đánh hôi, lần này không dám viết thẳng, vào tận Sài gòn viết bài chỉ trích bóng gió dưới hình thức một lá thư gửi cho người bạn gái ở Hà Nội. Lèo tèo có bấy nhiêu và một số ý kiến phát biểu gượng gạo không ai chú ý.

* Trong lúc đó thì đa số nhóm cầm bút trẻ trong quân đội lại công khai ủng hộ Hoàng Ngọc Hiến.

Ngay trên tờ nhật báo Quân Đội Nhân dân số ra ngày 6.7.1980, chẳng những không có bài đả kích Hoàng ngọc Hiến mà lại còn cho đăng bài *Thử nhìn lại mức độ chân thực của các tác phẩm viết về chiến tranh và quân đội* ,nội dung bài này hoàn toàn tán đồng ý kiến của Nguyễn minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến.

Hà xuân Trường tóm tắt bài báo này như sau :

Chia văn học ra hai tư cách : tư cách vũ khí sắc bén và tư cách tấm gương phản ánh hiện thực. Những điều cơ bản nhất trong kết cấu bố cục hầu hết tiểu thuyết, các tác giả còn nghiêng về phía người may mắn. Phần nửa cái bánh mì là bánh mì, nhưng phần nửa sự thật đã là sự giả dối. Những tác phẩm chỉ có một phần nửa sự thật như vậy không thể nói là gây ấn tượng giả dối, nhưng cũng khó khẳng định đó là sự thật. (Nghiên Cứu Nghệ Thuật số 36,1/81)

Chúng ta không cần dài dòng phân tích trọn bài báo đăng trên Quân Đội Nhân Dân .Chỉ cần nhận xét về ba điểm chính yếu Hà xuân Trường trích lại cũng đủ thấy rõ thái độ chung của các cây bút gốc quân đội. Cả ba điểm này đều giống y lập luận của Hoàng ngọc Hiến, chỉ khác một bên đặt vào lý luận triết học, một bên đặt vào kỹ thuật viết tiểu thuyết :

— Hoàng ngọc Hiến đặt cái *chân thật* đối nghịch với cái *phải đạo* ,ở đây đặt *tiểu thuyết như một vũ khí sắc bén* (tức là tiểu thuyết tuyên truyền tô vẽ cho Đảng và Nhà nước) đối nghịch với *tiểu thuyết như một tấm gương phản ánh hiện thực* (tức là loại tiểu thuyết dám nói sự thật)

— Đi xa hơn nữa, tác giả bài báo trên Quân Đội Nhân dân còn diễn dịch một cách cụ thể trần truồng những điều mà Hoàng ngọc Hiến còn nói quanh co bằng thuật ngữ triết lý. Thật vậy, Hoàng ngọc Hiến bảo :

Có thể nói rằng chủ nghĩa hiện thực chủ nghĩa ở ta trong giai đoạn vừa qua mang khá đậm dấu ấn của cái cao cả. còn bài báo trên Quân đội Nhân dân thì thẳng thừng bảo rằng người viết truyện theo đúng chính sách nhà nước chỉ nói đến *một nửa sự thật* .Ác hơn nữa, là ngay sau đó, bài báo ví von : *Phần nửa cái bánh mì là bánh mì. Nhưng phần nửa sự thật đã là sự giả dối.*

Không còn chờ đợi được gì ở bọn đàn em đánh hôi nữa, giới lãnh đạo văn nghệ Hà nội đành phải đích thân ra tay giải độc.

Phản ứng của giới lãnh đạo văn nghệ

Giới lãnh đạo văn nghệ Hà Nội phản ứng bằng hai lối :

* Về mặt lý thuyết, Trần Độ, Hà xuân Trường, Kiều Vân viết một loạt nhiều bài đăng trên báo Đảng, báo lý luận văn học nghệ thuật, báo văn nghệ sáng tác để đả kích lại những bài báo sai chính sách đang làm cho dư luận xôn xao. Hiện chúng tôi sưu tập được 5 bài :

— Bài *Văn nghệ, vũ khí của cách mạng* của Trần Độ, in lại trong cuốn *Văn nghệ vũ khí của cách mạng* , nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1982.

— Bài *Sự nghiệp của Đảng sự nghiệp của văn nghệ* đăng trên Tạp chí Cộng sản số tháng 3.1980 và Nghiên Cứu Nghệ thuật số 32 ,tháng 3.1980.

— Bài *Một số vấn đề văn nghệ đang đặt ra* đăng trên Nghiên Cứu Nghệ thuật số 36 , tháng 1.1981.

— Bài *Quan hệ văn nghệ và chính trị* đăng trên Nghiên Cứu Nghệ thuật số 43 ,tháng 2.1982.

— Quan trọng nhất là bài *Trao đổi về một nhận định sai lầm đối với đặc điểm văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* của Kiều Vân đăng trên Nghiên Cứu Nghệ thuật số 30 ,tháng 1.1980.

* Về mặt tổ chức, để nắm chắc sự hậu thuẫn của giới sáng tác văn nghệ có chân trong Đảng, bọn lãnh đạo văn nghệ triệu tập nay đại hội các nhà văn đảng viên tổ chức tại Hà Nội vào khoảng thời gian 13.6.79

để thống nhất lập trường trước khi tung ra chiến dịch giải độc.

Bài báo của Kiều Vân

Về lý thuyết, trong năm bài vừa nêu trên chỉ có bài viết của Kiều Vân là quan trọng hơn cả.Những bài của Trần Độ và Hà xuân Trường chỉ gồm những lý luận một chiều, những khẩu hiệu quen thuộc, nói chung là có cái giọng *huấn từ* của bọn lãnh tụ đầu óc đã mọc rêu, không bao giờ chấp nhận có đối thoại nghiêm chỉnh.

Vì thế ở đây, chúng tôi chỉ khảo sát bài viết của Kiều Vân.

Đọc bàicủa Hoàng Ngọc Hiến đã là một sự vất vả, vì có quá nhiều thuật ngữ triết học và lối tránh né lập lờ quen thuộc của giới cầm bút dưới chế độ cộng sản ở bất cứ đâu.

Nhưng đọc bài *Trao đổi về một nhận định sai lầm đối với đặc điểm văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* của Kiều Vân lại càng vất vả hơn nữa. Vất vả vì bài viết dài hơn 14 trang cỡ tạp chí chữ nhỏ, ý này tiếp nối ý kia không xuống hàng ngắt đoạn nhiều.

Vất vả vì người viết muốn biểu diễn cái thế thượng phong để trấn áp Hoàng Ngọc Hiến và giới văn nghệ sĩ hưởng ứng bài của Hoàng NGọc Hiến ,đã đem hết kiến thức triết học ra để bày hàng và truy chụp ,nhằm che giấu các sự thực.

Sau khi lược trích các điểm chính yếu trong bài của Hoàng Ngọc Hiến, Kiều Vân phủ đầu bằng cách cho rằng phương pháp lý luận của Hoàng Ngọc Hiến *sơ lược, tùy tiện* . Nguyên văn lời Kiều Vân như sau :

Nếu không có cái nhìn biện chứng như vậy thì rất dễ dàng gán ghép, liên hệ một cách tùy tiện giữa những hiện tượng nọ và hiện tượng kia, giữa những khái niệm nọ và khái niệm kia, và đồng thời cũng có thể bỏ qua, khu biệt hoặc gỡ rối tất cả những sự kiện, những điều kiện,những thuộc tính cần thiết rồi dễ dàng bóp méo tất cả những sự vật những hiện tượng ấy một cách tùy ý. (NCNT trang 15).

Theo lời kết án của Kiều Vân, sơ lược tùy tiện.

* Vì Hoàng Ngọc Hiến đã *qui nạp vội:*

"Mà ngay cả những hiện tượng đời sống Hoàng Ngọc Hiến cũng không chịu nhìn trong sự nhận thức hoàn chỉnh, trong mối liên hệ biện chứng và thống nhất các mặt khác nhau của nó (thực tế xã hội lịch sử, chính trị...) anh gần như biến nó thành phổ biến và đồng nhất luôn hiện thực nghệ thuật và hiện thực đời sống để nghiên cứu" (NCNT trang 16).

* Vì Hoàng Ngọc Hiến đã đem một mô thức văn nghệ cổ đại ở Âu Châu ra làm nền tảng đo lường định giá một hiện thực văn nghệ hiện đại tại Việt Nam:

"Khi mới trình bày một cách sơ lược đến hai phương pháp miêu tả 'sự vật như nó phải tồn tại và sự vật như nó đang tồn tại' mà Aristote đã đề cập, bỏ qua đi tất cả những thuộc tính có liên quan đến sự vận động xã hội và lịch sử (của ngay thời Hy Lạp cổ đại), anh gắn ngay với khái niệm về chủ nghĩa hiện thực ở ta." (NCNT trang 16).

Từ đó, Kiều Vân qui tội Hoàng Ngọc Hiến như sau:

"Vì vậy, chúng tôi muốn lưu ý là khi nhìn sự vật không thông qua mối liên hệ biện chứng giữa các mặt khác nhau của nó (trong đó có cả những mâu thuẫn của bước trưởng thành) rồi thổi phồng một hay vài sự kiện cá biệt để biến nó thành bản chất, bỏ qua những thuộc tính thuộc về vận động lịch sử và xã hội cụ thể, thì về phương pháp nghiên cứu và tư tưởng chủ đạo, Hoàng Ngọc Hiến đã vô tình đi vào lối suy diễn và qui nạp của lô-gich hình thức.

Khi đồng nhất những hiện tượng văn học với những hiện tượng xã hội, đem khái niệm mỹ học gán cho những quan nhiệm còn chủ quan của mình về tình trạng đời sống xã hội..., theo chúng tôi là không khoa học, và điều này đã có những tác hại của nó.

Trong thời đại của chúng ta, trong ý thức hệ của chúng ta mà chỉ nhấn mạnh đến chủ nghĩa hiện thực (chứ chưa nói đến kiểu chủ nghĩa hiện thực phải đạo của Hoàng Ngọc Hiến) mà bỏ đi bản chất của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là không đúng.

Vì rằng, nếu chỉ mãi truy tìm cái gọi là tính chân thật nghệ thuật một cách hình thức không thôi, mà bỏ qua đi những thuộc tính mang tính chất nguyên tắc về đấu tranh chính trị, thì những người làm công tác nghiên cứu văn học nghệ thuật cho đến nay vẫn còn suy nghĩ đến hiện tượng Lucas và những người theo chủ nghĩa xét lại trong văn học nghệ thuật đã làm như vậy. Cho là chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa chỉ sinh ra những hình tượng văn học nghệ thuật sơ lược công thức, cho là chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa chỉ sinh ra "chủ nghĩa minh họa", những người theo chủ nghĩa xét lại đã nâng cao lên tận mây xanh cái mô hình của chủ nghĩa hiện thực (nhất là chủ nghĩa hiện thực phê phán thế kỷ 19) nghĩa là đã đồng nhất giữa ngoại diên (extension) và nội hàm (compréhension) của đối tượng văn học nghệ thuật, đồng nhất giữa khách thể và chủ thể sáng tạo một cách vô lối vào cái gọi là sự thật khách quan, bỏ qua đi tính có khuynh hướng như Lucas, hoặc đòi hỏi một kiểu tự do vô lối trong sáng tác, một đề cao tuyệt đối chủ thể sáng tạo của người nghệ sĩ một cách không giới hạn như Garaudy.

Từ những quan niệm sáng tạo nghệ thuật như vậy, G. Lucas, R. Garaudy và những người đi theo chủ nghĩa xét lại đòi tự do tuyệt đối một cách vô lối trong sáng tạo văn học nghệ thuật, và cũng từ những điều vu khống xuyên tạc của họ đối với xã hội chủ nghĩa, họ tấn công một cách kiên trì vào nền văn học mang tính đảng và tính có khuynh hướng của chủ nghĩa hiện thực xã hội. (NCNT trang 16).

Xin lỗi quí bạn đọc nếu chúng tôi không còn cách nào khác hơn là phải trích lại một đoạn văn quá dài, quá nặng đầu như thế này, không có cách nào khác, vì trong bài báo dài thậm thượt của Kiều Vân, đây là đoạn quan trọng nhất.

Phê phán lập luận của Kiều Vân.

Khôn khéo hơn những bài viết nặng tính chất đàn áp thô bạo, cả vú lấp miệng em của bạn lãnh đạo văn nghệ đối với phong trào Nhân

Văn Giai Phẩm trước 1960, bài viết của Kiều Vân cố làm ra vẻ *"khoa học khách quan"*, chỉ *"trao đổi"* với Hoàng Ngọc Hiến về một vấn đề hết sức chuyên môn, là phương pháp luận mà thôi.

Kiều Vân chê Hoàng Ngọc Hiến hai điểm:

1— Vì không nắm vững căn bản của chủ nghĩa Marx nên sa vào thứ chủ nghĩa sơ lược, tách rời cái cá biệt ra khỏi toàn thể, và ngay cái cá biệt được nêu lên cũng không nằm trong khuynh hướng tất yếu của toàn bộ tiến trình lịch sử.

2— Vì dựa vào luận lý hình thức (logique formelle) nên lập luận lỏng lẻo, gán ghép tùy tiện.

Mới đọc qua thì hai điểm này có vẻ nhỏ, có vẻ như một thứ khuyết điểm thuộc phương pháp nghiên cứu hơn là một thứ tộiỗi về quan điểm tư tưởng, Nhưng không phải vậy! Ngay sau đó, Kiều VAn xếp Hoàng Ngọc Hiến vào "thành phần xét lại" nguy hiểm như trường hợp G. Lucas và R. Garaudy ở Âu Châu. Không kết tội thẳng Hoàng Ngọc Hiến, nhưng Kiều Vân nói về Lucas và Garaudy với cái giọng hằn học như: *"Nâng cao lên tận mây xanh cái mô hình của chủ nghĩa hiện thực nhất là chủ nghĩa hiện thực phê phán thế kỷ 19"*, *"đồng nhất giữa khách thể và chủ thể sáng tạo một cách vô lối"*, *"đòi hỏi một kiểu tự do vô lối trong sáng tác"*, *"vu khống xuyên tạc đối với xã hội xã hội chủ nghĩa"*, *"tấn công một cách kiên trì vào nền văn học mang tính đảng và tính có khuynh hướng..."*

Hoàng Ngọc Hiến, G. Lucas, R. Garaudy và hầu hết những người trí thức văn nghệ sĩ còn chút lương tâm dưới chế độ cộng sản bị kết án nặng nề như vậy, chỉ vì thấy rõ một sự thực quá thực và quá đơn giản là: *văn nghệ phải đạo* (đúng chính sách của đảng và nhà nước) chỉ sinh ra được những hình tượng văn học nghệ thuật sơ lược, công thức, gượng ép, thiếu sống động. Điều này không chỉ quần chúng thường ngoạn nói ra, mà hiện nay, chính những người trực tiếp đẻ ra những hình tượng gượng ép đó là giới sáng tác tự nói ra, tự phê bình thành thực cho lương tâm bớt cắn rứt. Cho dù lấy thứ lý luận dao to búa lớn nào để biện minh, Kiều Vân cũng không thể phủ nhận được thực trạng giả dối của nền văn nghệ dưới chế độ cộng sản do Hoàng Ngọc Hiến nêu ra.

Tuy vậy, ngay phương pháp luận mà Kiều Vân dùng để chỉ trích phương pháp luận của Hoàng Ngọc Hiến cũng đầy cả sai lầm, mâu thuẫn.

Không tiện đi sâu vào lý luận triết học để khỏi đau đầu bạn đọc, chúng tôi chỉ nêu lên một số điểm chính:

1— Kiều Vân dựa vào một thứ mô thức tổng hợp gượng ép giữa luận lý học hình thức (logique formelle) và chủ nghĩa Marx để chê Hoàng Ngọc Hiến lý luận theo kiểu "lô-gích hình thức". Sự thực Hoàng Ngọc Hiến chỉ ghi nhận một số hiện tượng cụ thể, và sắp xếp tạm theo hệ thống để giải thích, chứ chưa hề áp dụng luận lý hình thức ở đây.

2— Kiều Vân bảo Hoàng Ngọc Hiến đã dùng một thức thẩmmỹ

học khoa học, esthétique scientifique), dựa vào lý luận toán học để chứng minh sự lấn át giữa các cặp phạm trù. Hoàng Ngọc Hiến không làm việc đó.

3— Kiều Vân bảo Hoàng Ngọc Hiến trở lại triết học Kant về các ý niệm phạm trù và nhận thức tiên thiên. Sự thực Hoàng Ngọc Hiến chỉ nhắc đến một trong những chân lý của Kant mà ai cũng công nhận, đó là *tổng cộng của những chi tiết không thể thành cái toàn thể.*

Tóm lại, dù có đem bày hàng tất cả kiến thức triết học có được và giả bộ khiêm nhường khách quan để chụp cho Hoàng Ngọc Hiến những cái mũ *"xét lại, xuyên tạc, bôi lọ"* nền văn học phục vụ cho đảng và nhà nước, Kiều Vân vẫn không đủ sức thuyết phục được những người cần thuyết phục trước tiên là: văn nghệ sĩ.

Cho nên sau bài của Kiều Vân, bọn cầm quyền phải đích thân nhập cuộc.

Trước những bài báo nêu lên tính chất giả trá của văn nghệ dưới chế độ cộng sản đăng trên Văn Nghệ Quân Đội, Quân Đội Nhân Dân và Văn Nghệ, cùng sự xuất hiện của những bài viết "có vấn đề" của Nguyễn Khắc Viện và vở kịch "Nguyễn Trãi ở Đông Quan" của Nguyễn Đình Thi, giới lãnh đạo văn nghệ Hà Nội nhận thấy phải tìm cách chấm dứt ngay khuynh hướng đòi tự do sáng tác và tư tưởng của trí thức văn nghệ sĩ.

Một số biện pháp đã được đưa ra, nhưng khác với vụ Nhân Văn Giai Phẩm, lần này các biện pháp ít tính chất đàn áp lộ liễu hơn. Để giải thích điều này, dư luận tại VN từ 1980 trở về sau đã đưa ra những phỏng đoán như:

1— Vì đã chiếm được cả nước nên bọn lãnh tụ Hà Nội đã tự tin hơn trước, không vội vã áp dụng những biện pháp đàn áp thô bạo chắc chắn gây nhiều xáo trộn như vụ Nhân Văn Giai Phẩm và cuộc cải cách ruộng đất sau hiệp định Genève.

2— Vì đối tượng để đàn áp lần này hầu hết là các công thần của chế độ, hơn nữa thành phần chủ lực lại là những văn nghệ sĩ bộ đội trẻ có công trong hai cuộc chiến tranh. Đàn áp đa số công thần này chẳng khác nào tự chặt đôi chân của mình.

3. Vì những thất bại liên tiếp về kinh tế và ngoại giao sau khi chiếm được miền Nam đã khiến cho bọn lãnh tụ Hà Nội mất hẳn hào quang và uy quyền cần thiết để đàn áp. Điều này hiện rõ trong những bài "đánh hội" rời rạc gượng gạo chống lại ý kiến của Hoàng Ngọc Hiến lác đác trên vài tờ báo tại Hà Nội và Sàigòn.

4— Vì chủ trương của Hà Nội là muốn thu hẹp ảnh hưởng "làn sóng xét lại" này, bằng cách chỉ đề cập tới tư tưởng Hoàng Ngọc Hiến và những người khác trong giới nghiên cứu và sáng tác thu hẹp nào đó, còn đối với đa số quầnchúng, thì làm ngơ như không có gì xảy ra cả. Chưa biết lối giải thích nào đúng, nhưng rõ ràng là bọn lãnh đạo văn nghệ đã phải cân nhắc thật kỹ lưỡng khi chọn giải pháp đối phó một cách kín đáo và thu hẹp như vậy.

Cho nên về mặt tổ chức, bọn lãnh đạo văn nghệ Hà Nội cần tìm hậu thuẫn chắc chắc của các văn nghệ sĩ đảng viên trước khi đưa ra

một phong trào gì.

Tháng 6 năm 1979 Bọn lãnh đạo cho triệu tập hội nghị các nhà văn đảng viên tại Hà Nội để mong hội nghị này sẽ đưa ra một thứ "nghị quyết văn nghệ" đúng chính sách chủ trương của Đảng. Theo dư luận bên ngoài, thì đại hội này đã hoàn toàn thất bại.

Bí thư đảng đoàn hội nhà văn là Nguyên Ngọc thay vì đọc một bản "báo cáo" cực lực lên án lập luận của Hoàng Ngọc Hiến hay ý kiến của Nguyễn Minh Châu, lại xác nhận "nền văn học cách mạng" chưa có giá trị đáng kể.

Hai loại ý kiến thường nghe thấy trong đại hội là:

a- Sự bất mãn của lớp văn nghệ sĩ trẻ có tài không có thế lực chính trị đối với lớp văn nghệ sĩ già bất tài nhưng cứ cố bám vào những ghế lãnh đạo;

b. Giá trị khiêm nhường của nền văn nghệ "cách mạng".

Hai loại ý kiến này dường như được mọi đảng viên tham dự đại hội chia sẻ, nên Tố Hữu đã phải đến đọc một bài "huấn thị" với lời lẽ vuốt ve xoa dịu hơn là công kích đàn áp.

Bài nói chuyện này về sau nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội có cho in lại trong cuốn *Văn Nghệ, Vũ Khí của Cách Mạng* (Hà Nội 1982) cùng với bài viết của Trần Độ và Hà Xuân Trường, coi như tập sách chính thức của đảng để đối phó với phong trào phản kháng của giới văn nghệ sĩ.

Bài nói chuyện của Tố Hữu có nhan đề là: *"Văn học là cuộc đời"*. Một vấn đề hiển nhiên tưởng không còn gì phải bàn cãi nữa! Văn học nghệ thuật nói chung phản ảnh cuộc đời. Nhưng bạn đọc chớ vội nghĩ *cuộc đời mà văn học phản ảnh* theo lối nhìn của lãnh đạo văn nghệ cộng sản là cuộc đời có thực trước mắt chúng ta, cuộc đời vui buồn, đam mê và tuyệt vọng, khóc cười trôi nổi... Không,cuộc đời theo lối nhìn của Tố Hữu khác hẳn. Hãy nghe Tố Hữu nhắc đi nhắc lại đến bốn lần một ý tưởng: *Thế nào là sự thực cuộc đời:*

"Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa mà chúng ta chấp nhận yêu cầu miêu tả hiện thực một cách chân thật, đúng với bản chất và xu thế phát triển tất yếu của sự vật. Bởi vậy, đối với văn học, điều quan trọng trước hết là nhận thức cho đúng hiện thực." (1)

Một lúc sau, Tố Hữu lại nói:

Văn học phải phát xuất từ cuộc sống. Tất nhiên đó là cuộc sống thật của nhân dân ta, của thời đại. Và tôi muốn nhấn mạnh: cuộc sống có ý thức, cuộc sống xã hội chủ nghĩa (2).

Ngay sau đó, Tố Hữu lặp lại:

Không, chúng ta không phải là những người nhắm mắt trước sự thật. Nhưng vấn đề là phải biết nhìn sự thật như thế *nào? Phải biết phân biệt đâu là trắng đen, trong đục, phải biết nắm bắt lấy* bản chất *và* xu thế *của sự vật, của xã hội, để mà ghi chép nó, miêu tả nó với sự nhận biết minh mẫn, với sự xúc động chân thành, bằng ngôn ngữ phong phú của nghệ thuật. Và đó là công việc của người nghệ sĩ chân chính (3).*

Cuối cùng, ngay sau khi nói như vậy, Tố Hữu cố ý lặp lại lần chót:

Văn nghệ là tiếng nói của tình cảm. Nhưng tình cảm của chúng ta là tình cảm có lý trí soi sáng. Không có lý trí thời không có tình cảm đẹp. Có lý và có tình, đó là nét đặc trưng của con người chân chính. Văn học nghệ thuật cách mạng phải là nền văn học nghệ thuật ấy, có lý, có tình." (4).

Cả bốn lời khẳng định của Tố Hữu đềuchỉ lặp lại một điều nôm na đơn giản: *Văn nghệ sĩ có quyền sáng tạo bằng sự thật cuộc đời và tình cảm cá nhân, nhưng cách nhìn sự thật và diễn tả tình cảm thế nào, thì phải theo lời dạy của Đảng.* Vậy thì còn gì để nói nữa!

Biết chắc chắn lập luận một chiều cũ mèm đó không thể thuyết phục được giới văn nghệ sĩ có mặt trong hội nghị (dù họ đều là đảng viên), nên Tố Hữu dành phần chót bài nói chuyện để vỗ về.

Về giá trị khiêm nhượng của nền văn học *cách mạng*, Tố Hữu ví von, nói quanh một cách hàng hai:

"Giá như không có hoa hồng, tôi bằng lòng một hoa sim vì nó là hoa. Ai bảo hoa sim không có vẻ đẹp của nó? Nếu phải đi qua một ngọn đồi, nắng nực, không có bóng mát, anh sẽ thấy thương hoa sim biết bao! Và nếu anh nghĩ rằng nó có thể cho anh quả ngọt, dẫu là một quả sim. Ca dao nói vậy đó "Đói lòng ăn một quả sim" chứ có phải một quả cam đâu? Đứng về ý nghĩa đó, thì một quả sim đáng để cho ta thương hơn mười quả cam trong một hoàn cảnh khác. Tôi chúc mừng một quả sim đó, quả sim của con nhà nghèo." (5)

Về mối mâu thuẫn gay gắt giữa giới trẻ và giới già trong văn nghệ, Tố Hữu cũng nói hàng hai như vậy:

Tôi hoàn toàn tin tưởng ở các thế hệ chúng ta. Tre già thì măng mọc. Nhưng chúng ta hôm nay lại được may mắn có nhiều thế hệ cùng một thời, có thể đem lại cho nhau, bồi bổ cho nhau rất nhiều sức sống và kinh nghiệm. Chủ nghĩa cộng sản đúng là mùa xuân (!) của loài người. Người cộng sản không biết tuổi già. (6).

Tóm lại, bài nói chuyện của Tố Hữu không giải quyết được gì cả, chỉ vỗ về bên này một ít, bên kia một ít, cho vui vẻ cả làng và cho giới văn nghệ nhớ vai trò tuyệt đối của đảng mà nên biết điều, ngoan ngoãn trở lại.

Phản ứng có vẻ chính thức và đúng bài bản nhất, có lẽ là các bài viết của Hà Xuân Trường, thứ trưởng bộ Văn Hóa Thông Tin.

Hiện chúng tôi sưu tập được tất cả ba bài của Hà Xuân Trường:

Bài *Sự nghiệp của đảng sự nghiệp của văn nghệ* đăng trên Tạp Chí Cộng Sản số 3/1980.

Bài *Một số vấn đề văn nghệ đang đặt ra* đăng trên Nghiên Cứu Nghệ Thuật số 36, tháng 1/1981;

Và bài *Quan hệ văn nghệ và chính trị* đăng trên Nghiên Cứu Nghệ Thuật số 43, tháng 2/1982.

Cả ba bài báo đều có một lối lập luận hết sức "công thức và sơ lược", quanh đi quẩn lại chỉ có bấy nhiêu ý tưởng, như:

— Văn nghệ phải luôn luôn có tính dân tộc, tính đảng và tính nhân dân.

— Đường lối lãnh đạo văn nghệ từ trước tới nay luôn luôn sáng suốt, đúng đắn (!)

— Văn nghệ cách mạng đa dạng, phong phú hơn bất cứ nền văn nghệ nào!

— Những khiếm khuyết hay bất mãn trong văn nghệ chỉ là tạm bợ và không quan trọng, chỉ là hiện tượng nhất thời.

— Những gì một số người nêu ra để nghi ngờ giá trị văn nghệ cách mạng đều là sai lầm, do chưa có lập trường vững vàng, v.v...

Nói chung, những bài của Hà Xuân Trường chỉ rặt giọng tuyên truyền một chiều, không dựa trên một hệ thống lập luận khách quan nào để thuyết phục hoặc hóa giải khó khăn.

Thời điểm ba bài viết của Hà Xuân Trường (tháng 3/1980, tháng 1/1981, tháng 2/1982) chứng tỏ rằng mãi cho đếnnăm 1982, vụ xét lại giá trị văn nghệ dưới chế độ cộng sản VN vẫn chưa ngã ngũ, nghĩa là cái nút do Nguyễn Minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến đặt ra, bọn lãnh đạo văn nghệ vẫn chưa gỡ xong.

Chúng tôi hy vọng các bạn đọc may mắn có nhiều tài liệu và hiểu biết về vấn đề này sẽ nghiên cứu và phổ biến những công trình tỉ mỉ hơn về vụ "Nhân Văn Giai Phẩm thứ hai" này. □

Nguyễn Mộng Giác

---

(1) Văn nghệ vũ khí cách mạng, Sự Thật, Hà Nội 1982 trang 5.
(2) Văn nghệ vũ khí cách mạng, Sự Thật, Hà Nội 1982, trang 8.
(3) Văn nghệ vũ khí cách mạng, Sự Thật, Hà nội 1982, trang 9.
(4) Văn nghệ vũ khí cách mạng, Sự Thật, Hà Nội 1982, trang 10.
(5) Văn nghệ vũ khí cách mạng, Sự Thật, Hà nội 1982, trang 11
(6) Văn nghệ vũ khí cách mạng, Sự Thật, Hà nội 1982, trang 12

Thơ Trúc Chi

Xem kinh

Trang Kinh gói trọn Ta Bà
Vùi trong suối đạo cái Ta vô cùng
Ra đi chữ Có mịt mùng
Nẻo về một sáng cái Không ngút ngàn.

Xem kiến

Chiều mưa nước đọng chân tường
Loay hoay lũ kiến tìm đường thoát thân
Vũng con một cuộc phong trần
Nghĩ mình với kiến có phần giống nhau.

Xem rau

Ra vườn ngắt cọng rau răm
Niềm quê chợt nhú nửa mầu đau thương
Đắng cay chút vị tầm thường
Bữa cơm đất khách bỗng vương chút sầu.

Xem tranh

Lũng sâu chùa ẩn chân cầu
Nao nao suối bạc xuôi vào ghềnh non
Rừng xa sương ủ dặm mòn
Đơn côi cánh nhạn nghiêng buồn về khơi
Tà huy ngủ lặng lưng đồi
Mây nhàn nhạt xám khói phôi pha vàng
Hồn thu theo lá lang thang
Ngày chầm chậm hết chiều mang mang sầu.

Trần Diệu Hằng

Trong Gương

truyện ngắn

Nàng bước ở phòng tắm ra. Nắng sáng rỡ bên ngoài khung cửa nhỏ, thứ nắng của ban mai mùa hè. Vài giọt nước còn lóng lánh trên đôi vai trần mịn màng. Quanh người nàng quấn một chiếc khăn mềm, dắt thành múi trước ngực. Tóc xoã xuống lưng còn ướt và thơm mùi thuốc gội đầu.

Nàng đứng trước gương, thong thả đưa từng nhát lược lùa trong tóc. Buổi sáng thứ bẩy đẹp rực rỡ; thân thể nàng thơm mát và đáng lẽ một ngày vui phải tưng bừng chào đón nàng, chào đón người đàn bà hai mươi bẩy tuổi nhan sắc đằm thắm. Căn phòng này tràn ngập tình yêu và đáng lẽ phải chan hòa thứ hạnh phúc vợ chồng lâu dài, vĩnh cửu. Chàng sẽ trở dậy sau một cái vươn vai lười biếng và sẽ đi vào phòng tắm... đánh răng; sau đó sẽ ra ôm nàng trong lúc nàng còn loay hoay chải tóc. Chàng sẽ kề gương mặt dễ ghét đó bên cạnh mặt nàng, toe miệng cười và sẽ hôn nàng. Âu yếm nhau đủ rồi cả hai sẽ đi ăn điểm tâm. Sẽ lang thang ra biển, lên núi, đi mua sắm, làm gì cũng được, nhưng mà ở bên nhau không rời. Những buổi sáng muộn hơn sau đó của cuộc đời sẽ có tiếng cười đùa của những đứa con nít; hai vợ chồng sẽ phải rượt bắt chúng để tròng những bộ quần áo xinh xắn lên những tấm thân bé bỏng không ngừng ngịch ngợm loi nhoi. Ôi mái gia đình và những đứa con! Trái tim nàng chợt như ngưng đập. Nỗi đau bén nhọn xuyên qua lồng ngực. Nàng như bị dội một thùng nước đá và cảm thấy tỉnh táo trong sự chết điếng.

Tất cả chỉ tạm thời. Hạnh phúc này. Mặt đệm ấm êm kia. Cái không khí gia đình tưởng tượng.

Chàng vừa thức giấc. Y như trong sự liên tưởng của nàng, chàng vươn vai ngồi dậy. Đôi mắt còn nhập nhèo ngái ngủ nhưng nàng nhìn thấy thật rõ vẻ mặt còn đầm hạnh phúc của chàng phản chiếu trong gương.

— Sao em dậy sớm thế? Nằm với anh chút nữa.

Nàng mỉm cười:

— Tắm sớm khỏe thật anh ạ. Chuẩn bị cho một ngày đẹp trời mùa hè.

Chàng nhào tới định ôm nhưng nàng bước tránh sang một bên:

— Rửa mặt đi anh. Mắt còn mở không ra thế kia kìa.

Chàng ngoan ngoãn đi vào phòng tắm. Nàng lắng nghe tiếng nước chẩy, tiếng ly cốc leng keng, tiếng đóng mở cánh tủ đựng những

đồ dùng vệ sinh vặt vãnh. Nàng lắng nghe để thấm rõ bằng chứng của đời sống với chàng.

Chàng mở cửa phòng tắm. Và rồi lại y như trong liên tưởng của nàng, gương mặt và nụ cười trẻ thơ của chàng hiện ra trong gương, cận kề bên nàng. Nụ cười "cãi nhau" với những vết răn đã bắt đầu ở đuôi mắt.

Vòng tay chàng chặt chẽ và ấm. Cả hai yên lặng nhìn nhau một lúc. Rồi chàng bỗng nói rất nhỏ, nhưng đầy về nhiệt tình và trang trọng:

— Em là vợ anh. Mình sẽ ở với nhau mãi.

Cơn giận dữ đột ngột ào tới. Nàng vùng quay mình lấy hết sức mạnh đẩy chàng ra. Nhưng chàng không chịu thua, giống như chàng đã đoán trước được phản ứng đó. Sự dằng co đẩy cả hai ngã xuống mặt nệm. Đôi môi chàng như vòi của loài bạch tuộc quấn chặt lấy môi nàng không rời. Chiếc khăn tắm xổ tung trên mặt nệm.

Nàng cảm thấy chàng đã ở gần lắm; đến độ hơi thở chàng phủ kín vùng không gian chung quanh và mùi da thịt của nhau tràn lấp. Nhưng nàng vẫn có cảm tưởng còn một khoảng cách ở giữa, rất nhỏ mà rất mênh mông. Nàng rướn tới mãi, vẫn thấy chới với. Nước mắt nàng ràn rụa trên má.

Chàng âu yếm quệt môi trên những giòng nước mắt của nàng và thầm thì:

— Em đừng khóc. Yên đi. Anh kể cho nghe chuyện này hay lắm. Trong sở anh có một tên người Tầu lâu lâu nói một câu khôi hài nghe được. Hôm qua nó nói thế này...

Nàng cắt ngang:

— Thôi. Em không muốn nghe chuyện vui của anh. Đừng có làm bộ bình tĩnh khó coi lắm.

Nàng lăn sang một bên, đưa lưng về phía chàng. Chàng nhẹ nhàng xích gần tới, vuốt ve mớ tóc ướt:

— Ở bên em làm sao không vui được?

Nỗi đau đớn lại dâng lên làm mũi nàng cay xé. Nước mắt nóng hổi thi nhau tràn xuống mặt nệm. Nàng cố giữ nhưng tiếng nấc vẫn bật lên.

Chàng thở dài:

— Em...

Rồi như không biết nói gì hơn, chàng im lặng trìu mến vuốt ve phần lưng óng ả của nàng.

Một lúc, nàng cất giọng đặc sệt, cố làm ra ráo

— Ngày mai mấy giờ anh đón... chị ấy... ở phi trường?

Chàng đáp ngắn gọn:

— Mười hai giờ.

— Chỗ ở đâu vào đó cả rồi chứ?

— Ừ. Ở tạm nhà chị Bính ít hôm em ạ. Để mấy đứa trẻ con nó chơi với nhau cho vui.

Ruột nàng như ai xắn ra từng khúc. Nàng vùng ngồi dậy với

chiếc áo vắt trên thành giường khoác vào người. Vẫn không quay lại nhìn chàng, nàng nói:

— Anh ạ. Em đổi ý. Thôi anh về với chị ấy đi. Tụi nhỏ đang cần bố. Chín năm rồi... tụi nó không có anh.

Chàng thở dài:

— Quỳnh, anh đã sắp đặt mọi việc cả rồi. Em đừng nghĩ ngợi... bâng quơ. Mấy đứa nhỏ vẫn là con anh. Anh sẽ lo đầy đủ bổn phận, như anh đã từng lo bấy lâu nay. Và anh cũng sẽ hết sức giúp đỡ mẹ chúng nó. Em không lấy đi cái gì của ai hết. Anh vẫn là anh, và anh vẫn của em.

Nàng kêu lên ai oán:

— Của em. Trời đất ơi. Giấy trắng mực đen chị ấy vẫn còn là... vợ anh. Thôi Duy ơi, đừng có trốn chạy cái sự thật sừng sững đó nữa.

Chàng nhẹ nhàng:

— Thì chỉ là vấn đề.. thời gian. Giấy tờ rồi cũng sẽ xong. Nhạn biết rõ hơn ai hết, giữa anh và Nhạn chỉ còn có thể là hai người... bạn, mà mối liên hệ là những đứa con. Anh đã nói với em bao nhiêu lần, rằng tụi anh đang sửa soạn ly dị thì mất nước. Cái quyết định của anh và Nhạn đã xong từ lâu. Từ khi em còn... con nít trân, đang học trung học cơ mà.

Nàng vừa rất yêu mà cũng rất ghét cái vẻ nhẹ nhàng bình tĩnh pha trò lẫn chút hóm hỉnh của chàng. Lúc nào chàng cũng vững vàng, dù rất âu yếm, để nàng phải chịu thua. Lần này thì không được.

Nàng quay lại nhìn sâu vào mắt chàng, nhắc nhở một cách hùng hồn và "diễn tả" một vẻ đau đớn:

— Nhưng trong chừng ấy năm, chị ấy vẫn sống một mình đợi anh. Từ lúc đưa ly rượu lên môi cho đến lúc uống hãy còn xa lắm. Như thế là chị ấy vẫn... yêu anh, vẫn cần anh. Rồi vẫn là vợ anh.

Chàng cũng nhổm dậy cho mặt chàng sát gần mặt nàng hơn, dịu dàng nhưng thách thức không kém:

— Em làm như em ở trong lòng Nhạn vậy. Thế còn em? Em không yêu anh, em không cần anh ư?

Nàng nắm lấy cơ hội để tạt vào chàng hết thảy những nỗi đau kim châm muối xát trong lòng mà lâu nay nàng vẫn hằm hừ nghĩ tới:

— Em yêu anh. Điều đó quá rõ, quá thảm rồi. Anh không cần khôn ngoan bắt em nhắc lại. Không yêu mà em cãi mẹ cãi cha, ngoảnh đầu với một cái đám cưới đàng hoàng, một cuộc đời êm thắm không phải lo sợ tranh giành với ai, để đến ở với anh như thế này à? Đối với cha mẹ, em bất hiếu. Đối với bạn bè, em ngu dại. Em yêu anh, phải rồi. Thôi đừng nhắc mãi chữ yêu đương. Lạm phát rồi đâm ra cải lương! Nhưng em không cần anh. Em cho anh, bởi vì em thích, bởi vì em. Không vì ai hết. Và như thế đủ rồi. Anh đừng lôi kéo em vào cuộc tranh giành với một người đàn bà nào khác, vì đó là một sự xúc phạm em nói riêng, một sự xúc phạm đàn bà nói chung. Rồi đừng tưởng như thế là anh vịn bóng mà bay lên trời. Đây này, em cám ơn những ngày vui sướng ở bên anh. Nhưng những ngày đó đã đến lúc chấm

dứt. Em không còn vui sướng nữa. Bởi thế, em cũng không còn có lý do ở với anh. Chuyện mình phải thôi, thôi, thôi.

Chàng mỉm cười:

— Một chữ thội đủ rồi em! Nói đến ba chữ thì nghĩa nó cũng thế... thôi.

Nàng thở ra:

— Anh thật... lì lợm.

— Không lì sao yêu được em? Anh nhất định đi theo. Còn nước còn tát.

Nàng mím môi nhìn chàng tức tối nhưng nàng vẫn thấy yêu quá đỗi con mắt chàng lóng lánh thiết tha. Chàng lại vòng tay ôm eo nàng nhưng lấy vẻ nghiêm trang:

— Bây giờ không đùa nữa. Anh hỏi, em chỉ nói đến chuyện cho anh, em không nhắc đến chuyện lấy đi ư?

— Lấy đi cái gì?

— Nhiều lắm. Niềm thông cảm. Sự âu yếm. Tình yêu. Tình bạn. Sự đam mê. Nguồn vui sống. Em muốn anh trở thành hòn đá hay là... cái cây? Ai sẽ bàn chuyện trên trời dưới đất với anh? Ai sẽ nói hết chuyện văn thơ nghiêm trang đến chuyện... tào lao xí đế? Ai sẽ khóc cười rồi.. cãi nhau với anh?

Nàng buông gọn:

— Vợ anh!

Chàng lắc đầu, ra vẻ đầu hàng. Nhưng rất nhanh, chàng đã nghĩ ra lý để cãi tiếp:

— Em ở với anh mấy tháng nay không phải là vợ thì là gì?

Nàng cười nhẹ:

— Anh đâu có... cưới em?

— Không cưới theo nghĩa một đám cưới họ hàng bạn bè ồn ào tùm lum, nhưng cưới theo nghĩa trang trọng riêng tư chỉ em với anh thì mình sẽ làm, phải làm chứ!

Nàng bâng khuâng hình dung cái đám cưới của chàng mười mấy năm xưa. Nàng tưởng tượng đôi mắt chàng chưa có vết nhăn, nụ cười chàng nở bừng rạng rỡ. Nàng tưởng tượng cô dâu mặc áo dài vàng chít khăn vành dây, mặt mũi mờ nhạt không rõ vì nàng chưa bao giờ nhìn thấy hình vợ chàng. Nàng như nghe rõ tiếng cười ròn chúc tụng, tiếng nổ phực của những nút chai champagne bật tung lên theo từng nhịp reo hò. Năm nay chàng đã bốn mươi tuổi. Nàng nói:

— Anh cho ai hết thời thanh xuân. Đến phiên em còn lại một ông già, thê nhi lít nhít, phiền phức quá. Thôi, xin giao hoàn cố chủ.

Chàng nhìn nàng bái phục:

— Em thật... ghê gớm. Nhưng anh biết em rõ quá mà, bé con! Em nhậy cảm như một sợi tơ đàn mong manh và yếu xìu như... bún tầu. Cứ thẳng thắn, bình tĩnh, nhìn vấn đề một cách thực tế, rồi tiếp tục...yêu anh và ở với anh. Thế có phải tốt hơn không?

Nàng ra khỏi giường, thắt dây áo choàng và đến ngồi trước bàn phấn. Nàng bật nút điện chiếc máy sấy tóc, hy vọng tiếng vo vo vô hồn kia sẽ làm nàng tỉnh táo, đừng khóc, đừng nghĩ tới ngày mai!

Nàng chăm chú nhìn gương. Đôi mắt còn đỏ sọng, làn môi nhạt chưa son. Nàng thấy nàng xấu tệ. Sấy tóc xong, nàng bắt đầu trang điểm. Một chút kem lót, rồi phấn nhẹ, rồi vẽ mắt, tô môi, má hồng. Nàng ngẫm nghĩ xem sẽ mặc áo gì đi chơi với chàng cho hết hôm nay.

Chàng cũng ra khỏi giường. Mặc quần áo xong, chàng tới bên nàng. Chàng đứng sau lưng, khom người xuống tì cằm lên tóc nàng. Chàng nói:

— Em đẹp như tranh. Đẹp thế này anh lại không muốn đi đâu nữa. Nằm nhà với nhau sướng hơn.

Mắt chàng say sưa nhưng vẻ mặt nghiêm trang. Tình yêu tỏa cùng khắp trên gương mặt đó. Nàng muốn lao thẳng về phía trước với một lòng tin mạnh mẽ để được hoàn toàn sung sướng trong tình yêu chàng, nhưng cùng lúc, niềm nghi ngờ cũng chỗi dậy như một bản năng tự vệ và như một cách cầu cứu để trốn chạy sức mạnh của trái tim. Tình yêu phải chăng chỉ là một trạng thái tạm thời của tư tưởng, sẽ mất vẻ lóng lánh quyến rũ khi hai người ở gần nhau quá lâu và cuộc sống chung chậm chạp gặm mòn đi tất cả? Phải chăng nhiều năm trước đây chàng cũng đã từng yêu vợ như yêu nàng bây giờ? Nàng đau xót với cái ý nghĩ tình yêu nào rồi cũng tàn; đời sống chỉ còn lại những hệ lụy, đâm ra nhàm chán. Rồi vì thế người ta cần một sự đổi mới, như cần thay một chiếc áo đã cũ đã sờn. Rồi vì thế có chỗ trống trong tim chàng cho cái chàng đang gọi tên là tình yêu. Chàng có lý do để đi tìm nhưng nàng không thể là chiếc áo mới chàng cần, lại càng không thể ở lại để trở thành cũ với chàng.

Nàng chỉ muốn phủ nhận hết thảy, và ngay lập tức, những giây phút đã có với chàng, như một đứa trẻ chợt nhận ra món đồ chơi vừa cầm được trong tay không phải là vật nó từng mong ước. Nhưng nàng run rẩy khi nghĩ tới tình trạng "khánh tận" sau đó. Nàng hỏi chàng, để cố tìm một cơ hội nghĩ khác đi:

— Anh... có bao giờ yêu ai... như thế này không?

Chàng cười:

— "Tai họa" lớn đâu có xẩy ra nhiều vậy?

Nàng định nói chữ đó phải dành cho nàng đúng hơn, nhưng không hiểu sao, nàng không muốn đôi co với chàng nữa. Trong lúc những tư tưởng xung động không dứt, nàng vẫn chăm chú nhìn khuôn mặt hai người kề cận trong gương.

— Em thích anh đứng thế này để em được nhìn thấy cả hai cùng một lúc.

— Trời! Anh cũng đang nghĩ vậy.

— Thôi đừng nói theo. Đứng xê ra một chút cho em cuốn tóc.

— Khỏi cần. Tóc thẳng như thế đẹp chán. Không quờ quạng đụng vào em anh sợ em biến mất lúc nào.

Bóng hai người in trong tấm gương bàn phấn; ở góc trái, nàng còn nhìn thấy một phần ngọn đèn đặt trên mặt tủ nhỏ kê ở đầu giường. Hình ảnh đầy vẻ ấm cúng của một đời sống vợ chồng thuộc về nhau. Nàng lại muốn chẩy nước mắt. Rồi một liên tưởng khác đột

ngột ùa tới. Nàng hỏi không kịp nghĩ:

— Anh... có bao giờ đứng đằng sau nhìn... chị ấy trong gương thế này không nhỉ?

Đôi mắt chàng hơi mở lớn như diễn tả một vẻ ngạc nhiên, rồi chàng lắc đầu:

— Chưa bao giờ. Ở há! Em hỏi anh mới để ý. Ngay cả hồi mới lấy nhau cũng vậy. Chỉ vài tháng sau là anh và Nhạn đều nhận ra hai đứa đã... lầm đường. Nhưng mà thôi, hỏi chuyện cũ mãi làm gì.

Vẻ chân thành trên mặt chàng làm nàng phải vội vàng tự nhắc rằng có thể chàng dư sức thông minh để nói dối một cách toàn hảo, và cũng có thể vì chàng... đã quên mất tiêu quãng đời xa xôi kia. Nàng cầm ống son tô lên môi lần nữa cho đậm mầu thêm dù nàng thấy rằng điều đó thật sự cũng chẳng cần thiết.

— Vừa phải thôi. Sống với nhau có hai đứa con mà không bao giờ có một cảnh âu yếm bình thường như thế. Có ai ép anh lấy vợ đâu?

Chàng không cười:

— Đừng hỏi rồi không tin anh. Có sao anh nói vậy. Từ đầu, anh có giấu giếm em chuyện gì đâu? Em phải hiểu rằng... anh yêu em quá nhiều để còn đầu óc mà nghĩ đến những tiểu xảo vặt vãnh.

Nỗi nghi ngờ và niềm tin yêu dằng xé trong nàng như một khúc vải bị hai sức mạnh kéo ngược chiều ở hai đầu. Nàng không biết phải sống cho trái tim hay cho lý trí. Nàng không biết nên đắm mình miệt mài yêu chàng hay tỉnh táo bước ra khỏi cuộc. Nàng cố thuyết phục chàng và thuyết phục cả chính nàng:

— Trời ơi! Làm sao anh biết được, làm sao em biết được, đây không phải là một nỗi khao khát ngắn hạn? Chúng ta yêu nhau bởi vì còn sợ mất nhau. Sống với nhau mãi rồi cũng hết. Khi ấy còn gì thê thảm hơn cái cảm giác lầm lẫn? Nó để lại trong chúng ta nỗi ê chề.

Chàng khép mắt khi hôn trên tóc nàng:

— Cứ ở đó mà thắc mắc đi. Dù sao thì anh cũng có mười ba năm... thâm niên hơn em để xác định điều đó. Anh không còn nhiều thời giờ nữa. Khi đời sống em còn là buổi sáng rực rỡ thì anh đã đi vào lúc hoàng hôn. Anh phải quý từng giây phút còn lại của đời sống với em.

Nàng không nói gì nữa. Hơi thở ấm nóng của chàng có thật. Lồng ngực rắn chắc của chàng có thật, ép sát sau lưng nàng. Trong gương lồng lộng hai gương mặt đàn ông đàn bà cận kề, cùng một vẻ đắm thắm say đắm lẫn nhau. Dường như một cách rõ rệt, mà lại rất mơ hồ, bởi nàng không thể giải thích nổi, cái cảm tưởng rõ rệt chàng ta, phải là người đàn ông của đời nàng. Họ phải sinh ra để lấy nhau, một đám cưới bình thường như muôn vàn đám cưới khác. Phải sống chung với nhau một nhà. Tối cùng đi ngủ và sáng thức dậy có nhau trong tay. Lo lắng và cười đùa, băn khoăn và sung sướng, với nhau. Nàng nhìn thấy trong gương hình ảnh đôi tình nhân tung tăng giữa cánh đồng cỏ mượt. Nàng nghe thấy chuỗi cười như những nốt nhạc vui tươi không ngừng vang suốt con đường dài.

Đột ngột, cùng lúc, ở một góc phía trên cùng của tấm gương, hiện ra hình ảnh người đàn bà gương mặt mờ nhạt, quần áo xốc xếch dẫn hai đứa bé đi tới. Hai đứa nhỏ có đôi mắt giống hệt chàng. Cả ba đều buồn bã, ngơ ngác. Dấu vết của những tháng năm dài trên miền đất nghẹt thở cùng cực còn đọng trên gương mặt họ. Hình ảnh người đàn bà và đứa con càng lúc càng lớn dần trong khi đôi tình nhân thu hình nhỏ xíu, biến mất vào chiều sâu hun hút của tấm gương.

Nàng rùng mình. Tấm gương trở nên mờ ảo không còn trông thấy gì, hệt như ngày mới lớn, nàng đứng tựa cửa nhìn trời mưa trắng xóa bên ngoài khung cửa kính của căn nhà nằm trên một ngọn đồi Đà Lạt.

Tiếng chàng thầm thì:

— Anh lo công việc vài ngày xong anh về, nhé...

Rồi đầu chàng rơi nặng trên vai, rồi vòng tay chàng siết chặt quanh người. Nàng nghĩ đến lúc người đàn bà và hai đứa nhỏ bước xuống phi trường nơi đây, nàng cũng sẽ lên đường sau đó vài tiếng đồng hồ. Nàng nghĩ đến tấm vé phi cơ đã nằm sẵn trong xắc quần áo. tấm vé sẽ đưa nàng đi một nơi xa chàng ngàn dặm. Chàng sẽ không thể tìm ra. Chàng sẽ không hề hay biết.

*
* *

Trần Diệu Hằng

Bùi Vĩnh Phúc

Kinh cầu nguyện của một nhà văn lưu vong.

Đọc tác phẩm *The Questionnaire* của Jiri Grusa

The Questionnaire,
or Prayer for a Town and a Friend
của Jirí Grusa, Peter Kussi dịch.
Farrar, Strauss & Giroux xuất bản.
278 trang, $15.95

Trong dòng văn chương "chính thống" ở các nước cộng sản, có nghĩa là dòng văn chương - nếu chúng ta còn quan niệm được đó là văn chương - đặt căn bản trên chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, sự *khả tín* của những điều được viết ra chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với những dữ kiện hoặc những tư tưởng tiền chế được đúc khuôn sẵn mà Nhà Nước đã chỉ thị và phân phát cho các tầng lớp "văn nghệ sĩ" để theo đó mà nhồi nắn, xây dựng tác phẩm của mình. Và có lẽ, cái tỷ lệ rất nhỏ mang tính cách khả chấp và khả tín này cũng đã được tính toán cẩn thận từ trước. *Sự thật*, trong nền văn học cộng sản, không còn là đời sống nóng hổi với những ray rứt, lo âu, sợ sệt, thất vọng, chán chường, thù ghét.. của mỗi một con-người-thật-sự sống trong những xã hội này. *Sự thật*, trong nền văn học cộng sản, không phải là những ước muốn thiết tha, những hy vọng bứt thoát, những dằn vặt cho thân phận mình và những người thân của mỗi một con người. *Sự thật*, bây giờ, khoác một bộ mặt lạnh băng của Đảng và Nhà Nước. Người cộng sản không nhìn *sự thật* như nó *là*, mà nhìn nó như một sự *phải là*. Bởi thế, dưới những chiêu bài luôn luôn thay đổi cho phù hợp với đường lối của Đảng và Nhà Nước trong từng giai đoạn một, *sự thật* được diễn tả trong thế giới cộng sản cũng luôn luôn đổi màu. Nó chiếu vào những *điển hình*, vào những *xây dựng có-tính-cách-không-tưởng*, để quay mặt với những hiện tượng xã hội thực sự. Dùng một hình ảnh của Dostoievsky, nền văn học cộng sản giống như một cỗ xe ba ngựa đang phóng hết sức về phía đằng trước, không biết bao giờ lao mình xuống vực thẳm. Vì thật sự, những con ngựa kéo cỗ xe này đều bị che hai bên mắt, hoặc nếu không che thì cũng bị cấm nhìn ngang ngửa. Kẻ đánh xe tiếp tục quất tới. Và kết quả dĩ nhiên là những tiếng hí và tiếng những bánh xe rầm rập lăn về phía trước.

Câu hỏi còn rớt lại là, "Vậy thì có cách nào để nhìn thấy sự thật nơi thế giới cộng sản hay không?

□

Để trả lời câu hỏi này, chúng ta đã có những nhà văn sống trong xã hội cộng sản gửi tác phẩm của mình ra nước ngoài, với một ước mơ duy nhất là cất lên một tiếng nói trung thực về những gì mình sống, cảm, và nghĩ. Tiếng nói ấy chắc chắn sẽ bị bóp nghẹt nếu cất lên ở trong nước. Hầu hết những nhà văn nầy, vì hoàn cảnh đặc biệt của họ, đều đã phải ký một tên khác lên tác phẩm của mình. Dù sao, trong một vài trường hợp (như trường hợp của nhóm Chân Đất tại Việt Nam năm 1980, những văn nghệ sĩ đã ký thẳng tên mình, coi như sẵn sàng nhận cái giá chết để được cất lên tiếng nói cho sự thật. (Ghi chú: nhóm Chân Đất gồm 14 người với tên tuổi đầy đủ ký dưới Bản Tuyên Ngôn Văn Nghệ được anh Diệu Tô Minh, một người trong nhóm, mang ra khỏi Việt Nam. Dù sao, để bảo đảm tính mạng cho những người này, báo chí ngoại quốc cũng như Việt ngữ đều tránh liệt kê phần tên tuổi của các văn nghệ sĩ nêu trên). Ngoài ra, chúng ta cũng đã may mắn có những Alexander Solzhenitsyn, Czelaw Milosz, Slawomir Mrozek, Milan Kundera... và rất nhiều những nhà văn lưu vong khác. Quê hương của họ là nước Nga cùm đỏ, nước Ba Lan thiết quân luật, nước Tiệp Khắc bị xâm lăng, hay một nước nào đó, giờ đây, đã rơi vào vòng xích hóa của cộng sản. Tuy nhiên, trước khi là những nhà văn lưu vong, đa số nếu không nói là hầu hết những nhà văn này đều đã là những tiếng nói của sự phản kháng trong chính quốc gia họ. Họ đã là những nhà văn *samizdat*, có nghĩa là những nhà văn phải tự xuất bản tác phẩm của mình và lưu hành chúng một cách lén lút trong nước, bởi lẽ tất cả mọi phương tiện xuất bản chính thức hoặc công khai đều bị tập trung trong tay Đảng và Nhà Nước. Các nhà văn trên đã giúp chúng ta nhìn thấy được bản chất thực sự của chế độ cộng sản, cũng như hé lộ cho chúng ta nhìn thấy những sự thật không che giấu, những tâm tư, ước vọng thiết tha của những con người thật sự đang sống, nghĩ và thở một cách khó khăn trong các nhà giam khổng lồ mang tên các nước cộng sản. Họ đã mang đến cho chúng ta những trái tim người, bóp và đập, bóp và đập, chuyên chở theo chúng tình yêu cũng như hơi thở muôn đời của nhân loại, đồng vọng lên nỗi khao khát được sống, được yêu thương và được chia sẻ của mỗi con người. Những tâm tư và khát vọng đó đồng chất với những tâm tư và khát vọng của chúng ta hay của bất cứ một người nào sống ngoài xã hội cộng sản.

Jirí Grusa, sau Milan Kundera, là một khuôn mặt nổi bật trong số những nhà văn lưu vong kể từ Solzhenitsyn. Ông sinh tại Tiệp Khắc vào năm 1938, và tác phẩm *The Questionnaire, or Prayer for a Town and a Friend* của ông là một biến cố văn học đang được văn giới quốc tế chú ý đến.

Văn chương Đông Âu, được viết bởi những nhà văn chân chính với khát vọng nói lên sự thật, thường gặp phải những số phận hẩm hiu. Trong cõi con người đó, giống như ở Việt Nam và các nước khác đang bị cộng sản thống trị, đời sống sinh động và dàn trải muôn mặt với những khổ đau, thèm khát, nhục nhằn... mà mỗi người đều có thể

sờ mó được. Một nhà văn thật sự không cần phải tưởng tượng nhiều. Ông ta không cần tưởng tượng về một nhà giam; ông ta đang sống trong một nhà giam. Một học giả chân chính ở đây có thể mới hôm trước buồn bã nhìn ra những sai lầm hay những bóp méo về lịch sử mà đảng và nhà nước giảng dậy cho dân chúng, hôm sau có thể đã thấy mình trở thành con người bị ép buộc làm cái công việc bóp méo đó.

Tác phẩm *The Questionnaire* của Jirí Grusa xuất niện trong cái bối cảnh xã hội vừa nói. Đúng như tên gọi của tác phẩm, cuốn sách này được xây dựng chung quanh một loạt những câu hỏi xuẩn ngốc và có tính cách dò xét mà bất cứ một người dân Tiệp nào cũng phải điền đầy đủ trước khi được nhận vào làm trong một hãng xưởng của nhà nước. Đây là những câu trả lời của Jirí Grusa cho một mẫu đơn xin việc làm (job-application form) kiểu mẫu ở Tiệp. Những người Việt Nam đã phải ở lại sống với cộng sản sau 30-4-75 hầu hết đều có kinh nghiệm ít nhiều về những loại câu hỏi này. Mục đích của bản câu hỏi là để điều tra, dò xét và điều kiện hóa sự suy tư của con người, biến nó trở thành một con vật đa nghi và chỉ biết nghĩ đến mình. Quyển *The Questionnaire* của Jirí Grusa cũng còn là một quyển sách viết về những loại người, từ Quốc xã cho đến Sô Viết, ở những thời điểm khác nhau, nỗ lực trong việc tìm đủ mọi phương cách để hạ giá con người xuống vai trò của một cái đinh ốc, một cái bạc đạn trong guồng máy của họ.

Grusa viết tác phẩm này vào năm 1974 và lưu hành nó một cách lén lút trong giới hạn bạn bè ở Tiệp qua 19 ấn bản *sam izdat* (còn gọi là Padlock Editions). Những ấn bản lưu hành theo kiểu này là những bản chép tay hoặc đánh máy; vì như đã nói, tất cả những phương tiện xuất bản công khai đều bị nhà nước nắm giữ. Vào tháng sáu năm 1978, ông ta bị bắt và bị kết tội "khởi xướng nổi loạn". Một đồng chí đại úy Smolík nào đó của Nha An Ninh Quốc Gia sau đó đã gửi đến quý vị Hoferek và Nussberger của văn phòng kiểm duyệt tại Prague một bản *Questionnaire*, yêu cầu quý vị này trả lời một loạt những câu hỏi và cho ý kiến về "tập tài liệu" được viết bởi "Jirí Grusa, sanh ngày 18-11-1938, chuyên viên kỹ thuật của Hợp tác xã gia cư... bị kết tội phỉ báng cách mạng, theo điều luật số 100, đoạn thứ nhất, thuộc phạm vi hình luật".

Hai nhà kiểm duyệt cắm cúi làm việc, và công trình của họ, qua sự trả lời bản câu hỏi nhận định về quyển *The Questionnaire*, đã cho thấy mức độ của sự tuân phục tuyệt đối đảng và nhà nước một cách ngu xuẩn của những con người này. Sự ngu xuẩn này khó có thể vượt qua. Sau đây là một vài đoạn trích:

"Hắn (Jirí Grusa) hoàn toàn từ chối sự truyền thông giữa người và người qua các cung cách và các tiêu chuẩn đạo đức cũng như luân lý thường được chấp nhận trong xã hội xã-hội chủ-nghĩa của chúng ta. Cuốn sách... nhắm mục đích đưa ra những cái nhìn và những thái độ chủ quan được diễn tả ra vẻ khách quan về một tình trạng xã hội không hề hiện hữu...

Cuốn sách phỉ báng những tình cảm quốc tế vô sản của dân tộc chúng ta và thổi mù, tạo nên những nghi kỵ, trong tình hữu nghị và hợp tác của chúng ta với dân chúng Liên Sô... Tác giả tấn công xã hội xã-hội chủ-nghĩa một cách gián tiếp nhưng không kém phần mãnh liệt... đặc biệt ở những đoạn liên hệ đến những con người chân chính là các đồng chí của chúng ta."

Chuyện buồn cười là tác giả của quyển sách, Jirí Grusa, sau khi bị lên án là "phản động" và "chống phá cách mạng" qua việc trình bày "những điều không đúng" về "một tình trạng xã hội không hề hiện hữu", sau khi bị tống ngục hai tháng, đã bị dụ dỗ và ép buộc rời khỏi nước. Nhiều đơn phản đối nhân danh tác giả đã được gửi tới Hội Nhà Văn Tiệp Khắc bởi những nhà văn nổi tiếng kể cả Václav Havel, Jaroslav Seifert, và Ludvík Vaculík. Nhưng vì Hội quốc doanh này đã từ lâu trục xuất những nhà văn trên vì họ cho là những người này đã không xứng đáng với tư cách và danh dự của một nhà văn (!) bởi thế, chẳng ai thèm để ý đến những lời phản đối đó cả.

Các quý vị Hoferek và Nussberger đã nghĩ rằng tác phẩm của Jirí Grusa là một nỗ lực chống phá cách mạng, mang màu sắc mỉa mai, diễu cợt. Nhưng phê bình gia người Tiệp nổi tiếng A.J. Liehm, hiện đang sống tại nước Mỹ, đã không tiếc lời khen ngợi *The Questionnaire*. Liehm còn so sánh nó với tác phẩm của Joyce và Proust. Ông cho rằng Grusa đã có một kỹ thuật rất vững khi trình bày cái nhìn của mình về *thời gian* và *nỗi hoài nhớ*

Kể từ thập niên sáu mươi, thế giới Tây Phương đã nhìn thấy rõ là các tác phẩm văn chương Tiệp Khắc đang đi vào một giai đoạn phát triển và thăng hoa cao độ. Hai nhà văn Tiệp Vaculík và Milan Kundera đã được xem là hai khuôn mặt nổi bật trong nền văn học Âu Châu. Những tác phẩm nổi bật của các nhà văn này đã xuất hiện trong những thập niên vừa qua vào đúng lúc cả thế giới nhìn thấy bi kịch Tiệp Khắc cũng như nhìn thấy sự áp chế con người tàn bạo đã diễn ra ở phần quê hương này. Sau những tác phẩm khởi đầu, không một tác phẩm nào khác của những nhà văn nêu trên được tiếp tục ấn hành tại Tiệp. Họ đã phải câm lặng hoặc cất lên tiếng nói của mình với tư cách là một nhà văn lưu vong. Jirí Grusa, một chuyên viên kỹ thuật của hợp tác xã gia cư, người đã chuyển bước từ thi ca sang văn chương, và năm 1978 đã trở thành một tác giả nổi bật với *The Questionnaire*, cùng với những khuôn mặt nổi bật vừa kể, phải được xem là một trong những tên tuổi của văn chương Tiệp thời phục hưng.

The Questionnaire không phải là một tác phẩm dễ phân tích. Tác giả cũng gọi tên tác phẩm của mình là "Lời cầu nguyện cho một ngôi làng và một người bạn" (Prayer for a Town and a Friend), qua đó người ta có thể thấy rõ mục đích của tác giả khi trả lời bản câu hỏi mà đồng chí Pavlenda, trưởng phòng nhân viên của cơ xưởng Granit đã đưa cho ông. Thật sự thì tất cả những câu hỏi của đồng chí Pavlenda dành cho tác giả, lấy tên là Jan Chrysostom Kepka (Gioan Kim-khẩu Kepka) trong cuốn tự thuật, chỉ vỏn vẹn thu về một mối, "Anh kia,

anh là ai?" Câu trả lời khá bất ngờ. Nó là một dòng cuồn cuộn của lòng hoài niệm và nỗi mộng mơ trộn lẫn với sự huyền bí u hoặc ảo huyền chảy tràn vào văn chương và chính trị. Dựa vào lời chỉ dẫn trong bản câu hỏi, yêu cầu người điền đơn phải kê khai đầy đủ và không được bỏ sót phần nào, Grusa đã viết ra tất cả những gì mà đảng và nhà nước muốn biết về mình. Và điều quan trọng hơn hết là ông đã viết ra luôn cả những điều mà đảng và nhà nước không muốn biết nữa. Bản trả lời đó tràn lan và có vẻ bất thường. Tuy nhiên, không có gì là không thật trong cái thế giới bồng-bế-xoắn-xuýt kỳ lạ được dãi bầy ra đó. Chúng ta có thể tìm thấy những hình tượng về tôn giáo và ma thuật trong *The Questionnaire* cũng như trong những tác phẩm của Vaculík, và ngay cả trong những tác phẩm có tính cách cổ điển hơn của Kundera. Đây là ngọn ảo đăng kỳ lạ, qua đó, người ta nhìn thấy dòng đời bập bềnh trôi nổi. Tất cả những sự kiện này có vẻ đến với văn chương của các tác giả Tiệp Khắc một cách tự nhiên: người ta nhớ rằng hoàng đế Rodolf II ngày xưa đã tìm bắt các nhà luyện kim thời Trung cổ và các nhà phù thủy của đại lục về nước Tiệp với mục đích khuyến khích họ tìm cách biến các kim loại thường ra vàng. Lịch sử và văn hóa Tiệp đã gắn bó với những hình tượng kỳ bí đó.

Jan Kepka đã diễn tả một số sự kiện thật sống động bằng cách dùng chiêm tinh học và những hình ảnh tượng trưng. Anh chàng ngồi trên lưng ngỗng trời bay bổng trên cái thành phố hư hư thực thực Chlumec, rồi lại nhào trở lại vào đời sống một cách bất khả xâm phạm sau khi đã bị đoàn quân xâm lăng bắn xối xả vào người trong cuộc tiến chiếm Tiệp Khắc của Nga Sô năm 1968. Tác phẩm cũng còn là một lời "cầu nguyện" cho ngôi làng Chlumec. (Thật ra có rất nhiều làng ở Tiệp mang tên này, nhưng cái làng Chlumec mà tác giả đã vẽ lại một cách hết sức tỉ mỉ trong tác phẩm của mình có vẻ là một cái làng tưởng tượng, kết hợp bởi nhiều ngôi làng Bohemian khác nhau). Dân cư của ngôi làng cổ này đã oanh liệt sống sót qua nhiều cuộc tấn kích và chiếm đóng, cũng như qua nhiều chế độ, suốt dòng thời gian khoảng hai ngàn năm.

Người ta tự hỏi là làm sao Kepka có thể trả lời những câu hỏi của đồng chí Pavlenda nếu chàng không biết một cách thấu suốt tường tận cái lịch sử bí mật của vùng quê hương và của những thế hệ người đã phơi ngửa định mạng mình ở nơi chốn đó. Bằng cách nào Chlumec đã sống sót qua những cuộc tấn công, khủng bố và cai trị của tụi Habsburgs, tụi Phổ, tụi Đức Quốc Xã, hay bằng cách nào Chlumec đã không chết đi dưới bàn tay hung hiểm của bọn bám đuôi Stalin và cuối cùng của bọn Nga Sô vào năm 1968. Và gần với mục đích của tác phẩm hơn nữa, bằng cách nào những con người chân chất ở cái chốn làng quê đó đã trao truyền cho nhau cái sức mạnh để cảm nhận nỗi hoan lạc, sự tự do và niềm hy vọng trong cái vùng đất thảm thương ấy của Âu Châu, khi mà chính họ, những người dân quê hiền lành lương hảo, đã bị dày xéo quần quại hàng bao thế kỷ? Jan Kepka sinh ở Chlumec ngay trước thế chiến thứ hai. Một trong những người ruột thịt của chàng, bác Olin, trở thành một người bạn và người hướng

dẫn chàng trên bước đường đời. Ngoại trừ lúc qua Anh để chiến đấu trong không lực hoàng gia và ngoại trừ khi bị bắt đi khai mỏ với tư cách là một tù nhân chính trị dưới thời cộng sản, bác Olin luôn luôn là người trao truyền cho Kepka sự khôn ngoan, minh triết. Một ông bác khác, là Bonek, sau khi tự chứng tỏ cho chế độ thấy mình tài giỏi trong việc thư lại, đã trở thành bí thư đảng tại Chlumec.

Trở lại với Jan Kepka, chàng ta cho rằng sự bí mật trong việc sống còn của những người dân Chlumec cũng như của chính chàng nằm ở ngay trong *chủng loại* của chàng. Có rất nhiều cảnh làm tình trong cuốn sách: cảnh ân ái giữa bố và mẹ của Jan trong rừng dưới những lá thu vàng úa (Jan bắt đầu nhận thức rõ từng mảnh sống của đời mình tự lúc này trở đi), cảnh yêu đương đắm đuối của Jan và người đàn bà dậy chàng chơi dương cầm, cảnh ân ái của những tổ tiên mấy kiếp của Jan, cảnh thương yêu của Jan với cô bé Erna mà thuở nhỏ Jan xem là cô dâu của chàng. Vân vân. Sự việc tác giả Jiri Grusa hết sức nhiệt tình trong việc trình bày lại một cách sống động các cảnh ái ân trên chắc đã làm phiền lòng quý vị trong phòng kiểm duyệt nhiều, bởi lẽ trong bản tường trình, hai vị này đã ghi rõ là tác giả *The Questionnaire* đã sử dụng những hình ảnh thô tục một cách cố ý. Còn chúng ta? Chúng ta không nên ngộ nhận tác giả. Không như quý vị kiểm duyệt cho là những hình ảnh kia được sử dụng một cách *cố ý*, chúng ta biết là những hình ảnh ấy đã được sử dụng với *chủ ý*. Giống như Milan Kundera đã có lần phát biểu, "Tôi vẫn nghĩ rằng một hình ảnh ái ân làm phát lộ ra một thứ ánh sáng rất mực chói lọi. Cái ánh sáng đó, một cách đột nhiên, soi chiếu cho người ta thấy rõ những tinh túy của các nhân vật và tóm lược hết hoàn cảnh sống của họ", chủ ý thật sự trong sự "thô tục" nên thơ của Grusa là để vinh danh cái tính chất vô chính phủ và thần bí của sự thu hút nhục cảm, cũng như để trình bày cái thế cách mà những đặc điểm chủng loại của con người nói chung - và của dân tộc chàng, huyết thống chàng nói riêng - đã được trao truyền đi mà đảng và nhà nước chẳng có cách gì ngăn cản nổi.

Ông tổ mấy đời của Kepka là người Do Thái, tên Jakub. Ông lãnh đạo một nhóm người Adamite dưới thời hoàng đế Joseph, và đã bị đẩy khỏi nước vì việc này. Con gái của Jakub là Katerina, trong một cơn bão tuyết năm 1803, đã yêu thương Ignac Trubac và đã trao truyền đi cái "đôi mắt màu ô-liu đen pha lẫn màu kim-lục-thạch" mà nàng đã được thừa hưởng từ ông bố cho đứa cháu của nàng sau này là Alzbeta. Cặp mắt này, sau đó, lại thấy chiếu sáng trở lại trên khuôn mặt của Alice, mẹ của Jan Kepka, khi nàng thụ thai Jan dưới những bụi cây thu vàng úa vào thời gian quân Đức Quốc Xã tràn vào quê hương nàng. Tất cả những khuôn mặt ấy, và những giấc mơ của họ, và những biểu tượng riêng tư của họ, đan kết với nhau trong cuốn sách cùng với những bạn hữu, những kẻ thù, những liên hệ của chính Jan Kepka. Và con chó, và chiếc xe đạp, và cái chuông xe in hình bốn

lá xa-trục-thảo, và những người đàn bà, và bầy ngỗng trời, và những giấc mơ của Jan xoắn xuýt với nhau như bông bí bông bụt, in nét huyền hoặc lên bầu trời xanh chen lẫn với những lá cây úa vàng của mùa thu...

Đoạn văn dưới đây sẽ đem lại cho chúng ta một cái nhìn gần gũi hơn về kỹ thuật liên kết và trộn lẫn các hình ảnh của Grusa. Cảnh được tả diễn ra dưới thời Tiệp Khắc bị Đức Quốc Xã chiếm đóng. Ngài Amdas trong đoạn văn này là sĩ quan chỉ huy Đức ở làng Chlumec; Herman Vohryzek làmột người Do Thái.

"... Chiếc xe ngựa phóng lên ngọn đồi, chúng tôi nhìn thấy ngôi biệt thự của ngài Amdas, nơi đó xưa kia Herman Vohryzek sinh sống trước khi ông ta bị cấm không cho đi mua nho hoặc đi dạo bằng thuyền v.v... trong làng Chlumec, nơi chỉ có một dòng sông duy nhất là dòng Bạch giang (White River) chảy qua, và trước khi ông ta bị quân ăn cướp tống cổ vào làm việc ở nơi mà ngày xưa là hãng làm đồ bằng sáp, ở đó ông ta đã câm lặng giã xương bò. Từ xe ngựa, tôi thấy rõ ngôi biệt thự, và trong ngôi vườn tôi thấy một cái ban-công nhô ra. Trong cái ban-công này, thằng bé nhỏ xinh đẹp nhà Amdas đang chăm chú nhìn những con công... Thằng bé nhà Amdas dưới mắt tôi trông như một nhà ảo thuật: nó huơ chiếc đũa thần, và những đóa hoa vĩ đại nở bật ra, rực rỡ trong một quang phổ chói lọi hỗn hợp của những sắc xanh lục và xanh dương, những đường lượn sóng dập dờn và nhấp nhô hòa nhập vào những đường nét của dãy hàng rào sắt và ngôi biệt thự mang dấu vết kiến trúc hồi cuối thế kỷ trên ngọn đồi..."

Bọn Đức Quốc Xã đến. Và những màn hành hình tập thể đã liên tiếp diễn ra. Quân lính Nga Sô sau đó kéo vào như những người anh hùng giải phóng, và ông bác Bonek của Jan, tự cảm thấy quan trọng, đã dẫn bọn lính này đi thăm thú khắp làng. Ngay khi Bonek và đảng của ông ta đóng cửa nhà máy cất rượu và quốc hữu hóa hãng sản xuất chocolat của chính dòng họ nhà Bonek, ông già Vostarek khốn khổ đã sáng chế ra một chiếc máy bay cá nhân (theo kiểu thời xưa) và ông cùng chiếc máy bay (hay máy lướt) này lao từ trên đồi xuống. Ông lão ngã gãy xương giữa hình ảnh tan nát ngổn ngang của chiếc máy bay mà ông chế tạo. Và cùng với sự ngã xuống của Vostarek, con người hiền lành dễ thương chỉ chuyên đi bắt và sưu tập các loại bướm đêm, cũng chấm dứt luôn cái giai đoạn lạc quan quái dị về tương lai. Jan lớn lên và bị du vào một cuộc tình đầy trắc trở với một góa phụ mà người chồng ngày xưa đã có lần trông thấy một kho tàng chôn giấu trong một lâu đài bằng đá, canh giữ bởi một con rắn thần. Những khó khăn mỗi ngày mỗi đến. Ông bác Olin của Jan sau đó bị bắt và bị đầy đi làm mỏ; Jan làm phận sự quân dịch cho cả gia đình dưới quyền một ông trung úy dở dở ương ương trước kia đã từng tự treo cổ.

Nhưng rồi cũng như mùa màng thay đổi, cuộc sống cũng dần dần xoay tới. Ông bác Bonek, bí thư đảng, bị một cơn cảm hàn chết người khiến ông ta không còn tiếp tục sống để xây dựng chủ nghĩa. Ông ta đã dám cả gan thách thức sự huyền bí. Có một lời nguyền để lại từ thế kỷ

thứ 16 là kẻ nào dám cả gan mở nắp mộ của Jost, vị lãnh chúa cổ của làng Chlumec, kẻ đó sẽ chết. Ông bác Bonek, chắc dựa vào sự tin tưởng là đảng, người có sức mạnh hơn thần linh, sẽ giữ an toàn cho mình, đã mở phiến đá mộ lên. Một luồng hơi lạnh vô hình từ dưới đáy mộ đã bốc lên bao phủ trọn người ông. Và ông chết ngay sau đó. Thế rồi, lần thứ nhì sau 23 năm, quân Nga lại tràn ngập đường phố "[illegible] cung cách họ sống ở đây xem như chính nhà của họ... đã chứng tỏ họ đến để ở lại luôn." Và cái con mèo kỳ cục, lông màu vàng rỉ sét mà qua nó Jan và ông bác Olin hy vọng sẽ gây được một giống mới - hình ảnh biểu tượng của con mèo này luôn luôn thấp thoáng ẩn hiện trong suốt tác phẩm của Grusa - bỗng một hôm bứt hoát khỏi chuồng và chạy biến lên những ngọn đồi. Con mèo đã biến mất. Câu chuyện chấm dứt ở đó.

Nhìn dưới nhãn quan của người cộng sản đặt trên những giả định về bản chất của con người và hướng tới của lịch sử Tiệp, sự trình bày của Grusa về 30 năm đầu tiên trong cuộc đời Jan Chrysostom Kepka tại Chlumec rõ ràng là có tính cách chống phá cách mạng. Chlumec, một ngôi làng cổ ở trên ngọn đồi phía Tây Bắc Bohemia, với những di tích đổ nát còn để lại của tòa lâu đài cổ ở Cepin, và chiếc vọng lâu xây theo kiểu *baroque* của Âu Châu thế kỷ thứ 17, 18 của nhà thờ thánh Barbora là một cái gương thu nhỏ hình ảnh của toàn xứ Tiệp. Cái tiểu vũ trụ này khả tín dưới mắt người dân Tiệp cũng như dưới mắt độc giả trên toàn thế giới. Bởi lẽ ấy, tác phẩm đã không làm hài lòng đảng và nhà nước Tiệp. Nhân vật chính đứng ở ngôi thứ nhất của chúng ta trong tác phẩm là một người có những cảm nhận sắc bén về tính dục trước tuổi. Chàng đã kể lại lịch sử của chính mình cũng như phổ hệ của gia đình mình dưới mắt nhìn đó, và tất cả những diễn biến này được xây nền trên những biến cố trọng đại của quốc gia Tiệp. Câu chuyện mở ra vào thời Tiệp Khắc bị Đức quốc xã cai trị với cảnh ái ân của bố và mẹ Jan dưới những cánh rừng đầy lá thu vàng úa, sự thụ thai Jan, và chấm dứt ngay sau biến cố Tiệp Khắc bị Nga Xô xâm lăng năm 1968.

Nhịp điệu của hai biến cố lịch sử này, làm cái khung cho cảnh đời riêng của Jan, người anh hùng của chúng ta trong tác phẩm, đã lên xuống bềnh bồng theo những con sóng có tính cách mỉa mai, diễu cợt mà tác giả đã đẩy vào câu chuyện. Sự sắp xếp cân phương một cách mỉa mai này của tác giả cũng đã được nhìn thấy qua hai hình ảnh đối nghịch sau đây: Amdas, vị sĩ quan chỉ huy của quân đội Đức quốc xã tại làng Chlumec, đã xử tử một nhóm người Tiệp yêu nước, để rồi cùng thấy mình cũng chịu một số phận tương tự trong tay đám quần chúng điên cuồng với sự trả thù vào biến cố tháng 5 1945. Kẻ lãnh đạo của những con người yêu nước muộn màng (theo kiểu 30-4) là ông bác Bonek của Jan, bắt đầu lên như gió bốc, và con gió này sau đó đổi xoáy và đẩy ông ta vào địa vị thị trưởng của làng Chlumec, đứng về phía những người cộng sản.

Dùng kỹ thuật *collage* của hội họa (dán, vẽ và kết hợp nhiều mảnh hình khác biệt nhau để tạo nên một cấu trúc cân đối chung

mang một màu sắc riêng tư lạ lẫm), Grusa đã đưa ra những hình ảnh hết sức sống động, chẳng hạn như hình ảnh biểu tượng diễn tả những thăng trầm của lịch sử Tiệp được phóng chiếu qua hình ảnh con rắn *ouroboros* cuốn tròn bằng cách tự nuốt đuôi mình. Nhìn một cách cạn cợt, cái vòng tròn này diễn tả hình ảnh tù hãm, tự ải một cách vô phương cứu chữa của lịch sử Tiệp. Tuy nhiên, vòng tròn ấy cũng tượng trưng cho hào quang của thánh Wenceslas, thánh bảo hộ của dân Bohemia, người mà tác giả cho là vị chúa tể thực sự và độc nhất của dân tộc, một *rex perpetuus*, đối với những thế lực phù du của các hoàng đế nhất thời. Thánh Wenceslas đã bị quân xâm lăng bắn chết trước cửa nhà thờ lớn.

Xét về mặt kỹ thuật, tác phẩm *The Questionnaire* có những nét đặc biệt như chúng ta vừa phân tích qua; ngoài ra, có rất nhiều đoạn được viết với xúc cảm của một nhà thơ - thật sự, Jirí Grusa đã làm thơ trước khi viết văn - Hầu hết những hình ảnh ái ân, mang màu sắc tính dục trong tác phẩm, mặc dù tả rất thực, rất rõ, đều đã được bao phủ bởi một lớp tơ óng trộn lẫn sương mù của thi ca. Những hình ảnh trên đẹp một cách rất Đà-Lạt-chiều-sương-mù-ẩn-đầu-con-dốc, em dịu dàng mở giữa lòng tôi. Vân vân. Tiếc vì giới hạn của bài viết, chúng tôi không thể trích dẫn những đoạn văn đó ra đây. Một bản trả lời có tính cách tự kiểm, dưới chế độ cộng sản, mà lại được trình bày trong cung cách chúng ta vừa tả thì chẳng trách gì Grusa đã bị đảng và nhà nước kết tội là "phản động", "chống phá cách mạng", "kẻ khởi xướng những bất ổn trong xã hội", và "đã đưa ra một cái nhìn chủ quan được diễn tả một cách khách quan về một tình trạng xã hội không hề hiện hữu".

Sau đây, chúng tôi xin trình bày những nhận xét của các nhà phê bình nổi tiếng về tác phẩm *The Questionnaire* của Grusa:

"Không có một tóm lược nào hay hơn nữa về tác phẩm của Grusa là phải cho rằng nó thật hết sức phong phú. Nó vừa phức tạp, tự tin, vừa chiếu rọi một thứ ánh sáng hết sức đẹp đẽ. Nó viết về sự khiêm tốn của đời sống một người dân Tiệp tầm thường, và về những thiên thần và ác quỷ đã níu giữ đời sống đó. The Questionnaire là một đóng góp sáng ngời vào số những tác phẩm của "trường phái Tiệp Khắc". Nó mang trong nó một sắc thái trong suốt về nơi chốn và về những chi tiết mà Joseph Skvorecky đã đạt được trong những tác phẩm đầu tiên của ông. Nó có được cái sức ép có tính cách siêu thực và tiên tri như tác phẩm "Guinea-Pig" của Vaculik... Nó cũng có cái ma lực cuốn hút như trong tác phẩm "Life is elsewhere" của Milan Kundera..." (Neal Ascherson, The New York Review of Book)

Và,

"Chính Grusa là một trong những người mà, như ngôi thứ nhất trong tác phẩm nói, đã "thò đầu ra khỏi vòm trời". Sự đi lại thân thiết của Grusa với cái vĩnh cửu đã làm cho ông nổi bật so với những nhà văn đầy tài năng cùng thời với ông chẳng hạn như Milan Kundera. Cùng với Milan Kundera, ông đã chia sẻ cái khuynh hướng mỉa mai rừng rú và sự bàng hoàng mở mắt về tính dục. Dù sao, tính dục trong

tác phẩm của Grusa đã vọng lên một âm vang khác biệt của những hoài niệm quá khứ thời baroque. Vậy mà giữa tất cả những ám ảnh về chết chóc và sự mục rữa, tác phẩm lóng lánh này được làm cho sống động hẳn lên qua cái tính chất xung động mà mũi nhọn của nó hướng thẳng về phía trời cao, xa khỏi những mỉa mai chán chường, và kêu gọi sự tha thứ." (Maria Nemcova Banerjee, World Literature Today).

Jurí Grusa hiện tại sống và tiếp tục viết tại Tây Đức. Một nhà văn lưu vong nữa đã đến với chúng ta. Và kinh cầu nguyện của Grusa, tác phẩm *The Questionnaire*, đã là một bài thơ dài lên án chế độ cộng sản đang trên đường xóa bỏ văn chương và, cùng lúc, quê hương Tiệp thân yêu của ông. Những âm vang của lời cầu nguyện ấy đang còn gây chấn động trong trái tim nhân loại.

Hãy để ý nghe ngóng trái tim mình, hỡi chúng ta, những người đang cất bước lang thang trên những nẻo lưu đầy khắp chốn.

Trái tim ta, mày đã nói gì?

Bùi Vĩnh Phúc
tháng 3, 1985

Hoàng Dung

Bà Tám Tốn

truyện ngắn

Tôi nhớ, trong một bài hát thịnh hành của Phạm Duy, nhà nhạc sĩ có bảo rằng: *"Em ước mơ mơ gì tuổi 13, tuổi 14? Em ước mơ em là, em được là thi sĩ"*... Úi giời. Mãi đến khi nghe câu hát đó, tôi mới vỡ lẽ ra rằng, ở cái tuổi 13, 14 không chỉ có tôi hay một vài cô bạn gái ngày xưa là mơ mộng "được là thi sĩ"; té ra, đó là: ... giấc mơ chung. Quái nhỉ. Sao lại chẳng mơ là bác sĩ, kỹ sư, giáo sư, dân biểu... mà lại cứ mơ là thi sĩ cho bằng được.

Hồi đó, ở cái tuổi "mơ làm thi sĩ" đó - chứ chẳng mơ làm người Quang Trung, người Ngọc Hân gì cả - tôi có một tập thơ chép tay nắn nót. Thơ của tôi, quý vị ạ. Thơ hay hốm đến nỗi ngày nay tôi quên sạch sành sanh chẳng nhớ lấy một câu nhớn câu con nào cả. Tập thơ, cứ dăm ba bữa, nửa tháng lại thay hình đổi dạng, có lẽ tại chủ nhân thấy rằng hình thức của tập thơ quá xấu, quá tầm thường, không đủ điều kiện để trình bày một công trình sáng tác để đời. Lúc thì nó là một tập vở học trò, rồi lại đổi sang loại tập dày có in mỗi đầu trang trái lựu đỏ, trái mận vàng, con bướm vườn hoa,... Có lúc lại là một tập giấy "pơ luya" mong mỏng xanh hồng có vẽ những cô gái tóc xoả, mi khép, vạt áo dài bay... Những cô bạn gái của tôi thì lại có những sáng kiến tân kỳ hơn nữa: nào những xác bướm khô, những cánh phượng ép những lá cúc những hoa điệp vàng trang trí cho những bài thơ được đóng khung xanh đỏ. Chao! Thiệt là thiên hình vạn trạng. Vậy mà có một điều đồng dạng, bất biến: bài thơ nào cũng được mở ngoặc đơn ở cuối bài: (trích trong tập "...") ra cái điều ta làm được cả tập thơ lận đó, không phải chỉ vài bài ấm ớ vậy đâu. Hoặc "bút nhóm: "...", thi đoàn "...", cũng đề ra cái điều ta là nhân vật quan trọng, có tên trong thi đoàn cẩn thận.

Cái trò chơi "làm thi sĩ" đó làm tôi say sưa suốt mấy năm trời, tốn biết bao công phu bắt bướm hái hoa, biết bao công đếm mây trôi gió thổi và biết bao công tìm kiếm bút hiệu nào Trang Thiên Cúc, Kiều Mộng Chinh, Băng Lan, Cẩm Chướng gì gì đó...

Cho đến một ngày, một ngày tôi khám phá ra rằng các bà chị cũng chơi trò thi sĩ. Có điều các bà chị kín đáo hơn nhiều, mà những bút hiệu nghe cũng dễ thương hơn: Trầm Hương, Cỏ May, Hoa Học Trò, Nhã Trúc... Đúng là người lớn! Hay thiệt! Có điều các bà chị dấu tập thơ kỹ lắm, khó lòng đọc trộm. Mất bao nhiêu công phu theo dõi, tôi mới chộp được tập thơ của chị Vân mang ra vườn đọc trộm. Rồi

thơ của chị Yến, chị Hòa... Ủa lạ, thơ của các bà sao rặt một giọng than thân trách phận đến não nùng thế này.

Tủi thân buồn mi khép
Dung nhan chẳng mỹ miều...

Thắc mắc mãi, về sau tôi mới khám phá ra là các bà cóp thơ của Lệ Khánh. Ba bốn tập thơ *"Em là con gái trời bắt xấu"* của nhà thơ não nùng Đà Lạt, các bà cứ mỗi người chép một mớ để tên mình ngon ơ! (Thảo nào mà dấu kín mít chẳng cho ai đọc.

Vậy là tôi vấp hòn đá thi sĩ của các bà chị, đâm ra tỉnh mộng, dẹp hết thơ với thẩm. Nhưng chỉ được ít lâu, tôi lại lân la mơ được làm... văn sĩ.

Giấc mơ lần này coi bộ vất vả, không dễ mỗi chốc hoàn thành một đoản văn. Cắn bút thức đêm bao lâu cũng không viết nổi một truyện ngắn hai trang cho tờ bích báo. Hận quá, bèn bỏ quách, chẳng thèm mơ với mộng gì vào nữa. Nhất là từ đó, thi Trung Học, thi Tú Tài dồn dập làm giấc mộng bay xa - không biết có phải vì thế không hay vì tuổi 13, 14 đã qua rồi -

Thế nhưng, mỗi lần nhớ đến giấc mơ văn sĩ, là tôi lại nhớ đến Nhất Linh. Nhất Linh đã đưa những Đổi, những Bé, những Bác Lê, Cô Mùi.. đi vào văn học sử. Cho đến bây giờ, hễ nói đến gia đình nào nghèo mà lại đông con, người ta nhắc ngay đến Bác Lê. Một mối tình đơn sơ thì phải nhắc đến mối tình cô Bé toét mắt mí lị anh Đổi, yêu nhau đậm đà qua... hai bàn chân... Trong giấc mơ vĩ đại của tôi, những nhân vật lừng danh của xóm tôi cũng sẽ đi vào văn học sử như thế. Chao, tôi thèm kể biết mấy cuộc đời buồn của hai cô giáo già phía trái, chuyện gia đình ấm cúng của vợ chồng ông giáo Cung phía tay phải, chuyện tình lãng mạn ướt át của cô giáo Thanh phía trước, chuyện bà Tám Tồn ồn ào náo động cả xóm ở xeo xéo phía trước nhà... Đó, như bà Tám Tồn đó, tôi mà giỏi dang là bã đã anh dũng đi vào văn học sử, để lại cho hậu thế một pho tự điển dày cộm cộm ghi chép những câu chửi văn hoa ca kệ như câu hát, những câu chửi đã được bà sang sảng đọc từ sáng đến trưa, từ trưa đến tối. Chửi chồng, chửi con, chửi hàng xóm, chửi con chó con mèo... Trời hỡi! cớ sao "tài năng" của tôi lại cứ chẳng bao giờ vượt nổi một chuyện ngắn hai trang cho bích báo?

*
* *

*K*ính thưa quý vị,

Nếu quý vị đọc qua tựa đề "Bà Tám Tồn" ở đầu trang, xin quý vị đừng vội tưởng lầm là tôi lại hăm hở dệt giấc mơ văn sĩ để đưa bà Tám Tồn vào văn học sử. Thưa, tôi chẳng dám xấc láo thế nữa đâu ạ — Tuổi thơ thì thường có lắm khi nghĩ dại phải không ạ? Vả, dù hôm nay đã chẳng bao giờ còn có dịp viết "truyện ngắn hai trang" cho bích báo, tôi biết tài năng cao vời vợi của tôi vẫn không "hướng thượng" tý nào cả. Câu chuyện Bà Tám Tồn hôm nay, nếu có, chẳng qua chỉ vì tôi nhớ

Bà Tám Tồn của tôi quá xá. Vâng, lý do chỉ có thế.

Ngày xưa, quý vị chiến sĩ anh hùng thường khắc mấy chữ "xa quê hương nhớ mẹ hiền". Hoàng Dung tôi, có bà mẹ già thì đã cõng theo trên đường di tản. Văn chương thì lại không dạy rằng xa quê hương nhớ cha hiền - Có lẽ cha thì thường chẳng hiền - Nên tôi, có cha già giờ này lạnh lùng đâu đó nơi núi rừng Việt Bắc, thế mà mỗi lần nhớ đến cha tôi, nỗi nhớ cũng không kéo dài lâu lắc như khi tôi nhớ... Bà Tám Tồn.

Chắc quý vị cũng chẳng hà tiện gì để chẳng gọi tôi là đồ con bất hiếu bất mục. Thưa thật thế. Tôi cũng thấy mình là con bất hiếu, không nhớ cha già bằng nhớ bà hàng xóm ấm ớ hội tề. Bởi thế nên sẽ chẳng bao giờ tôi xin quý vị đánh cho tôi hai chữ đại xá.

Nhưng mà... đôi lúc, một mình một bóng, tôi lại bắt gặp mình đương loay hoay tìm đường bào chữa cho mình. Tôi đã nghĩ rằng, hình ảnh của ba tôi, khi gợi lại, khi tưởng đến, nó buồn bã quá, thê thảm quá. Mà không thê thảm sao được khi ba tôi, một người nhỏ con ốm yếu, suốt cuộc đời chính trị chính em chỉ có tiếng mà không có miếng, chẳng lãnh một đồng lương của bất cứ chính phủ nào, nội các nào, mặt trận nào - ngày nay cũng khăn gói gió đưa ra Việt Bắc, trong lúc con cái đã ở cả xứ người. Người khác còn hy vọng lao động kiếm tiền gởi về cho thân nhân bên bờ Đông Hải, chớ tôi có lao động 8 tiếng, 10 tiếng, 12 tiếng mỗi ngày cũng chỉ béo thân tôi, chớ làm sao tôi mua cho cha già một miếng đường đen? Bốn năm trời, tôi chỉ có một tin tức duy nhất là ba tôi đã ra Việt Bắc sau thời gian ở Chí Hòa. Cho nên, nghĩ về ba tôi là nghĩ, là nhớ qua hình ảnh của người khác, của ông Trần Trung Dung nhục nhã vì miếng cơm cháy dấu đút của những ngày ở trại tập trung; của hình ảnh một bộ xương bọc lấy bởi một làn da mỏng dính, đôi mắt lộ muốn lòi khỏi hốc mắt của một người tù mà báo chí cho lên trang bìa... Những hình ảnh đó nếu nghĩ đến thường xuyên, nhớ đến nhiều giờ trong một ngày, chắc đã làm tôi mắc bịnh khùng.

Bởi vậy, trong trí tưởng của đứa con bất hiếu là tôi, ba tôi thường bị bà Tám Tồn ồn ào sôi động như một diễn viên của sân khấu cải lương, vai độc, mời đi chơi chỗ khác. Khổ thế. Té ra tôi vẫn còn nhiều nhi đồng tính ham vui bỏ buồn.

*
* *

Xóm tôi ở không có những villa kín cổng cao tường, không có những nhà treo bảng *"coi chừng chó dữ"*; nhưng cũng không đến nỗi quanh co hát năm lần bản Phố Buồn mới đến nhà. Con đường trước nhà nối liền hai con đường lớn của Nha Trang, cũng rợp bóng những cây hoa sứ, những cây muồn hoa vàng lấm tấm. Như tôi đã thưa ở trên, bên trái nhà tôi có hai cô giáo già, sống với bà mẹ. Có lẽ sợ hai cô đi lấy chồng bà cụ sẽ đơn chiếc nên cả hai cô đều "ở vậy". Cả ba người đàn bà đều đẹp đẽ, phương phi, phốp pháp - Hai cô mở lớp mẫu giáo

dạy ở nhà - Bên ta chưa phát triển mạnh mẽ ngành "babysit" như ở xứ này, nên những đấng cha mẹ phải đi làm đi lụng mà con cái chưa đủ tuổi để xin vào trường tiểu học, bèn đem con đến gởi cho hai cô giáo. Ngay trước mặt trường của hai cô giáo này là trường của cô giáo Thanh, một cô giáo đang tuổi đôi mươi nhưng cũng phốp pháp, phục phịch như hai cô giáo già vậy. Vì hai trường đối đầu nhau nên vấn đề cạnh tranh cũng rất là có kích thước. Tuy nhiên, vì khuôn mặt... mô phạm, chuyện cạnh tranh thường được mùi chua chua chát chát qua giọng nói; một câu chuyện bóng gió xa xôi, một ánh mắt liếc xéo sắc như dao cầu...

Xóm tôi, cái xóm nhỏ xíu xiu nhưng rất phát về đường... văn học. Hẳn thế. Vì ngoài hai cô giáo già, cô giáo Thanh, còn có vợ chồng ông giáo Cung, bà giáo Quang, bà giáo An... ở bậc tiểu học và mẫu giáo. Rồi đến các giáo sư như ông giáo Dự Pháp văn, ông giáo Tán Sử Địa, ông giáo Sung, ông giáo Mười dạy Toán... Cái xóm văn học hẳn đấy chứ. Thế nhưng có hai "hiện tượng" chẳng nhuộm mùi văn học gì ráo: đám bầu cua và bà Tám Tồn.

Đám bầu cua, xuất hiện bằng năm vào khoảng cuối tháng mười, đầu tháng 11 ta. Buổi sáng, đám bầu cua đóng ở ngã tư đường, nơi những đám hàng quà điểm tâm vẫn tụ họp sáng sáng. Rồi để tránh nắng, họ xích dần, xích dần vào và đến trưa thì nằm ngay trước cửa nhà tôi, nghĩa là giữa hai căn cứ huấn luyện nhi đồng thành những mầm non tương lai sáng lạng của đất nước. Vài đứa bé bố mẹ cho tiền ăn quà, thụt thò mãi cuối cùng cũng ngồi phệt xuống đặt bầu đặt cua. Vài bác xích lô ế khách ghếch càng xe nhập cuộc. Vài bà buôn bán cấp rổ đi chợ về, vài đứa bán cà rem cây, đậu phọng rang... Cứ thế, đám bầu cua, từ hai tháng trước Tết đã mở đầu mùa Xuân một cách hăm hở, hăm hở cho mãi đến năm, sáu tháng sau Tết.

Vài lần trong một ngày, vài đấng bạn dân vác dùi cui tu huýt đến dẹp đám bầu cua. Và... khi các bạn dân vừa xuất hiện ở đầu đường, đám đông trong chốc lát đã chỉ còn lại vài bác xích lô nằm dài trên nệm xe ngáp thườn thượt... Các thầy dừng lại, nhìn ngược nhìn xuôi tức tối lùng kiếm dấu vết trước khi hậm hực bỏ đi. Thế là... nhanh như chớp, miếng vải có dán bàn bầu cua được tung ra, các bác xích lô nhổm dậy mau lẹ và tiếng ồn ào như ong vỡ tổ át cả tiếng 50 em bé đang đọc cửu chương theo nhịp thước của cô giáo Thanh.

Má tôi ví bước chân của các thầy cảnh sát giống như viên đá ném xuống mặt hồ. Mặt hồ xao động chốc lát rồi lại trở về trạng thái cũ. Mỗi lần nhìn đám đông chen lấn để đặt tiền xuống chiếu, tôi nghĩ đến câu ví của bà cụ và ngạc nhiên, sao bà cụ lại có thể thấy sự tương liên giữa một đám người lúc nhúc thế kia với một mặt hồ.

Nhưng dù cung cách có "văn học" hay chẳng văn học, đám bầu cua cũng chỉ kéo đến gốc cây muồn của sân nhà cô giáo Thanh là dừng lại. Không dừng lại sao được vì nhích vào tý nữa là giang sơn của bà Tám Tồn. Bà Tám người đẫy đà, tóc bối ngược, thức dậy, sớm hơn cả bầy chim sẻ trên ngọn muồn, chiếc ghế nhỏ cầm tay, bà tiến ra đầu cổng, đặt ghế xuống và bắt đầu việc làm của ngày: chửi. Dân xóm trở

mình càu nhàu: cha bữa nay bà Tám súc miệng sớm quá. Hoặc: sáng nay chắc bà Tám ế mình, 8 giờ sáng chưa thấy mở máy.

Bà Hoa, khi tiếng thảnh thót đầu tiên của bà Tám vang lên, ngồi ngay dậy mở cửa sau bê khay ly tách ra giếng rửa. Chập sau, vài người đàn bà đem gàu ra múc nước, bà Hoa mỉm cười:

— Bữa nay bả hết chửi con Hiệp rồi. Bả chửi ông Tám đó

— Hôm qua nghe bã chửi con Hiệp tới trưa, khan tăm khan tiếng mà tui chẳng biết chuyện gì? Con Hiệp chọc bã hả? Chắc tới mua hàng của bã rồi trả tới trả lui, chê mắc chê rẻ chớ gì?

— Không phải. Nó chê con gái bã xấu.

— Úi trời. Tội nặng quá mà bả tha sao được.

Bà Tám bỗng nhiên ngưng chửi ông Tám. Bả đang nhảy dựng như mặt đất dưới chân bỗng hóa lửa. Ba người đàn bà đang thả dây gàu xuống giếng vội vàng kéo lên, chạy ra dòm chừng: bà Tám chạy te tái đến nhà cô giáo Thanh, vừa chạy vừa quấn lại mớ tóc xổ tung vì nhảy hăng quá. Thở hổn hển, bà vừa ngoắc cô Thanh vừa chỉ xuống hai cái vỏ bắp trước sân bà: một thằng học trò nào đó của cô Thanh đã làm nên tai họa, dám xả rác trước nhà bà Tám.

— Cô dạy học trò làm vậy đó hả? Cô dạy nó mất dạy vậy hả? Trời ơi dậy kiểu đó mà bày đặt mở trường. Dẹp. Ra lượm rác cho tui. Đồ ăn dơ ở dáy. Đồ... Đồ....

Cô giáo Thanh lẳng lặng sai một đứa học trò lớn ra lượm hai chiếc vỏ bắp liệng vào thùng. Không ai trả lời mình, bà Tám càng lồng lộn. Bà hậm hực nện mạnh gót chân trở về chiếc ghế đẩu, và trút nỗi bực mình lên ông Tám. Bà chửi ông Tám hăng say hơn trước nhiều lắm, nhưng không quên, thỉnh thoảng, chen vào vài câu chửi cô Thanh, bóng gió...

Bà ghét Thanh thậm tệ. Có thể nói là ghét nhất xóm. Cô Thanh, ngoài hai mươi, đẹp, trắng trẻo. Nhìn cô thế nào quý vị cũng phải thốt lời khen ngợi: Ôi chao sao mà cô có làn da đẹp đẽ, trắng như ngó cần. Các bác Phát Diệm thế nào cũng suýt xoa: tắng như tứng gà bóc. Ấy thế mà cô giáo coi mòi... ế chồng. Lý do: cô có "hơi" đấy đà. Thêm một lý do nữa: cô đông em quá mà nhà lại không lấy gì làm khá giả.

Bởi vậy cô vẫn thường tưởng tượng rằng có rất nhiều đấng mày râu yêu cô tha thiết, họ chờ chực trông đợi cô nhiều ngày tháng để gởi một lá thư xanh, hiềm vì nhà cô kín cổng cao tường và cô có vẻ trang nghiêm đoan chính quá nên họ chả dám đấy thôi. Có khi cô tưởng tượng cô là cây đinh của một đêm dạ vũ của hải quân tổ chức nhân lễ mãn khóa. Có lúc cô say sưa kể chuyện một buổi sáng nọ cô vận bikini xuống biển tắm làm bao nhiêu trai tráng đổ xô lại quanh cô trầm trồ ca ngợi, cô xí hổ muốn chết... Đang kể chuyện ở ngoài phòng khách của bà giáo Cung, cô không để ý nghe một tiếng "ịụi" ở phòng trong. Bà giáo Cung chạy vào, thấy ông giáo nằm dưới đất, hai tay ôm ngực. Ông giáo ra hiệu cho bà giáo lại gần, rồi gắng gượng hết sức ổng mới lên tiếng được: Em ra nói cô Thanh tha cho anh. Cổ mà còn kể nữa thì anh cười đứt gân máu... anh chết.

... Nhưng cái lỗi tày trời của cô giáo Thanh là một lần cổ đã dám

tưởng tượng thằng con trai lớn của bà Tám mê cổ quá xá. Nó nằn nì khóc lóc quá trời nhưng cổ cương quyết mà rằng anh thì tui cũng có nhiều cảm tình lắm nhưng tui sợ má anh thí mồ. Câu chuyện đến tai bà Tám, bà chửi ba đêm hai ngày mà vẫn chưa hết giận.

Thế nhưng không phải ngày nào bà Tám cũng chửi. Những ngày rằm, mùng một ai có động đậy chi bà cũng sẵn sàng tha thứ, nghĩa là để dành đó cho đến ngày hôm sau. Điều hay của bà Tám là bà chửi ra rả ngày một mà không ai chán nghe. Vài ngày vắng tiếng bà, xóm buồn bã làm sao. Và bà Tám còn hay ở chỗ chẳng "thiên vị" ai cả. Thượng vàng hạ cám, bà chửi tuốt. Và ban phát những câu chửi đồng đều, chẳng ai nhiều ai ít.

Một buổi sáng nọ, cô con gái nhỏ của bà Tám khám phá ra cô chị đã chết. Cổ tự tử. Không rõ cổ đã làm chuyện gì mà bà Tám đã chửi cổ hai ngày ròng rã. Buồn quá cổ chán đời uống hết mấy túp thuốc ngủ. Bà con trong xóm lục tục tới phúng điếu, bà Tám thản nhiên ngồi xỉa cục thuốc:

— Ủi thăm viếng chi cái đồ bất hiếu. Cha mẹ la rầy mà tự tử. Nó chết rồi chớ không tui còn chửi nữa.

*
* *

Bỏ xứ ra đi, ngoài những nỗi buồn có mẫu số chung như những nỗi buồn của quý vị di tản, tôi còn có thêm nỗi buồn nhớ bà Tám Tồn sinh động của tôi. Nhất là ở đây, trong những căn nhà đóng cửa kéo màn im ỉm, tôi càng nhớ xóm dữ. Tết nhất có ai bày đặt xóc bầu cua, đánh xì lát,tôi cũng thấy không vui bằng cái đám bầu cua, tài xỉu ở trước nhà. Tìm đâu được cái nét mặt tiu nghỉu của thằng bé thua hết tiền quà. Tìm đâu cái vẻ mặt trịnh trọng của bác xích lô lần trong kẹt ví kéo ra một tờ giấy mười đồng cuối cùng. Tìm đâu những ánh mắt khoan khoái của đám đông lừa được các thầy cảnh sát. Và bà Tám! Phải chi có bà ở đây để nghe bà rủa hai cái đứa con nít ôn dịch trai mười tuổi, gái mười hai ôm nhau tối ngày ở dưới garage kia, trước những nụ cười ấu yếm của hai bà mẹ. Có đêm đi làm về khuya, mùa mưa, tôi co ro bước lên cầu thang và giật mình đánh thót thấy hai đứa mặc áo mưa che dù ôm nhau ngồi thù lù ở đầu cầu thang. Trời ơi sao lại có thể có một khối tình say đắm thế giữa hai đứa nhỏ mà, ở xứ tôi, đáng lẽ chúng còn chơi búng dây cao su mơn mởn móng tay, chơi thẻ chuyền thua bị khẽ sưng mắt cá chân.

Hồi đó con nhỏ em tôi có con bạn cùng lớp tính tình có hơi... ỏng ẹo chút đỉnh. Buổi trưa đi học về, con nhỏ bước những bước trang trọng như đi qua khán đài có mười ngàn đôi mắt ngắm, mái tóc thề đong đưa rất điệu. Chỉ có vậy mà bà Tám đã kêu rêu là đồ... con nít ngựa. Bã hăm cô con gái còn lại của bà nếu có chút xíu ỏng ẹo nào giống con nhỏ kia là... hết sống. Trời đất ơi, thấy hai đứa nhỏ hàng xóm nhà tôi, tôi tiếc bà Tám quá. Phải chi...

*
* *

Cũng giống như đôi chân đã chết danh là... di tản của hầu hết quý vị, gia đình tôi cũng di tản ào ào từ apartment này qua apartment khác, tỉnh này qua tỉnh khác. Mà không dọn sao được. Có chút gì lưu luyến, cầm chân người di tản giữa biển người xa lạ? Ở chỗ này, nhà cửa chật hẹp, cũ kỹ: dọn. Đến chỗ khác, nhà cửa sạch, đẹp nhưng hàng xóm là mấy anh Xì cười đùa hô hố đến hai, ba giờ sáng, là anh Mẽo chị Mẽo mở nhạc Disco rầm rầm dội vào vách tường inh tai: dọn. Chỗ này thì đẹp đây, yên tĩnh nữa, tuy giá hơi mắc tí tỉnh. Nhưng dăm ba tuần, lại muốn dọn. Hỏi lý do, gia chủ cười mếu xếch: đẹp thì có đẹp mà sao... buồn quá. Nè bác nghĩ coi, cái sân cỏ đẹp như mộng vậy chớ có mon men lại gần được đâu. Nó để bảng "Keep out of grass" kìa kìa. Còn hàng xóm, chao ơi, nó đã đóng cửa tối ngày, có thấy mặt nó đâu mà nhà nó còn dán tấm bảng tổ bố "do not disturb" trước cửa nhà..

A, thế ra di tản quanh quẩn như con kiến bò trong miệng chén, té ra không phải vì căn nhà nhỏ hay dơ, xóm yên tĩnh hay ồn ào — có ồn cũng thua những xóm Vườn Chuối, Vườn Xoài, chợ Ông Tạ của ta, có dơ cũng còn hơn xóm cầu Trương Minh Giảng, khu Nhị Tỳ Quảng Đông ở Gò Vấp — Thế mà bên ta có ai vác khăn áo chạy dăm ba tháng, một năm một chỗ ở đâu? Nghĩ ra thế, hồn bèn rưng rưng, nhấp nhổm vài hạt nước mắt chực rơi, buồn cho tấm thân di tản buồn, hồn bất định, bất ổn. Nhưng thế nào mặc lòng, nước mắt có ướt, hồn có rưng rưng, đôi chân vẫn cứ chục bước.

Và... Khi "bước" đến xóm này, tôi khám phá ra vài điều rất đỗi khoan khoái: trước mặt nhà là một trường học tiểu học, cách hai ba căn nhà bên tay trái, một pre-school và bên phải, một bà sồn sồn người Mỹ rất ưa... làm ồn.

Bữa chiều đầu tiên dọn đến, bà hàng xóm trang trọng ôm qua một chiếc bánh do con gái bà đích thân làm để chào mừng gia đình tôi. Ôi chao là cảm động. Mấy thuở gặp được người có công thế? Tôi bèn Thank You rối rít, và trân trọng chắp tay, gật gù đứng nghe bà hàng xóm ríu ra ríu rít giới thiệu bà cùng từng đứa con một, về những người hàng xóm khác, về người chủ nhà trước của apartment tôi mới đến...

Hai giờ đồng hồ sau, bà ra về, hai lỗ tai tôi lùng bùng vì vận dụng quá cở để nghe cho trôi câu chuyện của bà hàng xóm, bà Barry. Bèn nhủ thầm dịp này, có bà hàng xóm đây chắc tôi có cơ trau dồi mớ Anh ngữ gói không đầy lá mít của tôi cho kha khá tí đỉnh.

Nhưng mới chưa đầy hai tuần lễ, tôi đã hết ham "trau dồi Anh ngữ" bằng cách chuyện trò với bà Barry. Gớm. Nói chi mà nói lắm quá vậy. Lần nào bà chị cũng tỉ tê đến hai tiếng đồng hồ. Với cái máu lịch sự đặc sệt của con nhà An Nam, tôi cứ phải trả lời "Có gì đâu, có gì đâu, tôi đang rảnh rỗi đấy mà", mỗi khi, bà Barry chiếu đôi mắt

trong veo ái ngại nhìn tôi "Tao có làm phiền mày không! Mày không bận chứ?" Ui! Cái lối nói chuyện thẳng thừng tách bạch của người Mỹ, không biết đến bao năm nữa tôi mới quen được. Lòng rất muốn mà cái miệng chẳng chịu giùm cho. Lại phải "Không sao, không sao, bà cứ nói chuyện chơi!"

Riết rồi, phát sợ, tôi dặn con gái tôi hễ bà Barry gõ cửa thì có quyền nói dối là mẹ tôi bận... ngủ, bận đi chợ, v.v... và v.v...

Theo thiển ý của tôi, bà Barry mà Thượng Đế đặt để bà ở xứ Mỹ này thật là cả một hình phạt cho bà. Đất dụng võ của bà phải là xứ... An Nam kia. Mỗi khi nhìn bà loay hoay tìm kiếm một vài bà hàng xóm để kể lể, tâm tình, để ngôi lê đôi mách, ý nghĩ ấy lại đến với tôi. Ở đây, bà là cả một sự quái gở, bực bội cho người khác. Sáng nay, đưa con qua trường, trở về, tôi bắt gặp bà Wilma đang ném một cái nhìn khó chịu về phía bà Barry đang tất tả bước thấp bước cao đi kiếm thằng con đến giờ học mà còn tếch đi chơi.

— Tìm... mí i i... Tìm... mí i i i ...

Giọng bà gọi thằng Timmy trầm bổng. Tôi thoáng thấy bóng thằng bé nào sau một chiếc van chơi với một thằng bạn. Nó lơ đi như không biết mẹ nó hốt hoảng như con gà mẹ chạy kiếm gà con. Thấy tôi bắt gặp tia nhìn khó chịu của mình, bà Wilma cười gượng:

— She's nice, but... too noisy!

Noisy! Tôi nhớ ngay đến bà Tám Tồn. Bà Barry tuy không "được" ồn ào như bà Tám, nhưng phải công nhận bà ta có cú gọi con bất hủ. Bất cứ lúc nào nhớ đến chúng, bà cũng có thể hốt hoảng chạy réo om sòm bằng cái giọng trầm bổng hiếm có của bà. Và con của bà Barry thì đúng thật là con... của Mỹ. Chúng thản nhiên chơi đùa, trò chuyện cho đến khi mẹ chúng tất tả chạy đến gần, tay chận ngực, miệng than "Oh God!"... Lúc đó, con Kathy mới ngưng câu chuyện đang nói với Elysa, hất hàm nhìn mẹ:

— Con biết má kêu về ăn. Có thế thôi mà má làm ầm. Con đứng đây chớ đâu.

Thằng Kavern thì nhún vai:

— Má gọi to thiệt. Con đứng tuốt đàng kia cũng nghe.

Bộ mặt buồn thảm, bà nhìn hai đứa con yêu dấu, rồi đưa hai tay lên trời, bà lắc đầu quay vào nhà. Chợt thấy tôi còn đứng ở sân, bà cười toe, tiến đến:

— Hi! Mày có nghe con gái tao trả lời tao không? Trời! Tao lo cho nó quá xá mà nó cứ bơ bơ...

Tôi nhướng mắt nhìn Barry, thay cho câu hỏi về chữ "l" của bà. Rất thông minh, bà Barry hạ thấp giọng xuống, gần như thì thầm:

— Mày không biết gì sao? Xóm này không còn yên lành như trước nữa đâu... Mới tối hôm qua đây, ở công viên đằng kia có người đàn bà bị chém bằng búa... Tuần trước, báo đăng hai đứa nhỏ 15, 16 bị hiếp cũng ở công viên đó, tao lo quá, Thu à.

Bà nhìn lại phía Kathy, vẻ mặt rầu rĩ khôn tả. Rồi, bất chợt, hai giọt lệ long lanh ứa khỏi hố mắt trong xanh, bà Barry nghẹn ngào:

— Mà... mà... mấy đứa bạn của con Kathy toàn là một thứ khó dạy... Mày coi, chiều qua tao đi chợ về, vừa đặt túi thức ăn vào nhà bếp, quay ra là hai túi để ngoài cửa đã biến mất... Tao thấy thằng Tom ở phía sau ôm một gói chạy về phía trường học mà tao hỏi, nó chối. Trời ơi! Hai túi thức ăn đó đáng giá 20 đôn! Chắc tao phải dọn quá, Thu!

Bà Barry khóc ấm ức vì tụi bạn mất dạy của con gái bà đã chớp hai gói thức ăn mà bà không làm gì được. Con gái bà nhún vai: "Má có suya là thằng Tom lấy của má không? Không chắc thì đừng có nói à. Má có nhân chứng không? Trước sau gì cũng mất rồi, mà nói hoài."

Tôi lúng túng nhìn bà Barry tấm tức mãi, bà hỉ mũi xoèn xoẹt không ngớt. Tôi lại lúng túng nhìn Kathy đang trịch thượng giương đôi mắt khó chịu nhìn bà mẹ rầu rĩ như như nhà có đám tang. Rồi, rất nhanh tôi nhớ đến bà Tám Tồn. Trời! Bà Barry ơi, rồi đây hết chiến tranh, tôi dẫn bà về quê tôi thọ giáo vài đường cùng bà Tám. Bà sẽ không ấm ức vì lũ con nít mất dạy, loay hoay tìm nhân chứng cho mất công mỗi khi chúng ăn cắp thức ăn của bà, ném đá vỡ kiếng xe bà, nắm từng mớ bông gòn ướt ném lên cửa sổ nhà bà. Với chúng nó, bà Tám sẽ dạy bà cao giọng mà rằng:

— Đèn xanh treo đầu ngõ, đèn đỏ treo đầu giường, xin Ngũ Vị Long Vương về bắt... tiên nhân cha cả lũ chúng mày, v.v... và v.v...

Còn với Kathy, với Kavern, Timmy? Dễ ẹt. Tôi thường nghe bà Tám "đọc" rằng:

— Đồ mất dạy, đồ ó đâm, tao biết bây mất dạy vậy tao đẻ ra cái trứng cho thiên hạ ăn, tống, động, nuốt cho rồi chớ đẻ chi ra cái thứ tụi bây cho tốn tiêu, tốn nghệ, tốn rễ chùm quần, tốn quần, tốn áo...

Cam đoan với bà, bà Barry, bà sẽ cảm thấy thoải mái. Vì chẳng bao giờ tôi nghe lũ con bà Tám cãi bà lấy một lời. □

Hoàng Dung

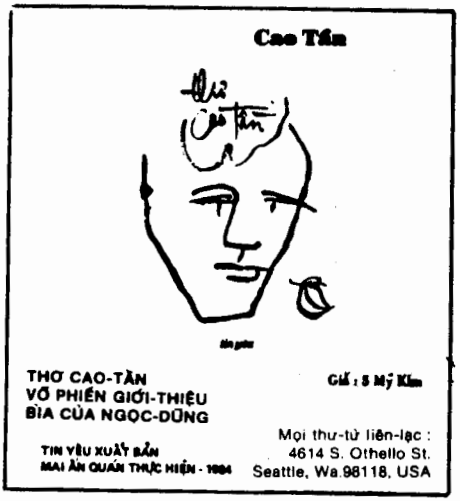

Mai Thạch

Tĩnh Tọa

Thơ

Chân gắn nền gạch dày,
Không quen quả đất quay.
Hai năm ngồi một chỗ,
Đêm đêm trăng vơi đầy.
Sao chùm không quên nở
Trên dàn chấn song gầy.
Ngàn năm yên một chỗ,
Không vướng áng mây bay.

Ta ngồi trong đau khổ,
Yên tịnh giữa trăng sao.
Đại dương nào bão tố,
Không chuyển đỉnh non cao.

Ta ngồi trong trần tục,
Hồn lọc ánh trăng thanh.
Bụi hồng gieo cửa ngục,
Không lấm áo lam xanh.

Ta ngồi trong băng giá,
Đốt mãi lửa lòng son,
Thịt xương dù hóa đá,
Như cô phụ bồng con,
Ngóng chồng không trở lại,
Muôn thuở đợi đầu non.

Tranh Võ Đình (Trích trong The Sudden Flash of Lightning)

Võ Ngã

Người thời xưa, Người hôm nay

tùy bút

Sáng mồng một Tết, buông rèm, thắp nến, đốt hương. Trong không khí trầm mặc, tôi muốn sống lại trong giây phút thời thịnh trị thuở Lý, Trần. Mỗi khi phiêu lưu về quá khứ như thế, tôi cảm thấy một cách sâu sắc rằng đời chúng ta tưởng rằng ngắn ngủi, nhưng thực ra vẫn dằng dặc, miên trường. Tôi cảm thấy, như một sự thực vật chất, rằng trong huyết quản tôi vẫn chu lưu không ngừng nghỉ, giòng máu của trăm dòng Bách Việt. Mà chẳng phải riêng tôi, tất cả những ai còn có chút tình tự với quê hương đều cảm thấy như vậy. Chả thế mà một người em họ tôi, một người chẳng bao giờ nói đến triết lý viển vông, vừa gọi điện thoại từ Texas sang để tâm sự : " Ngày xưa em chơi bời lêu lổng làm bố mẹ em buồn. Nay các cụ đã mất nên em cố gắng dạy dỗ các con để báo hiếu các cụ ". Nghe tội chưa! Cảm động chưa ! Cái mà chú em tôi cảm thấy là tình cốt nhục gia đình, là liên hệ gia tộc, là tâm thức về giòng dõi, cùng loại với tình yêu dân tộc, chỉ khác nhau ở qui mô.

*
* *

Nhà sinh lý học hay nói đến *gène*, nhà sử học nói đến truyền thống, nhà nhân chủng học nói đến huyết thống, nhà triết học nói đến tâm thức dân tộc, nhà văn hoá nói đến dòng sinh mệnh, người bình dân nói đến tình yêu quê hương, tất cả đều là những mặt khác nhau của một cách thức sinh tồn, đều chỉ sự liên tục, tính chất quán tính của cách thức sinh tồn ấy. Bốn nghìn năm sinh mệnh Việt là gì ? Là bốn nghìn năm gian khổ đấu tranh. Là bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước:

Thần châu núi tím,
máu rơi đỏ;
Xương nát phù sa,
ngát Việt thường...

Lịch sử cổ sơ đã ghi tên Xuy Vưu ở Trác Lộc :

Tướng quân gục ngã,

đầy thương tích,
Nhưng hồn vẫn như mây bay cao.
Giáp bào đông máu,
hứng sương tuyết,
Đầu nêu ngọn sào,
nghe gió hay...

Sau vụ đổ vỡ ngày hôm qua, lịch sử lại ghi thêm tên biết bao nhiêu vị anh hùng :

Vận cùng,
tự sát về thiên cổ,
Danh tướng đâu cần giọt lệ thương.
Chiến bào thay quách,
vùi nông mộ,
Một nắm xương tàn tự ngát hương.

Thế rồi những người hôm trước còn là thư sinh nay cũng đang tiếp tục đi làm lịch sử :

Đất nước điêu linh,
ta nghe suối khóc,
Thương anh hào coi nhẹ vũ mao.

*
* *

Nhưng dân Việt ta chẳng phải chỉ biết múa gươm ,mà còn biết tung còn ,hát ví, thả lá, đề thơ.Có thể nói rằng chúng ta hát ví, thả lá đề thơ còn hay hơn múa gươm nữa. Suốt bốn nghìn năm, chúng ta ưa vun trồng đạo đức hơn là tạo uy vũ. Cho nên sau khi chiến thắng ngoại xâm, các vua Lý, Trần thích làm Chiến Đấu Phật hơn làm Vạn Thắng Vương :

Kiếm chỉ Hoá Giang
TRỜI, BIỂN LẶNG.
Thánh hoàng rũ áo
Khoác cà sa.
Ngân nga chuông tỉnh ba đời mộng.
Đất Phật,
sư già tỏ lối hoa.

Thời đại rực rỡ nhất của dòng sinh mệnh Việt chính là thời kỳ mà sau khi đã đổ máu xương để giữ nước , các chiến sĩ lại " lên non tìm Động Hoa Vàng ".Đẹp đẽ thay thời đại của những cánh chim bằng mất hút trong mây trắng, thời đại của những phụng hoàng thanh thản đỉnh non cao. Thực thế, buổi thiếu thời các vị ấy đã :

Một sáng đăng khoa, chàng bẻ quế,
Đan trì khoác áo tử-vi-lang...

để rồi thực vinh hạnh :

...cưỡi bạch câu,
qua ngõ Ô Y
Ngõ Ô Y hạnh nở trắng;

Dạo vườn Tây Uyển,
Tây Uyển trà mi rộ thúy vi.

cho đến khi sực nhớ lại tiền thân :

thủơ nao thơ thẩn trong sương tuyết
Thảng thốt xuống trần làm khách say.

lại chân đất, trèo lên Yên tử :

Cổng son, gác tía: trần sa nghiệp
Rũ áo bạch bào,
bọt sóng bay.

Chân dung của người xưa như thế đấy :thật hiển hách mà cũng thật khiêm cung.

*
* *

Tắm trong dòng sinh mệnh dân tộc, tôi thấy mình rất gần gũi với tổ tiên: máu các cụ đang chảy trong huyết quản của tôi.Cho nên người nay cũng là người xưa vậy.

Đừng trách các cụ lên non, quay lưng lại việc đời. Khi cởi áo hào hoa, các vị ấy đã phấn đấu trên một bình diện khác, bình diện tâm linh :

Ai bảo trời đất như sô cẩu ?
Đâu biết sương rơi giọt lệ hồng
Diệt trần, ai bảo :
thôi mưa bão ?
Mưa bão ba ngàn,
đẫm áo không ....

Vì từ buổi hoa niên người xưa đã mang tâm thức dấn thân :

Người dấn thân ,
như khoác nâu sồng,
thõng tay vào chợ.
Người vào chợ,
như xuôi ngược dòng đời,
Người vẫn gối gốc mai.....

Võ Ngã

Kiều Phong

Bôi bẩn dân tộc.

Một tác phẩm có tính cách "văn học sử" vĩ đại của Việt Nam cộng sản bây giờ là cuốn *Văn Học Giải Phóng Miền Nam* do văn công thâm niên Phạm Văn Sĩ thực hiện. Sách dày 460 trang, được in đi in lại nhiều lần để dân chúng học tập.

Chương bảy của cuốn sách, bắt đầu từ trang 125 dành để ca ngợi một tác phẩm được đặt tên là "Những lá thư từ tuyến đầu tổ quốc". Tác phẩm này được văn công ca ngợi và nêu những thành tích, nguyên văn như sau:

"Những lá thư của đồng bào miền Nam gửi cho chồng, vợ, con, bạn, đồng chí ở miền Bắc từ năm 1959 đến năm 1964 được chọn in thành hai tập "Từ tuyến đầu tổ quốc". Sự xuất hiện hai tập Từ tuyến đầu tổ quốc ở miền Bắc là một sự kiện nổi bật, có ý nghĩa lớn trong sinh hoạt chính trị và văn học ở miền Bắc trong năm 1963-1964.

Đoàn thanh niên lao động Việt Nam phát động học tập nội dung hai tập thư trong thanh niên. Viện Văn Học tổ chức hai buổi trao đổi về hai tập thư. Thủ đô Hà nội cũng như các tỉnh toàn miền Bắc dành cho hai tập thư này những buổi sinh hoạt sôi nổi, hào hứng. Dư luận chung nhiệt liệt hoan nghênh nhà xuất bản và các cơ quan có trách nhiệm đã có sáng kiến cho in những bức thư phản ảnh cái hiện thực nước sôi lửa bỏng của miền Nam vạch những tội ác cực kỳ man rợ của Mỹ và tay sai và nói lên tinh thần bất khuất kiên cường của nhân dân miền Nam (...) Đây là tư liệu về hiện thực miền Nam, những tư liệu vô cùng quí giá, sinh động hơn các bản báo cáo, phong phú hơn các bài báo. Mỗi bức thư nói lên một mặt, một khía cạnh của hiện thực miền Nam và nói lên một cách rõ ràng và cụ thể. Đối với anh em nước ngoài đã từng hiểu miền Nam trên những nét đại thể, thì những bức thư miền Nam sẽ cho họ biết cụ thể hơn, sinh động hơn về con người miền Nam..."

Tố Hữu ca ngợi tập sách đó như sau:

"Tập thư Từ tuyến đầu tổ quốc do nhà xuất bản Văn Học xuất bản có ý nghĩa rất lớn về phương diện giáo dục tư tưởng và tình cảm.

Đảng ta đánh giá rất cao tập thư này, và các nước anh em, đặc biệt là Trung quốc, cũng rất yêu quí nó, không những vì giá trị tư tưởng, chính trị mà cả vì Nghệ Thuật Cao Đẹp của nó. Đồng bào ta trong Nam, không có ý làm nghệ thuật trong thư, nhưng thực tế vĩ đại của Cách Mạng miền Nam, những ý nghĩ tình cảm cao đẹp của bà con đã được diễn ra bằng những hình tượng, những chữ lời có giá trị thẩm mỹ sâu sắc. Và đó là nghệ thuật lớn."

Như thế, cuốn sách không những được Đảng bắt nhân dân toàn quốc ca ngợi mà lại còn đem khoe ra nước ngoài, nơi được khoe đầu tiên là Trung Quốc. Phạm văn Sĩ cho biết các "đồng chí" Trung quốc cũng ca ngợi cuốn sách ấy:

"Trong một bài viết cho tuần báo Văn Nghệ, Phó Đạc Mã Dung hai đồng chí Trung Quốc tác giả vở kịch "Từ tuyến đầu tổ quốc" nói: "Tập Từ tuyến đầu tổ quốc, tập sách mang một nội dung thời đại to lớn, một tinh thần thời đại mãnh liệt, đã đem đến cho chúng tôi nguồn tài liệu cực kỳ phong phú". Và nói về thành công của vở kịch này ở Trung quốc, hai đồng chí qui sự thành công ấy cho những bức thư của đồng bào miền Nam ta: "Sở dĩ vở kịch được nhân dân nước chúng tôi ủng hộ, thành công chính là do nhân dân miền Nam Việt Nam đã sáng tạo nên bộ sử thi cách mạng kinh thiên động địa, xúc động cả quỉ thần..."

Chỉ cần đọc những lời ngợi ca xưng tụng ấy chúng ta đã thấy là Đảng cộng sản Việt Nam đang lấy làm đắc trí "tự hào" ghê gớm về cuốn sách kia. Họ hãnh diện và họ còn đem khoe với nước ngoài để bọn văn công các nước anh em tiếp tay ca tụng. Nó khiến cho một người Việt lưu lạc tò mò: sách gì mà ghê gớm mà các đồng chí bốc thơm nhắng nhít vậy, chắc nó phải vĩ đại lắm?

Để đáp ứng trí tò mò sự khao khát của những người không có hân hạnh đọc bản văn chương vĩ đại, "nghệ thuật cao đẹp", "có giá trị thẩm mỹ sâu sắc", thời đại to lớn kia, văn công Phạm văn Sĩ hồ hởi trích ra những đoạn văn chương trác tuyệt nhất của cuốn sách. Những đoạn văn được trích lại ở những trang 127, 128 và 129 như sau:

"Anh Tỵ ở Hiệp Hưng bị chúng đè ra mổ bụng cắt gan. Anh chạy hoảng, la thất thanh, máu ở ruột tuôn xối xả. Anh ngã ra chết giữa tiếng reo cười thú vật của bọn giặc (...). Một chị phụ nữ có thai gần ngày sanh chồng cự lại khi chúng hãm hiếp, chúng bắn chết chị ấy, Thai trong bụng ngột hơi đạp, chúng liền lấy chày vồ đập xuống bụng chị làm thai vọt ra, chúng đứng chống nạnh cười thích thú!" (Thư Bến Tre, trang 65, 66, tập 1). "Tôi có đến thôn T.D. trước đây ba năm, bọn Mỹ Diệm kéo quân về thôn này bắt tất cả đàn ông từ 17 tuổi trở lên, được 350 người. Sau khi đánh đập tàn nhẫn người thì bể đầu, người gãy chân tay, chúng đẩy cả đoàn người vô tội ấy xuống những hầm cạn trong một đám ruộng lầy. Chúng đem hai đôi trâu mắc vào hai cái bừa rồi bừa lên đầu đám người ấy. Máu loang ra lênh láng cả đám lầy. Những tiếng rú ghê hồn: Đến 12 giờ trưa không một thân người nào còn nguyên vẹn nữa, mà hai đôi trâu cũng chết. Đám ruộng lầy đã

thành một bể máu! Nhân vị của bọn Mỹ Diệm là thế đó" (Thư Quảng Nam, trang 111, tập II).

"Ở Điện Bàn, chị Th... có mang bảy tháng bị chúng tra tấn suốt mấy ngày; cuối cùng bị một cú đá giầy vào bụng, đứa con chưa đủ tháng bị phọt ra ngoài. Chị cầm cái thai vừa rú lên vừa chạy ra đường. Một loạt tiểu liên bắn theo chị ngã chết (trang 112, tập II). "Ở Thanh Bình, chị T. bị chúng cột chặt đầu ống quần lại, bỏ vào trong năm con rắn. Chị ngã ra chết ngất. Đến nay đêm đến là chị rùng mình, đang ngủ vùng dậy kêu la: "Nó nhiều quá... nhiều quá!..." (trang 112, tập II). "Bọn địch còn tạo ra một tục dã man kinh khủng: tục ăn thịt người. Ở một thôn trong huyện Tam Kỳ, bọn Biệt kích kéo đến càn quét, bắn giết tàn sát thả cửa, rồi chúng bắt hai người đem chặt ra từng khúc nhỏ bỏ vô chảo nấu ăn uống rượu! Chúng còn bắt đồng bào ăn nữa, nếu ai không ăn là còn thương Việt cộng" (Thư Quảng Nam, trang 112, tập II). Hơn nữa nhằm kích động thú tính của bọn tay sai ác ôn, chúng tạo cách chế biến xào nấu, biết cho lỗ tai người và bàn tay người là ngon nhất..."

Đó là những giòng văn được chính văn công Phạm Văn Sĩ trích dẫn lại để làm nổi bật tính cách "thẩm mỹ sâu sắc nghệ thuật cao đẹp của cuốn sách lạ lùng kia.

Chúng ta không ngạc nhiên về lời bịa đặt, ăn gian nói dối, "sáng tạo" những điều bẩn thỉu để bôi đen đối thủ, đó là nghề của cộng sản, là truyền thống tốt đẹp của Cách mạng xưa nay. Chúng ta chỉ ngạc nhiên đến độ xấu hổ.vì không thể ngờ rằng đã có những con người, cùng giống người Việt Nam với ta, lại có thể có một khả năng bịa đặt ấu trĩ, nhảm nhí, ngu dốt và tai hại đến thế. Và bọn cầm bút ở Hà nội, cái bọn ấy cũng mù quáng đến độ không còn biết né tránh những điều dại dột cho dân tộc nhờ.

Câu chuyện lấy hai bừa buộc hai đôi trâu để bừa lên đầu người chắc là do một văn công Hà nội sáng tác lấy cảm hứng và chất liệu từ những vụ đấu tố năm nào, nhưng sao lại phải nói là *"hai đôi trâu cũng chết luôn"*? Sợ chúng nó sống thì chúng nó sẽ tố cáo tội... nói phét của văn công à? Hay chúng nó chết vì chúng nó phải nghe câu chuyện thối quá, chịu không nổi mà tắt thở. Câu chuyện cái nhà chị bị bỏ năm con rắn vào trong quần mới thật là ngộ nghĩnh. Chuyện bảo rằng chị bị Mỹ Diệm bỏ năm con rắn vào trong quần mà sau đó chị không chết, chị đêm đêm về nằm mơ kêu *"nhiều quá"*. Vậy thì người đọc phải hiểu thế nào? Năm con rắn ấy là năm con rắn gì? Hay là trước khi bỏ rắn vào quần chị, bọn ác ôn đã cẩn thận bẻ răng từng con rắn một, lấy hết nọc độc của chúng đi? Hay cả năm con rắn ấy đều thuộc loại rắn bất lực, như rắn của cụ Hồ. Năm con rắn cụ Hồ vô hại ấy chui vào quần chúng của chị nhà quê, ngó ngoáy, uốn éo phất phơ, rúc lăng nhăng chút đỉnh vào hang Các Cớ, trườn vớ vẩn lên râu cụ Hồ rồi chơi vậy thôi chứ không có cắn được? Thế cho nên chị kia bị tới năm con rắn quẫy lộn lục đục trong quần đến nỗi chết ngất mà cả chị lẫn cụ Hồ vẫn an toàn không rụng một sợi râu Cách mạng nào? Cái thằng bịa điều

nhảm nhí ấy chắc sau đó cười gần chết khi thấy các đồng chí văn công của đỉnh cao trí tuệ loài người xúm xít bốc tác phẩm của hắn lên tận mây xanh, còn đem đi khoe đàn anh Trung quốc nữa. Dù là người cộng sản thì cũng nên rán tập suy nghĩ một chút chứ. Chế tạo chuyện mà sơ hở, ấu trĩ như thế thì văn công Tàu phù nó cười cho vỡ mặt.

Câu chuyện *"Chị T. cầm cái thai chạy ra đường..."* thì giá trị văn chương chắc vừa cỡ với chuyện Anh hùng Kiều Văn Niết bị thương *"tự mình rứt bỏ cánh tay nhiều lần."* Văn nô kể rằng chị T bị tra tấn nhiều ngày rất dã man. Nếu một người bị tra tấn dã man suốt một thời gian dài như thế mà còn đi lại được thì hoặc là... Kiều Văn Niết hoặc là cái bọn tra tấn hành nghề chẳng dã man chút nào. Chị T bị tra tấn nhiều ngày vẫn còn... chạy được, lại chạy sau khi bị đạp trúng bụng, cái thai phọt ra! *"Bị"* nặng cỡ đó mà còn cầm cái thai chạy, hoặc cất tiếng ca hát rổn rảng thì chúng ta chỉ thấy trên tuồng... cải lương! Chỉ có trong những tuồng cải lương hát bội người ta mới được quyền có... đông đảo sức khỏe đến thế, vừa hấp hối vừa hát ca, cho đủ bộ sáu câu.

Cái chi tiết "chạy ra đường" mới là siêu đẳng bịa đặt. Chuyện trước thì kể rằng chị T bị bắt, bị tra tấn, nghĩa là bị giam ở một phòng nào đó. Vậy thì làm sao mà chị lại có thể cầm cái thai vừa rú lên vừa *"chạy ra đường"*? Bộ cái phòng tra tấn chị nằm ngay bên lề đường và không có tường rào để chị, khi cần, chạy ngay ra đường cho nó tiện việc thêm chi tiết lâm li *"bắn một tràng tiểu liên"* hay sao? Chỉ trong năm ba hàng văn ngắn ngủi, người viết đã để lộ tất cả cái khả năng bịa đặt sơ đẳng đến độ khó tin của mình, chi tiết sau cứ chửi bố chi tiết trước đôm đốp. Chạy ra đường dễ thế sao không chạy sớm sớm một chút cho câu chuyện đỡ... thối! Và cũng nên thêm là ngay lúc chị T. cầm cái thai chạy thì bọn tra tấn chị trúng gió chết hết trơn để... không có đứa nào túm chị lại chứ?

Văn chương như thế mà là *"nghệ thuật cao đẹp"* *"có ý nghĩa rất lớn về phương diện giáo dục tư tưởng và tình cảm"*, *"mang nội dung thời đại to lớn"*, mà được Đảng trân trọng gửi sang Tàu khoe với đàn anh vĩ đại! Chao ôi!

Tôi đã đọc hết cuốn sách *"Văn học giải phóng miền Nam"* và tôi ngờ rằng Phạm văn Sĩ thấy được một số sự thật. Nhưng hắn không dám nói, chỉ kín đáo biểu lộ ở một vài trang khác. Trong trang 101 hắn viết:

"... Lại có những nét bút hơi thiên về ước lệ, cốt truyền cho được cái bản chất gian ác của kẻ thù..." *"Tuy nhiên, tìm hiểu kẻ thù và mô tả chúng cho được* chân thật *và sâu sắc là một việc lâu dài, khó khăn. Nhà văn chúng ta nói chung chưa có hoàn cảnh thuận lợi để hiểu kẻ thù thật sâu (...) vì vậy, phần lớn nhân vật phản diện trong tiểu thuyết miền Nam hoặc chưa đạt được trình độ tích cách văn học hoặc còn là những nét phác"*...

Hãy cứ lạc quan nghĩ rằng văn nô Phạm Văn Sĩ, dù mù quáng, cũng còn thấy được một chút nào cái giả tạo bịa đặt ấu trĩ thảm hại của bọn văn công khác. Hãy cứ lạc quan như thế để đủ can đảm nói

với tất cả bọn văn công bồi bút Việt Nam hiện nay về cái vụ bịa đặt rằng người miền Nam tạo ra tục "ăn thịt người", nói một cách nghiêm chỉnh.

*
* *

Tôi nói nghiêm chỉnh, tôi đòi hỏi các anh nghe một cách nghiêm chỉnh. Nếu các anh chỉ biểu lộ sự ấu trĩ, dốt nát, các anh chỉ gây nên những trò cười vô hại. Nhưng ở đây mức tai hại ghê gớm hơn nhiều, các anh đã bôi bẩn danh dự cả một dân tộc, bêu xấu những con người mang dòng máu Việt, bịa đặt một chuyện nhảm nhí để làm cả thế giới có thể hiểu lầm dân Việt Nam là một giống có thể ăn thịt người, lại còn man rợ hơn mọi ăn thịt người thứ thiệt bằng cách nâng cao nghệ thuật nấu nướng thịt người, ăn nhiều và nghiên cứu kỹ đến nỗi khám phá ra rằng tai và tay người... ăn ngon! Các anh đừng làm cho thế giới phải ói mửa khi nghe những câu chuyện như thế về giống nòi Việt Nam có lịch sử, có một nền văn minh. Cái tục ăn thịt người ở Phi Châu ngày nay thiết tưởng đã bị tiêu hủy. Hà cớ gì chính các anh lại muốn gắn lên đầu dân tộc ta những thành tích man rợ bịa đặt ấy để rêu rao? Bồi bút Phạm Văn Sĩ thú thực rằng *"nhà văn chúng ta nói chung chưa có hoàn cảnh thuận lợi để hiểu kẻ thù thật sâu... tìm hiểu kẻ thù và mô tả chúng cho được* chân thật *sâu sắc là một việc lâu dài, khó khăn"* v.v... Bây giờ các anh đã có dịp gần gũi, thấy rõ những con người Việt Nam mà các anh gọi là kẻ thù. Các anh đã có dịp so sánh bản chất hiền hòa của một anh dân vệ miền Nam với một cán bộ chính qui miền BẮc. Các anh đã thấy rằng cứ công bằng nghiêm chỉnh mà xét: giữa hai người lính của hai miền, muốn tìm ra một kẻ ít nhân tính, cuồng tín, cứng nhắc, dốt nát và độc ác, hận thù đến độ bệnh hoạn, tóm tắt, muốn tìm ra một con người giống con thú nhất giữa hai người ấy thì người ta sẽ dễ dàng chỉ vào tên cán binh của các anh. Đối xử với "kẻ thù" các anh đã từng lạnh lùng chôn sống hàng ngàn đồng bào ở Huế, còn ở miền Nam, ngoài những khắc nghiệt tối thiểu mà những cuộc chiến đấu đòi hỏi, người ta cũng đã từng cố gắng tỏ ra mã thượng. Mả bố của cụ Hồ là phần mộ cụ Nguyễn Sinh Sắc không bị bất cứ một lãnh tụ miền Nam nào bắt đào lên, ngôi nhà của Phạm Văn Đồng không một anh lính miền Nam nào đụng tới, người ta ghi rõ cả tọa độ của nó trong những tấm bản đồ pháo kích để tránh bắn lầm vô và bị coi là... hèn!

Nhưng tôi nhất định không muốn khuyên các anh tiêu hủy cái tập thư khôi hài *Từ tuyến đầu tổ quốc* với những bịa đặt ấu trĩ và lố bịch như bỏ năm con rắn vào quần phụ nữ, cầy bừa lên đầu mấy trăm người để nỗi bốn con trâu chết luôn! Hay người đàn bà bị tra tấn dã man nhiều ngày lại bỗng cầm cái thai chạy từ phòng tra tấn ra... đường. Tôi khuyến khích các anh dịch tập thư đó ra nhiều thứ tiếng đến những con người có suy nghĩ trên thế giới nhìn thấy những xảo quyệt sơ đẳng và không kém phần dơ dáy của các anh trong chiến tranh, xảo

quyệt, dơ bẩn và nhảm nhí ngay từ những năm đầu các anh nổ súng vào miền Nam. Tôi cũng mong các anh cứ in đi in lại tập sách ấy, bắt dân chúng học tập. Tôi muốn chính tác giả những bài viết ấy, nếu họ còn sống, được đọc lại nhiều lần sáng tác của họ. Lúc họ viết ra, chắc họ còn là những thanh thiếu niên ngây ngô, đã nhìn thấy tác phong của các anh trong chiến thắng, đã cay đắng nhìn ra nhiều sự thật cùng với tuổi trưởng thành, họ phải được thưởng thức tác phẩm của chính họ từ tầm nhìn của một con người khá hơn. Họ đã biết xấu hổ và nhục nhã.

Tôi chỉ yêu cầu các anh đừng bôi bẩn, bêu riếu giống người Việt Nam bằng cách gán cho người Việt cái tục lệ man rợ *"ăn thịt người"*. Trước mắt thế giới, ngoài những thành tích độc tài các anh đang tạo ra, chúng ta đã có một thành tích đáng xấu hổ: đó là cái vụ người Việt có thể chôn sống ngàn ngàn người Việt trong thành phố Huế. Thế giới, qua vụ ấy, đã có thể thấy giống giòng Việt là một giống khá dã man, có thể chôn sống người đồng chủng dễ dàng, thiết tưởng không cần phải tự gán cho dân tộc mình cái thói tục *"ăn thịt người, thích ăn tay, ăn tai"* để rước về cho dân tộc thêm những điều đáng kinh tởm, phỉ nhổ. Chuyện giống Việt Nam là giống có thể ăn thịt người đã được các anh lỡ phổ biến sang tới Tàu, thôi thì nước xã hội đàn anh này dân trí cũng chỉ cao hơn dân trí dân miền Bắc vài li, họ tin những chuyện đấy, không suy nghĩ, băn khoăn, họ gọi đólà *"tư tưởng lớn của thời đại"*... đã lỡ, thì bỏ qua, nhưng các anh phải ngừng lại ở đó. Các anh đang nắm quyền cai quản đất nước, các anh đang tàn phá đời sống hạnh phúc của người dân, thế là quá nhiều, các anh không cần phải đem thứ *"nghệ thuật cao đẹp"* quái gở đó ra để bôi bẩn tên tuổi giống nòi thêm nữa.

Tôi sẽ không thể đem danh dự đất nước hay lòng kính trọng tổ tiên ra để nói chuyện với các anh khi mà các anh đã chọn Các Mác, Lê nin làm tiên tổ. Tôi khuyên can vì chính quyền lợi của các anh.

Dù là văn công hay bồi bút thì các anh cũng có đủ kiến thức để hiểu rằng với tài làm kinh tế của Đảng hiện nay, chỉ ít ngày nữa rồi ông thủ tướng Phạm văn Đồng của các anh sẽ lại bị gậy lên đường, cứu gỡ cơn đói cho Đảng ta bằng cách công du cả ở những nước tư bản để lạy ông đi qua, van bà đi lại, thí cho Đảng chúng con đồng cơm bát cháo viện trợ v.v... Và khi ngài thủ tướng của quí anh phải thực thi nghĩa vụ bị gậy cao đẹp ấy thì chúng ta không thể không ái ngại cho cái dung nhan không mấy đẹp đẽ của ông ta, v.v...

Các anh hãy tưởng tượng rằng nếu các anh phổ biến cái tục lệ ăn thịt người của dân Việt đi khắp thế giới. Rồi có những nhà báo Tây Phương đọc được những dòng ấy, họ sẽ đến dự cuộc họp báo của thủ tướng Đồng với ý nghĩ "Chà! Mình sắp gặp thằng cha thủ tướng của một cái nước có những thằng thích thú chôn sống đồng bào, có những thằng ở thế kỷ hai mươi này còn chặt người ra từng khúc, nấu nướng ăn nhậu và nghiên cứu ra cách ăn thịt người cho... ngon đây. Xem mặt mũi thằng thủ tướng của cái dân tộc man rợ, mọi rợ đó ra sao" . Với

dự mưu đen tối ấy, họ đến họp báo và họ nhìn thấy cặp môi đáng kinh hoàng của ông Đồng. Chao ôi! Tai hại biết chừng nào! Trông mặt mà bắt hình dong! Hình dong ấy khiến cho cái chuyện bịa đặt ăn thịt người có thể bị coi là có thật.

Các anh không có quyền làm khó khăn thêm cho chính ông thủ tướng của các anh. Đất nước tan hoang, nghèo đói như ngày nay là do những con người như thủ tướng Phạm văn Đồng thật đấy. Nhưng nhất định ông ta không có lỗi gì khi được bố mẹ cho ra đời với dung nhan, với bộ mặt quá giống bộ mặt của một thằng mọi chuyên ăn thịt người.

Kiều Phong

Phạm Cao Dương

Hai tài liệu mới về Tôn Thọ Tường.

Cùng với Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị..., Tôn Thọ Tường được coi như những khuôn mặt sáng của văn học miền Nam cuối thế kỷ XIX. Người ta được biết nhiều tới ông xuyên qua những bài thơ xướng họa ông trao đổi với Phan Văn Trị như *Tôn Phu Nhân qui Thục, Từ Thứ qui Tào, Tịt thuật*.... bên cạnh thái độ hợp tác với người Pháp khi họ mới chiếm Nam Kỳ vào năm 1862 của ông, khác với thái độ bất hợp tác hay ngầm chống đối của Phan Văn Trị và Nguyễn Đình Chiểu. Thái độ này đã bị người đương thời và sau này lên án nặng nề. Thơ văn của ông do đó đã được dùng để biện minh cho mình hoặc ký thác tâm sự u uất của mình. Những biện minh hay ký thác thường bị coi là chỉ có giá trị văn học và Tôn Thọ Tường đã bị xếp vào thành phần xu thời không hơn không kém. Những người cố gắng bênh vực ông luôn luôn ở vào thế yếu. Chính ông cũng biết điều đó khi ông thổ lộ tâm sự u uất này trong bốn câu thơ cuối của bài *Thân thế nàng Kiều:*

Chữ hiếu ít nhiều, trời đất biết
Gánh tình nặng nhẹ, chị em chung.
Tấm lòng thiên cổ, thương mà trách;
Chẳng trách chi Kiều, trách Hóa công.

Vấn đề được đặt ra là trong tận cùng của lòng ông, Tôn thọ Tường là một con người như thế nào? Có những tài liệu gì ngoài các tác phẩm văn học của ông có thể giúp ta hiểu điều đó? Tôn Thọ Tường có phải là một kẻ hèn nhát, tham lam, ích kỷ và vô liêm sỉ hay không? Các nhà nghiên cứu lịch sử và văn học Việt Nam trong tương lai sẽ phải làm công việc này. Ở đây tôi chỉ đưa ra hai tài liệu mới về ông do tôi tình cờ tìm được trong tập hồ sơ về các nhân vật miền Nam bị người Pháp kết án vì đã hoạt động chống lại họ trong khoảng thời gian từ năm 1863 đến năm 1878. Hồ sơ này mang số hiệu *SL1840* và mang nhan đề là *"Dossiers individuels des condamnés politiques, 1863-1878" (Hồ sơ cá nhân của các chánh trị phạm, 1863-1878),* hồi trước năm 1975 được tàng trữ tại Văn Khố Quốc Gia Sàigòn.

Tài liệu thứ nhất là một lá đơn của một phụ nữ miền Nam đương thời, bà Cù Thị Quít, vợ một nhà nho theo Thiên Hộ Võ Duy Dương kháng chiến chống Pháp tên là *Trần Văn Trà*, tục gọi là *Phủ Trà* và được Thiên Hộ Dương cấp cho bằng cấp phong làm tuyên phủ sứ từ năm Bính Dần (1866) và ra đầu thú vào năm Kỷ Tị (1869), xin ân xá

cho chồng.

Tài liệu thứ hai là thư của Tôn Thọ Tường, ký tên là Ba Tường, gửi cho viên giám đốc nội vụ (directeur de l'intérieur) của Soái Phủ Nam Kỳ, đương thời gọi là Lại Bộ Thượng Thư, xin bảo lãnh cho bạn học cũ của mình là Phủ Trà.

Sau đây là bản sao hai tài liệu kể trên do tôi chép tại Văn Khố Quốc Gia Sàigòn. Người đọc cần chú ý tới hai câu cuối của cả hai tài liệu này. Chúng nói lên tất cả sự tận tình và lòng chung thủy đối với bạn của Tôn Thọ Tường vào một hoàn cảnh vô cùng đặc biệt mà tôi không nghĩ là ai cũng có thể tận tình và chung thủy được. Tưởng cũng nên biết rằng ngoài hai tài liệu này, ở Văn Khố Quốc Gia Sàigòn còn có một hồ sơ riêng về Tôn Thọ Tường. Rất tiếc là hồ sơ này đã bị ghi là thất lạc. Sự thất lạc này khiến tôi vừa tiếc, vừa buồn. Tiếc là vì ta đã mất một tài liệu vừa lịch sử, vừa văn học vô cùng quí giá của nước nhà, mất một cách vĩnh viễn không bao giờ thấy lại được, nhất là trong hoàn cảnh hiện tại; buồn là vì sự ích kỷ, tham lam và vô ý thức của người mình. Một sự ích kỷ, tham lam và vô ý thức mà những ai có dịp tới đọc sách ở các thư viện bên nhà cũng như ở một vài thư viện ở ngoại quốc thường thấy.

Đơn của Bà Cù Thị Quít xin ân xá cho chồng là Trần Văn Trà

Tân An Phủ Thanh hội hạ tổng Gia Thạnh thôn Bẩm,

Lạy quan lớn xin xuống phước cho chồng tôi là Trần Văn Trà nhờ, nguyên chồng tôi là tú tài, năm Bính Dần thì Bùi Quan Diệu và Võ Duy Dương ép biểu chồng tôi mà phong bằng cấp cho chồng tôi là Tuyên phủ sứ, qua năm kỷ Tị, tháng Giêng thì chồng tôi đem súng và bằng cấp và ấn truyện hết thảy ra mà thú thì quan tham biện cứu xét việc trước chồng tôi có tội, nên không cho thú kẻ tháng hai án xử đày chung thân nhưng mà chồng tôi là học trò làm Việt văn còn việc đả phá chém giết thì tại Tổng binh Thành, Tổng binh Niên làm song chồng tôi đồng một chi một đạo nên mặt sự liên can, mà mấy người đấy đã bị xử tử rồi còn chồng tôi ra thú tội đặng về làm ăn ai ngờ bị án đày thiệt hoan cho chồng tôi lắm, trăm lạy quan lớn xin thẩm xét xuống phước chạy giấy lên quan lớn xin tha chồng tôi về như sau chồng tôi có làm sự gì quấy thì vợ chồng tôi và người biết nhận chịu tội.

Nay bẩm,

Cù Thị Quít điểm chỉ.

Thư của Tôn Thọ Tường xin tha cho bạn là Trần Văn Trà tức Phủ Trà:

Quan lớn Lại bộ thượng thơ đặng hay nay có vợ tên Trần Văn Trà là Cù Thị Quít tới khóc lóc năng nỉ nói với tôi rằng chồng nó khi trước ra thú mà quan Tham biện Tân An làm án đày chung thân bây giờ chồng nó già yếu mà quan Soạn đày ra Côn Nôn thì lẽ nào cũng phải chết mà chớ nên nó xin tôi giúp lãnh cho chồng ở lại đây.

Bởi vì chồng nó thuở xưa còn đi học đi thi thì cũng là bạn hữu với tôi lại tôi biết tên Trà ấy là người biết chữ nghĩa thông sự lý lại trong anh em bạn hữu có nhiều người tử tế làng xã cũng có nhiều người thương nó thuở nay chẳng hề đi ăn cướp của ai bao giờ có một điều đã ra thân làm nghịch thì sao cho khỏi sự phạm tội song khi đã biết xét mà đem mình ra chịu tội thì cũng nên thương.

Vậy tôi dám xin quan lớn hãy cho tên Trà nhờ phước đức quan lớn mà để cho nó ở lại Sàigòn hoặc là có thể thẩm lại mà tha cho nó được như sau có làm sự gì quấy quá nữa thì tôi xin chịu tội chung với nó.

Nay bẩm,
Ba Tường

Chú thích: *Đơn và thư không đề tên. Lá thứ nhất có lẽ được gửi cho Tham biện Tân An, Santé, và được viên này chuyển về Nha Nội Vụ ở Sàigòn với ý kiến thuận, nhưng đã bị viên chủ sự phòng 3 trong phiếu trình đề ngày 29-4-1878 gửi lên viên Giám đốc bác, lấy cớ những tin tức liên quan đến đương sự không thuận lợi và trước đó đương sự chỉ ra đầu thú khi bị săn đuổi và không kiếm ra chỗ dung thân. Phiếu này cũng cho biết đây là đơn thứ mười của đương sự. Chín lá trước đó đều bị bác hay không được trả lời.* □

Phạm Cao Dương

Chu Vương Miện

Góc Yên Đổ cuối 67

Ngời lại ngã ba ăn thịt chó
chó già nhai mãi nuốt không trôi
giáo đường thưa thớt dăm tín hữu
mà bóng chiều hôm đã xế rồi.

Người kể lại đời trai thời loạn
bỏ nhà, bỏ vợ sống yêng hùng
10 năm bán rượu vùng biên địa
đưa khách tài hoa sang bến sông.

Người góp tâm can vào vận nước
lớp lớp ra đi lớp lớp về
người đi theo cả bầu tâm huyết
kẻ về tóc bạc trắng lê thê.

Anh em ngày cũ - người lãnh tụ
chiếu nọ ghế kia thứ lớp ngời
người làm lão quán đường Yên Đổ
bán cầy tơ - rượu đế - nhậu chơi!

Một thuở sang Tàu bao khí phách
thù ngoài chưa hết lại thù trong
cũng cam đứng mũi Chiêu Anh quán
gió núi mà sao vẫn ấm lòng.

Đợt trước đợt sau đành thất bại
kẻ về Đà Lạt tầm dã lan
chiều chiều thổi sáo bên bờ thác
mà nhớ Yên kinh đến võ vàng.

Ta lại cam tâm đi bán rượu
bây giờ ta dựng quán cho ta
dăm con chó chết - đời ta sống
nhìn lại sau lưng mắt nhạt nhòa.

Ta mới 30 càng yêu đất
đất lại chia đôi đến bẽ bàng
sóng trước đã nhòa theo mặt cát
sóng sau ào ạt chồm cao hơn.

Ta đã đi và ta đã thấy
cha anh để lại một nỗi niềm
ta đã cố quên mà chưa được
tấm lòng mỗi lúc héo hon thêm.

Lâu lâu ta ghé quán thịt cầy
nghe chuyện Cao Bằng - chuyện đánh Tây
năm xưa đốt lửa rừng sâu hát
thương dân nên bỏ lại luống cày.

Người già còn lại làn tóc bạc
Ta tuổi trưởng thành tóc hóa mây.

Chu Vương Miện

Thủ bút của thi sĩ Hồ Dzếnh

Sáng nay mùa Thu

Thân mến gửi Phương Hương

Trời không nắng cũng không mưa
Chỉ hiu hiu gió cho vừa nhớ nhung
Em còn nhớ đến quê không
Bãi dâu vẫn đợi, con sông vẫn chờ
Bâng khuâng câu chuyện tình cờ
Không mong nên hẹn, không ngờ thành thân
Rất xa bỗng hóa rất gần
Dù chưa gặp mặt một lần, lạ chưa!
Sáng nay Hà nội giao mùa
Hồ thu. Tóc liễu. Tháp Rùa lung linh
Nước non đây nghĩa. đây tình
Đọc thơ, em sẽ thấy mình trong. Thơ

Hồ Dzếnh

Nguyễn Bá Trạc

Thung lũng nở hoa Quince

1

San Jose 1985.

Khi ngắm nhìn ra đường phố, cây cối, nhà cửa để nhắc nhở mình về cái thời gian và không gian này đây, ông X. ghi nhận: *Mùa xuân đã trở về từ cuối tháng hai. Những mầm lá đâm vội lên khắp thung lũng, trên những cành hoa quince đỏ rực rỡ.*

Hình như cũng có thứ hoa quince màu trắng.

Điều ấy ông X. không đoan quyết nhưng bây giờ ít nhất sau 10 năm ở Mỹ, ông bắt đầu biết cái loài hoa tựa tựa như hoa mai, hoa đào nở vào mùa xuân. Tên nó là hoa *quince*.

Hoa quince nở.

Những tiếng khánh thủy tinh bay trong gió kêu leng keng.

Mỗi khi ông X. ngưng suy nghĩ bước ra khỏi cái thế giới chìm đắm bên trong và ngắm nhìn mọi thứ bên ngoài: *những mảng nắng đã trở về, cành hoa quince nở rực rỡ* thì ông cũng ý thức được là thỉnh thoảng ông vẫn quan sát cuộc đời và quan sát mình như người này quan sát người kia trong lúc người ấy quan sát một người khác.

Tách rời khỏi mình, nhìn mọi người hững hờ hoặc cuồng nhiệt quay vòng vòng một cách vô thức theo cái *hình tròn ốc* của đời sống (của vũ trụ, của con đường sữa) cùng với tất cả những gì thế giới cứ ràng buộc chằng chịt lên nhau, ông thấy: Không có gì *thực* là hoàn hảo. Những nghịch lý lẫn vào những giấc mơ. Những cơn cháy bùng lên rồi tắt rụi. Mọi người ai nấy tìm cách khỏa lấp hổng hụt của mình một cách vụng về rồi lại chìm đắm vào cơn mơ vì người ta thích kết luận đơn giản hơn là chấp nhận suy nghĩ phức tạp hoặc giả là, dám tin hẳn vào trực cảm.

Những lúc như vậy: Mặt trời, ánh nắng, hoa lá và ngay cả những con chim mockingbird kêu rộn trong bầu trời trong vắt cũng không làm thay đổi gì các cảm xúc tiêu cực bên trong.

Lúc ấy người ta khó ghi nhận những thẩm mỹ tươi sáng.

Người ta chụp bắt nhanh hơn cái u ám hoặc hằn học của một gã say sưa đau khổ, một thực khách uể oải nuốt từng sợi phở trong góc quán, những nụ cười sầu thảm, những bộ mặt giả hình, những tham vọng che dấu, những khao khát hèn kém mù mờ.

Và dù người ta có muốn từ chối cũng không tránh được cái vòng quay theo đường trôn ốc. Cái vòng này tỏa ra cực kỳ rộng lớn từ một điểm sâu hút, nơi mà một ngày kia mỗi linh hồn sẽ trở về trong khi tất

cả những tinh cầu, những ngôi sao, mặt trăng, mặt trời, những thuộc tinh của mặt trời cứ tiếp tục xoay mãi đến vô cùng.

Đêm hôm nay trời sáng trăng.

Họ ngồi trong khu vườn nói chuyện lẫn với tiếng côn trùng.

Ông X. bỗn chỗn nói với bà bạn về cái vòng trôn ốc:

— Bạn tôi, một họa sĩ - ông X. nói - sau 10 ngày vượt thoát khỏi Việt Nam, trôi nổi lênh đênh trên mặt biển với bão tố, đói khát và tuyệt vọng. Mở mắt ra nhìn thấy một hòn đảo ở Nam Dương vừa lúc sức lực đã cùng kiệt. Ông ta: như một tờ giấy thấm, ào một cái, ghi nhận tất cả những mảng mầu. Những người đàn bà Nam Dương mặc sirông vàng tím đi lại trên những mảng đất màu nâu non. Những lá cây màu xanh chàm. Ông ta bảo những mảng màu ấy trong phút chốc đã tràn ngập tất cả phần còn lại của tâm hồn ông cho nên *bây giờ đến Mỹ* tấm giấy thấm không còn chỗ nào để ghi nhận gì thêm nữa.

Ông X. mô tả:

— Bạn tôi cười đấy rồi khóc đấy. Giữa cái cười và cơn khóc không còn một lẫn ranh nào. Cái tấm giấy thấm đã từng in vào bao nhiêu đau thương: Khói lửa, tù đày, chia cách, bão tố - *chợt một cái* - đời sống lại hiện ra với những mảng màu tươi rói trên hòn đảo kia.

Thưa bà, làm sao ông ta còn có thể tiếp tục vẽ với những quy ước thẩm mỹ thông thường?

Tất cả những xáo trộn này? Những đột xuất?

Tâm hồn ông ta, tâm hồn của một người nghệ sĩ mẫn nhuệ?

Ông ta cười và khóc vì chia cách và mất mát thôi ư?

Tôi e đây chỉ là kết luận đơn giản, không phải là sự đơn giản chất phác sâu sắc. Nhưng là cái đơn giản của trực giác cùn nhụt thiếu tinh tế nhậy cảm.

Thưa bà, bạn tôi là một nghệ sĩ lớn hơn tất cả chúng ta vì linh hồn ông ý thức được rất sắc bén cái đường di động của cuộc đời và của mọi tinh cầu chung quanh ông.

Thưa bà, linh hồn ông sâu thẳm quay tròn theo cái vòng trôn ốc mà chỉ một người mẫn nhuệ như ông mới cảm thấy *với đầy đủ ý thức*, còn chúng ta đây thì *không*.

Đêm hôm nay có phải là chúng ta đã nói chuyện phiếm với nhau về cái giới hạn của lý trí? Cái sai lệch của lý luận như Achille chạy đua với con rùa? Thưa bà, về phần tôi, tôi chỉ dám nói:

Kìa, hôm nay là ngày trăng tròn. Tôi không đòi hỏi gì. Tôi không nóng quá. Tôi không lạnh quá. Đêm nay, chính vào giây phút này đây mọi sự rất bình thường.

Khi ông X. dứt lời, bà bạn cười. Cả hai cùng chỉ tay vào mặt nhau mà nói:

— Hãy nhớ lấy.

2

(Thơ của ông Nguyễn Văn X.)

THÁNG TƯ

(1)

Bước đi trong đêm dài
đường thơm mùi dạ lý
chẳng biết buồn hay vui.

Không gian đầy hoa trắng
thu mình dưới lá xanh
lá xanh và hoa trắng
bóng đêm và ánh trăng.

Bước đi trong đêm dài
đường thơm mùi dạ lý
biết thèm ngụm nước trong
biết thôi đừng suy nghĩ

Bốn phương trời im vắng
hai bên bờ lá xanh
biết lòng còn lẫn lộn
bóng đêm và ánh trăng.

Bước đi trong đêm dài
màn sương mờ bụi đất
biết lòng mình mệt nhoài
biết không tìm cũng gặp
thời gian và tương lai.

(2)

Bây giờ đầu mùa xuân
thung lũng nở hoa quince
người đàn bà áo trắng
lướt qua như thủy tinh.
Dưới những gốc cây sồi
một người già nằm xuống
những bài thơ sống lại
một đứa trẻ ra đời.
Giấc mơ và tiếng nói
bóng đêm và ánh trăng
trong những hòa âm mới
giữa những người và người.

Bây giờ đầu mùa xuân
thung lũng nở hoa quince
bước về từ dĩ vãng
những mối tình thức dậy
lướt qua như thủy tinh.
Bây giờ là mùa xuân
không gian đầy hoa trắng...

3

Anh Y,

Nhiều lần tôi tưởng tượng ra một đêm, như nhiều đêm cô quạnh chúng ta tìm đến nhau nói tiếng Việt, lái xe đi uống cà phê và tôi sẽ chủ động cuộc đối thoại để nói thêm về câu chuyện những cái lỗ tai.

Việt Nam 1945.

Hai triệu người chết đói. Người Pháp, người Nhật tranh nhau chiếm đóng xứ sở này và lúa được nhổ đi để thay thế bằng đay, gai. Gạo trong Nam không được phép chở ra miền Bắc. Xác người nằm la liệt khắp nơi trên đường phố Hà Nội. Người ta thuê nhà thầu dùng xe bò đi lượm xác, chở về tòa thị chính đếm và lãnh tiền rồi mang đi chôn.

Các người thầu gian lận bằng cách đếmxác hai lần. Họ chở xác đi một vòng phố rồi quay trở lại đếm để lãnh tiền thêm lần nữa.

Người ta giải quyết sự gian lận này bằng cách đánh dấu những xác chết: *Xác nào đếm rồi thì cắt cái lỗ tai.*

Anh Y,

Xin lỗi anh về cái tính mỉa mai trêu ghẹo. Tôi không có ý bất kính đối với những xác chết đau thương. Nhưng nhiều đêm tôi cứ trằn trọc hoài khi nghĩ đến đời sống như là một hành trình liên tục của con người phản ứng chống chọi với cái dục. Cái dục của cá nhân, cái dục của tổ chức, của xã hội. Dục tình. Dục chiếm hữu đất đai của cải quyền lực danh vọng. Cuộc chống chỏi ấy đưa đến những quy ước luân lý, sắp xếp xã hội, luật pháp, các chế độ chính trị. Và tôi thấy hình như ai cũng cố vươn lên để đạt thẩm mỹ, chống chọi với cái dục, đạt tới hòa bình, ấm no và công chính. Mọi hình thái luân lý, luật pháp, chính trị và nhất là tôn giáo và triết học đều cùng có cái cố gắng chung như vậy. Cái đinh của những sự chung chung ấy có thể được đi bằng nhiều lối khác nhau chăng? Nhưng kết quả của hành trình ấy cho đến nay là gì?

Là vòng tròn mâu thuẫn, là xác chết, là những cái lỗ tai cắt rời chăng?

Là những cuộc thánh chiến và những chủ nghĩa anh hùng quá độ chăng?

Vậy thì tiết, giới hay là phóng?

Tư bản hay cộng sản? Phật giáo? Hồi giáo? Do Thái giáo? Thiên Chúa giáo hay Tin Lành?

Chúng ta tối tăm mặt mũi với tất cả những nghịch lý vì những con người yêu thẩm mỹ và công chính cùng quay trở lại cào xé chống nhau chống lại *con người*.

Tất nhiên anh bảo suy nghĩ như thế tầm thường lắm. Ai cũng biết như vậy cả.

Thưa anh, tôi Nguyễn Văn X, chọn lựa một cái gì giữa sự đơn giản thái quá (tên là ngu ngốc) và sự sâu sắc thái quá (tên là mông lung và quỷ quyệt).

Tôi, Nguyễn Văn X. đi giữa sự nghiêm trang khô cứng và sự đùa cợt thô bỉ.

Tôi ngắm nhìn thẩm mỹ giữa các ánh sáng rực rỡ và bóng đêm tối tăm.

Tôi muốn bay ra theo thời gian vĩnh cửu để nhìn đời sống một cách tổng quát và toàn diện hơn, nhưng tôi vẫn vướng mắc vào các vấn đề có tính cách chi tiết và ngắn ngủi của hiện tại như cơm áo, chiến tranh, ý nghĩ về những sợi phở, bọn khả ố, những cái lỗ tai xám ngoét.

Thú thực với anh, đúng thế, nửa đêm tôi thường thức dậy soi gương. Có hôm tôi đeo *cái dao găm* vào thắt lưng để nhìn xem mình có phải thực là một chiến sĩ hay không? Tôi thè lưỡi méo mồm xem mình có phải là một thằng hề?

Tôi thử tất cả những bộ dạng khác nhau để tìm kiếm mình, cái con người sinh ra ở phía bên kia tinh cầu với những đoạn thời gian ấuthơ màu trắng, màu xanh, rồi bay đi vùi dập trong màu tím thẫm, màu đỏ, màu nâu đất, màu xám, màu đen đục. Vì chỉ có lúc ấy, con người mới nói chuyện được và củ soát được một cách thành thực chứ còn *văn chương*, xin lỗi anh!

Ý tưởng thì đơn thuần mà tiếng nói cùng chữ viết, cái biểu tượng quy ước của truyền thông rất hàm hồ. Cũng những chữ viết đẹp để có khi chỉ phản ảnh bụng dạ lừa đảo thối tha, thế văn chương cũng vậy: Nó mỏng manh và tương đối.

Người viết là một gã lắm chuyện. Những câu chuyện dài giòng và càng dài giòng hơn với lý luận (Không bao giờ người ta có thể di chuyển từ điểm A đến điểm B vì luôn luôn còn phải vượt qua cái điểm giữa của nửa chặng đường còn lại). Tương đối, tôi nói *tương đối* thôi, những bài thơ gần gũi hơn với cái sự thực của người kể chuyện. Vì nó chuyên chở cảm xúc. Vì nếu nó dối trá thì nó cũng dối trá một cách thành thực trong các cảm xúc tràn đầy kéo đến lừa bịp tâm hồn.

Anh Y,

Bây giờ là mùa xuân mà sao tôi cứ nghĩ mãi đến những đêm mùa hè *trắng xanh*.

Mùa hè ở đâu? Ở quê ta, ở Việt Nam? Còn bây giờ là lúc nào? 1945, hai triệu người chết đói? 1955, sau khi Việt Nam vừa chia cắt làm đôi? 1965, lúc chúng ta rời đại học và bắt đầu lăn lộn vào màu bụi đất, màu xám, hoặc những bãi chiến trường? 1975, lúc chúng ta mấy trăm ngàn người Việt bay tung ra khỏi đất nước vùi mình vào đại dương, trôi nổi khắp năm châu?

Không, thưa anh bây giờ là tháng tư. San Jose 1985.

Đúng ba ngày sau hôm ông K. mất thì tôi vừa có thêm một đứa con gái.

Tôi đặt tên nó là Mê Linh Mélinda.

Mê Linh, làng Hạ Lôi, đất của Trưng Trắc Trưng Nhị, của những người đàn bà Việt Nam *anh hùng* phất cờ chống ngoại xâm.

Mélinda, tên của mẹ nó, giòng giống Bắc Âu. Xứ của băng tuyết và những tháng ngày *lạnh lẽo*.

Khi nhìn mẹ nó đau đẻ: mồ hôi toát ra, run rẩy từng chập, tôi chìm vào dĩ vãng và cũng cảm thấy mình xoay đi theo cái vòng trôn ốc. Tôi cảm thấy tất cả chúng ta nằm trong bàn tay thiên nhiên và suốt một tuần nay tâm hồn tôi *trắng xanh*.

Tôi đứng nhìn người đàn bà, người mẹ, rung lên như một cành lá từ buổi chiều, suốt một đêm *trắng* với bộ mặt *xanh nhợt*. Đứa nhỏ bị nhau quấn vào cổ, nhịp tim có lúc muốn tắt và đập rất thấp trong bụng mẹ, không ra lọt ngưỡng cửa cuộc đời.

Cái máy đo tim cho đứa bé đặt áp trên bụng mẹ tic-tac-tic-tac suốt đêm: 99, 100, 150, 151, 80, 50, 40. Cơn đau kéo dài cho đến hôm sau không suy suyển.

Khi trời mờ sáng, tôi nhìn ra từ từng lầu năm của nhà thương thấy mặt trời hiện dần lên trên đồi núi xanh thẳm dưới đôi cánh dang rộng của các thần linh. *Và đây chính là núi đồi châu Mỹ.*

Tám giờ sáng, các bác sĩ quyết định mổ. Chừng 30% trẻ con ở đây ra đời như thế. Đứa bé được kéo ra khỏi bụng mẹ qua đường dao cắt. Nó cũng *xanh nhợt*, mặt mày nhăn nhúm, lo lắng, bất an.

Thưa anh, dù là một đứa bé mới đẻ, chúng cũng có thể nói và nghe. Nó nói bằng tiếng khóc và đôi mắt. Nó nghe bằng sự cọ xát của bàn tay và làn da. Tôi đặt bàn tay lên đầu nó, nói với một tấm lòng yêu lặng:

— Đây, hãy bước ra và đi. Đi giữa tất cả các anh chị em để đương đầu với đau khổ và biết nắm giữ lấy hạnh phúc.

Lúc ấy đứa bé quẫy lên.

Tất nhiên tôi còn nói một vài điều nữa. Nhưng điều này tôi xin phép khỏi phải mô tả để tránh những xuyên tạc hẹp hòi.

Sau khi ra khỏi nhà thương, tôi ghé đến thăm ông K. nằm ở nhà xác trong một cái quan tài đầy hoa. Ông nhắm mắt yên nghỉ giữa những đoá hoa châu Mỹ, không biết chừng có cả hoa quince. Ông có năm người con trai. Người đầu tiên, sĩ quan quân đội VNCH thất lạc từ 1975 khi cộng sản chiếm trọn miền Nam Việt Nam. Người thứ ba chết trong trại cải tạo cộng sản. Bây giờ ở châu Mỹ, ông nằm nhắmmắt với khuôn mặt yên nghỉ bên những người bạn và những người học trò cũ đến thắp hương và nghiêng mình.

Anh Y, tâm hồn tôi lại đầy những màu trắng và màu xnah, những hương thơm của hoa dạ lý trong một đêm hè ở quê cũ. Tôi lẫn lộn thời gian với không gian cùng với mùi thơm của tất cả các loài hoa ở bên này bên kia trái đất. Đôi khi một cách hững hờ, tôi cũng bắt gặp cả

những cảm giác mỏng manh như những mối tình màu trắng, dễ vỡ như thủy tinh.

Đêm về tôi nằm chìm đắm với một bài thơ lẫn lộn màu trắng màu xanh, những thị kiến về đường đời, những mối tình, những đóa hoa, những cảm xúc cổ điển của thi ca lãng mạn, những dằng xé của tất cả cuộc đời và của vũ trụ xoay theo hình trôn ốc. Một đường xoay đến tận vô cùng.

Một đường xoay chuyển dịch trên bầu trời như những ngôi sao mà anh có thể nhìn thấy vào ban đêm trên một cánh đồng, trong một khu rừng.

Một đường xoay trên các đám mây trôi đi từ thuở ấu thơ, trong những ngày anh đi bộ trên một con đường đất, hai bên là lúa vàng và những đàn chim mía trở về kêu ríu rít.

Nửa đêm, tôi khát nước kinh khủng.

Ở vùng này, nước đang bị nhiễm độc vì chất hóa học từ các nhà máy điện tử thấm ra. Chúng tôi phải mua nước uống bán ở các siêu thị.

Nước này rất trong, rất tinh sạch vì nó là nước cất.

(Ký tên: Bạn anh, Nguyễn Văn X.)

San José, ngày 5/4/1985

NGUYỄN BÁ TRẠC

Thái Tú Hạp

Phương xa

Cũng màu hoa đào thắm
hồn ẩn dật phương nao
đầu xuân hái lộc biếc
lòng ta buồn ngẩn ngơ.

Vườn xưa đào có thắm
em vào cõi huyễn mơ
ta bên trời nghi hoặc
dấu đời sầu trong thơ.

Tha hương đầu núi tuyết
cuối mây hoa đào rơi
tri âm như cánh hạc
vút qua ngàn biển khơi.

Về thiếu thất

Người xưa lên thiếu thất
diện bích chín năm ròng
ta mười năm diện tâm
kể từ khi xa nước.

Lời ru nào của mẹ
tiếng hát nào của em
rã rời trong vực thẳm
giữa mùa xuân lặng câm.

Đời có gì vọng tưởng
khi ta chẳng còn ta
loài rong trên bãi khuất
giòng sông cuồn cuộn qua.

Bây giờ ngôn ngữ chết
ta không còn tri âm
mai có về thiếu thất
người xưa sầu... biệt tâm.

Phạm Quốc Bảo

Đường Về Gian Nan

Truyện ngắn

"Thả phục qui khứ lai
Kiếm ca hành lộ nan"
(Cổ Phong của Lý Bạch)
"... Thôi ta về quách cho xong
Vỗ gươm mà hát rằng đường gian nan"

— Mời đồng chí.

Tôi từ tốn tiến lên và ngồi xuống, tiện tay cẩn thận vén vạt váy thu vào giữa đôi chân cho gọn ghẽ rồi mới ngửng lên.

Tên bí thư công an quận, đôi mắt hắn có lẽ từ lúc tôi bước vào phòng giấy này đến giờ vẫn đăm đăm chú mục theo dõi từng cử chỉ của tôi. Tay phải hắn giơ lên chỉ chiếc ghế cho tôi rồi để rơi lại xuống mặt bàn, chặn trên tập hồ sơ.

Và im lặng. Dường như ngoài câu mời ngắn ngủi của hắn thì không còn tiếng động nào khác trong căn phòng này.

Tôi cũng nhìn thẳng vào mặt hắn, trong lòng dửng dưng

— Đồng chí vẫn thường chứ?

Hắn nói. Âm phát ra qua đôi môi dầy và thâm hơi máy động trên khuôn mặt im lìm của hắn. Câu hỏi này cách đây hơn ba tháng đã khiến tôi cảm thấy mình phát lạnh và mệt mỏi nhưng lúc này thì hết rồi. Hắn bao giờ cũng mở đầu bằng câu thăm hỏi như vậy, mặc dù tôi mới bị hắn kêu lên gặp một tuần trước đây, một câu nói nhạt nhẽo

- Tôi cũng khỏe.

Theo thói quen, tôi đáp lại, cũng vô vị không kém

Đầu hắn gật gù, đôi mắt rời mặt tôi ngó xuống bàn. Hắn lật bìa tập hồ sơ màu vàng ra, cầm lên một tờ giấy và đọc phớt qua. Như đã tin chắc là đúng, hắn trao lại cho tôi. Đó là bản chụp toàn bộ bài viết khác về tôi đăng trên một nhật báo Mỹ đề ngày 08 tháng 2-1985 với đề tựa: "Những tiết lộ mới nhất về tình cảnh của con gái Stalin sau khi trở về Nga"

Thở dài trong bụng, tôi thong thả đeo cặp kính lão lên và liếc mắt vào bài viết:

- *Moscow (UPI) Olga, cô cháu ngoại 13 tuổi của nhà độc tài Stalin,*

sau khi theo mẹ là Svetlana Alliluyeva từ Mỹ trở về Liên Xô đã tỏ ra cứng đầu cứng cổ không chịu thay đổi để thích nghi với nếp sống mới tại nước cộng sản, một nước mà theo cô bé là hoàn toàn xa lạ

Bà con gái Stalin, Svetlana, năm nay 58 tuổi đã trốn khỏi Liên Xô, nhân dịp được phép đưa tro hài cốt của người chồng Ấn Độ quá cố về đổ xuống sông Hằng theo đúng tập tục cổ truyền của dân Ấn. Bà qua sống tại Mỹ 17 năm. Hồi tháng 11-1984 vừa qua, bà lại đem cô con gái trở về Nga. Olga là đứa con gái riêng của bà với người chồng Mỹ đã ly dị năm 1973, kiến trúc sư William Peters

Nguồn tin từ Moscow nói rằng cô cháu ngoại Stalin, Olga Peters gây rắc rối cho nhà cầm quyền Liên Xô hơn cả mẹ cô ta..."

Tôi chán nản không muốn đọc thêm nữa. Đúng ra là những hàng chữ của bản sao chụp bài báo bắt đầu nhảy muá, tôi không sao trấn tĩnh tập trung tinh thần được.

- Đồng chí chưa quên tiếng Anh chứ?

Anh ngữ, một thứ tiếng tôi đã từng sử dụng hằng ngày trong gần 17 năm qua. Làm sao chỉ mới mấy tháng trời tôi có thể lãng quên nó một cách quá mau chóng như vậy được. Trừ phi tôi mất trí... Có điều hiện nay tôi quả đang mệt mỏi và bực bội, trước cái trò điều tra lên điều tra xuống của lũ công an này. Trong khi đó, thỉnh thoảng báo chí Mỹ lại "thọc gậy bánh xe" một đòn như loại bản tin hiện tôi đang đọc trước mặt.

Ngửng nhìn lên bắt gặp ngay cái nhếch miệng của tên bí thư công an quận, tôi hiểu hắn đang ngụ ý riễu cợt mình đây. Nhưng coi chừng, nếu nổi nóng ăn nói hấp tấp là rơi đúng vào cái bẫy của chúng đang giương ra trong mấy tháng nay. Tôi nuốt giận, làm ra vẻ ngượng ngùng:

- Cũng không đến nỗi... mắt tôi đã kém đi nhiều...
- Đồng chí thấy thế nào? Hắn lại hỏi.

Đành phải đối đáp quanh co để suy nghĩ trả lời cho chín chắn hơn:

- Đồng chí hỏi về cái gì?
- Thì bài báo đó
- Tôi chưa kịp đọc hết. Tuy nhiên theo ý tôi, chẳng qua đây cũng thuộc loại bản tin tuyên truyền, gây mâu thuẫn...

Dừng nói, tôi chờ đợi,khuôn mặt của hắn vẫn lạnh tanh không biểu lộ thêm một nét vẻ nào. Cuối cùng, hắn lên tiếng:

- Đồng chí cứ đem bản đó về đọc kỹ lại và suy nghĩ thêm. Tuần sau chúng ta thảo luận lại, nhất trí chứ?

*
* *

Ra khỏi phòng, đi dọc theo hành lang dài khoảng trên một trăm thước đầu óc tôi vẫn còn mải soát xét lại mọi lời nói và cử chỉ của mình trong cuộc gặp gỡ rồi xem có gì sơ sót đáng ngại không.

Tới bậc tam cấp xuống đường phố, tôi mới cảm thấy nhẹ nhàng thoải mái hơn .

Tiết sang Xuân tại Moscow vào buổi sáng gần trưa này, không gian

vẫn trăng đục mờ. Tuyết vẫn nhè nhẹ bay trong không khí và đóng từng mảng lớn dầy cộm phủ trọn mặt đất, trắng toát một màu, ngoại trừ vài mặt đường của đại lộ được xe ủi tuyết cào mỗi ngày. Những cành cây vẫn khẳng khiu nhưng đã bắt đầu lộ màu nâu xỉn mốc meo, đâm tua tủa in vào nền trời trắng xám bao la. Tôi biết chắc, trên những cành gầy guộc đó thế nào cũng có vài mầm non của lá đang cố gắng nhú lên để tháng sau, tháng tư mỗi năm, chúng sẽ vọt thành những tấm lá đầu tiên, đem lại sức sống tươi trẻ mơn mởn xanh ngùn ngụt mãnh liệt của cả Moscow nầy

Tôi thở ra một hơi dài sảng khoái. Hơi thở vội tản mát ngay trước mắt tôi, không đủ dội lại cảm giác ấm áp nào trên má trên mặt mình. Và cả đôi môi của tôi nữa, hơi nóng trong người thoát ra chẳng bớt tê cóng đi phần nào. Buồn bã, tôi nhớ đến mình, xấp xỉ 60 tuổi rồi, những cuồng nhiệt nồng ấm khi xưa giờ đã héo hắt, còn lại chút gì đâu...

Mấy người cuốc bộ ngược chiều đi qua tôi, hơi thở của họ phà mạnh vào không gian nhưng khuôn mặt họ phẳng lì băng giá. Họ cầm nín thường hơn là cười nói rộn rã. Thỉnh thoảng tôi mới nghe thoáng vài tiếng thì thầm của vài cặp trai gái trẻ tuổi bước qua, một cách riêng tư và khép kín, gói ghém một cái gì nhỏ nhoi hơn là tràn đầy chia sẻ.Tự nhiên tôi thấy thèm thuồng được ở bên cạnh bình trà Samovar, nói đúng hơn phải là nồi lớn trà tên là Samovar. Trên lò sưởi tí tách nổ củi than nước sôi trong bình trà quen thuộc rít lên âm thanh liên tục giục giã như reo vui hòa nhịp với những cuộc đàm luận hay chuyện kể bất tận ngày đêm của nhóm gia đình bạn bè thân thuộc ngồi quây quần quanh đó. Đây là chiều sâu thăm thẳm và cũng là chiều rộng mênh mang truyền thống của cuộc sống Nga.

Tôi chợt nhớ lại cách đây 2 tháng. Cũng một buổi gọi lên điều tra, tên bí thư công an quận đưa cho tôi xem bài viết khác về tôi của một tờ nhật báo Anh quốc, nhằm mục đích tìm hiểu nguyên nhân nào khiến tôi đã 17 năm lưu vong rồi vẫn phải trở về nước, tác giả bài báo đại ý cho rằng... tôi đã sống quen với nếp sống trưởng giả trí thức của Nga, mặc dù cố gắng lâu dài cả gần hai thập niên qua, vẫn không sao hội nhập hẳn vào được với bầu không khí trí thức kiểu Tây phương. Thêm nữa, tính khí tôi cũng bất thường, thỉnh thoảng vẫn muốn gây ra vài đổi thay mới lạ để người ta khỏi lãng quên mình đi. Cho nên tôi đã quyết định về lại quê hương. Tác giả bài báo đó còn đưa một biểu tượng: lối sống của giới trí thức trưởng giả Nga trầm mặc nặng nề cái quá khứ triền miên như bản đại hòa tấu nhạc cổ điển, không chan hòa phong phú âm điệu như nhạc jazz, không sôi nổi xốc tới như nhạc Rock, vì thế tôi không thể nào phù hợp với nếp sống trí thức thực dụng Tây phương nổi.

Có lẽ những ký giả phương Tây họ thực lòng muốn soi rọi vào trường hợp của tôi, mong đạt tới một cảm thông nào đó. Nhưng khốn nỗi, họ cứ cố gắng moi móc những lý do để biện minh cho luận cứ được vững chắc. Càng vào sâu chỗ biện hộ, họ lại càng xa rời nội dung

quyết định của tôi

Đó là chưa kể đến chính những bài viết của họ gây phiền toái cho tôi không ít trong khi bộ phận an ninh ở đây đang theo dõi điều tra. Và tôi biết, họ còn tiếp tục viết về tôi dài dài nữa. Chưa hết đâu. Tôi hiểu họ quá mà. Họ cũng như Willie Peters vậy. Suốt gần 5 năm trời chung sống Willie luôn luôn thắc mắc về bất cứ cử chỉ và hành động nào của tôi. Cuối cùng anh thú nhận anh không thể hiểu được con người tôi và đòi ly dị. Tôi đã đồng ý. Nói đúng hơn là tôi chấp thuận ly dị chứ không đồng ý lý do mà Willie đã nêu ra để đòi ly dị với tôi. Willie nói rằng từ những ý thích nhỏ nhặt trong đời sống hằng ngày đến những ý nghĩ quan niệm giữa tôi và anh đã nhiều khác biệt tới độ có những trái ngược mâu thuẫn đối chọi hẳn nên không thể chung sống với nhau được nữa. Còn tôi, thì hiểu rõ Willie chỉ muốn tôi đồng bộ như anh ấy về mọi thứ mọi mặt, có như thế mới thực sự là yêu. Dĩ nhiên ngoại trừ một vài điểm như tôi vẫn phải là giống cái

Willie yêu như vậy đó. Anh yêu qua nhãn quan cá nhân của mình chứ không hòa được với người khác, chính vì thương Willie nên tôi đã chấp thuận lời xin ly dị của anh

Tháng năm 84, Willie sang Anh thăm Olga. Gặp lại nhau, hai chúng tôi trò chuyện thông thường về sức khỏe, công ăn việc làm và gia đình của nhau. Rồi bên cạnh lò sưởi, tay cầm ly rượu mạnh, Willie hỏi có hỏi:

- Tại sao em lại không sống bên Mỹ nữa?

Chưa biết trả lời cách nào cho Willie hiểu được, tôi tạm kể lại một cảm giác mỗi khi lái xe trên xa lộ nước Mỹ, tôi chỉ thấy con đường hun hút trước mặt và sau lưng như nuốt chửng hết cả đời tôi. Tôi thấy mênh mang cô đơn tới rờn rợn làn da toát mồ hôi lạnh.

Mới nói đến đó, Willie cắt lời:

- Hệ thống Freeway của Hoa Kỳ vĩ đại nhất cơ mà?

Tôi cụt hứng chán nản trong lòng và im lặng, Willie chắc có lẽ nhìn thấy khuôn mặt ngơ ngác của tôi, anh vùng cười lớn:

- Em chưa biết điều đó sao? Tội nghiệp

Phải, tội nghiệp cho tôi!

*

* *

Một chiếc xe bus trờ tới dừng ngay trước trạm. Tôi rướn người lên cố nhìn rõ bảng số đề ở đằng trước mũi chiếc bus, qua làn tuyết bay chấp chới. A số 47, tôi lật đật dò trên bảng chỉ dẫn: chuyến 47 có đi qua Đại lộ Tolstoi, nghĩa là chỉ cách đường Gorki có chung cư nhà tôi khoảng hai blocks mà thôi. Được rồi, tôi vẫn thú vị đi bộ xa một tí mặc dù cái bệnh tê thấp đang nhức nhối cả đôi bàn chân lúc nầy.

Nối đuôi theo hàng người, tôi lần bước lên xe. Tiếng đồng xu kèm rơi lắc cắc vào hộp lộ phí nghe rõ mồn một. Lối đi giữa đã đầy người đứng chắn không còn chỗ ngồi nữa.

Qua mấy trạm nữa trong nội ô, may mắn sao hằng loạt người bước được xuống, tôi đã có một chỗ ngồi, ngả người vào lưng ghế, tôi duỗi

thẳng được chân dưới gầm hàng ghế trước. Đôi bàn chân giựt giựt vì chứng tê thấp, khiến tôi có cảm tưởng như vừa được tháo gỡ cái cùm nặng nhức buốt ra khỏi bàn chân. Lim dim cặp mắt, tôi tận hưởng cái thú tê rần rật chạy dọc trở lên thân mình. Cái thú đau thương của những người có bệnh già như tôi đã thường xuyên nhắc nhở tôi nhớ đến tuổi tác của mình một cách ray rứt hằng ngày hằng tháng hằng năm trong thời gian qua lúc tôi còn sống ở Luân Đôn.

Không thể sống được ở Mỹ, tôi đã sang Anh, mong rằng bầu không khí lạnh quanh năm với sương mù của xứ nầy sẽ tạo cho tôi một cảm giác gần gũi với quê hương hơn bất cứ nơi nào khác. Nhưng đâu có ngờ, sinh hoạt xã hội ở đấy chẳng khác gì ở Mỹ, nên khí hậu ấy và sương mù lại càng làm cho tôi có cảm giác thường trực cô độc, lẻ loi giữa một khung cảnh nhởn nhơ lạnh lùng xa lạ. Ngày qua tháng lại năm đi tôi có ý nghĩ rằng nếu mình không chịu trở về ngay thì chẳng còn kịp nữa, chẳng còn có cơ hội để thấy lại sự an bình trước khi nhắm mắt lìa đời...

Vừa nhớ lại trong óc tôi vừa nhìn hàng người nối đuôi nhau bước xuống xe bus và tản mát trên các phố xá san sát các cửa tiệm của trung tâm Moscow. Tôi chợt bật lên một tiếng cười khan: Ở buổi gần trưa nầy, người ta đổ xô vào thành phố thì tôi, ngược lại, bỏ ra về. Thật là trái khoáy. Tuy nhiên đối với riêng tôi, nhìn ra như vậy lại thấy yên lòng. Phải, tôi đang trở về...

Mở cái xách tay để trên lòng, tôi lấy ra tờ sao chụp bài báo của Mỹ và xem tiếp..." *Svetlana từng tuyên bố với báo chí trước khi về Liên Xô rằng bà đang tìm hạnh phúc mà bà không thể tìm được tại Tây phương bằng cách trở về Liên Xô đoàn tụ với con trai và con gái bà. Nhưng hình như, hạnh phúc, một lần nữa, bà không tìm ra ở Liên Xô. Cả con trai con gái bà, bây giờ đã trên 30 tuổi, họ đều không vui vẻ đón tiếp bà. Con gái công khai tỏ ra lạnh nhạt với bà. Con trai còn có vẻ thân thiện hơn nhưng cũng nói là anh ta không muốn bà về ở chung với gia đình anh...*"

Ngưng đọc, tôi tự nhủ thầm: A, thực ra họ cũng chịu khó theo dõi sát tôi đấy chứ. Tôi đã có tuyên bố với họ là mục đích tôi trở về Liên Xô để đoàn tụ với con trai con gái tôi. Và quả thực, cách đây 4 tháng, ra đón tiếp tôi chúng có tỏ ra lạnh nhạt thật.

Nhưng điều nầy có lạ lùng gì đối với tôi đâu. Khi quyết định chuẩn bị trở về quê hương, tôi đã đoán trước những sự việc sẽ xảy ra như thế rồi. Thứ nhất là về tình cảm, tình mẹ con giữa chúng nó và tôi xa cách nhau cả 17 năm trời, dĩ nhiên là phải phôi pha. Và nhất là trong 17 năm đó, Đảng và Nhà Nước đã uốn nắn dậy bảo chúng nó thù hằn tôi ít nhất cũng như thù hằn Đế quốc vậy. Trong khi đó, chính chúng nó cũng phải tự chiến đấu để được sống còn suốt những năm dài dưới chế độ nầy. Bởi lúc tôi bỏ nước ra đi, tôi đã đành đoạn rút áo, không sao đem chúng nó đi theo được. Cái hành động đoạn tuyệt của tôi đối với chúng nó hồi đó dù có bất nhẫn cho tôi đến mức độ nào đi nữa thì tôi cũng đã không thể được tha thứ. Tôi vốn biết rõ như vậy. Huống nữa, thái độ nồng nhiệt vồn vã của chúng nó đón tiếp tôi trở về rõ rệt

chẳng ích lợi gì mà còn nguy hại đến cả gia đình của con trai con gái tôi, kể từ đây cho đến mãi mãi về sau nầy. Bao nhiêu công sức cố gắng phấn đấu để sống còn trong 17 năm nay của chúng nó há lại một lúc tan tành ra mây khói chỉ vì một thái độ bề ngoài chúng nó thân ái đón tiếp tôi trở về hay sao?

Tôi hoàn toàn thông cảm các con tôi. Tôi không hề mong chờ gì ở chúng nó. Vẻ lạnh nhạt rẻ rúng của chúng nó đáp ứng đủ và đúng những gì tôi đã ước muốn trong ngày... về đến quê hương xứ sở. Thế còn hạnh phúc? Ồ, họ muốn tìm xem hạnh phúc của tôi ở đâu? Họ muốn diễn tả tôi rượt đuổi hạnh phúc suốt từ Tây sang Đông mà vẫn không tóm bắt được? Họ muốn bảo tôi chỉ gặp tuyệt vọng trên đường truy tầm hạnh phúc?

Đúng vậy, nhưng trước hết hãy chịu khó vứt bỏ mọi mưu đồ ẩn ý đi để tôi được phép thành thực thổ lộ một lần cho xong.

Cách đây hai thập niên, tôi đã quá chán ghét cái xã hội Nga dưới chế độ cộng sản rồi. Tuy nhiên cái hạnh phúc gia đình mà tôi níu kéo khiến cho tôi còn đủ kiên nhẫn để mà sống. Đến khi chồng tôi chết đi, cơn khủng hoảng tâm lý đưa tôi đến một trạng thái tuyệt vọng. Muốn vùng vẫy thoát đi, tôi đã nhẫn tâm bỏ lại tất cả. Nhân chuyến đưa hài cốt chồng tôi về Ấn Độ, tôi dứt khoát bỏ hết lại đằng sau lưng để đi tìm hạnh phúc trong xã hội Tây phương chốn tôi hằng mộng tưởng trước đó. Thái độ hăm hở xốc tới một tương lai huy hoàng trước mặt đã khiến tôi viết được cuốn hồi ký bộc bạch cho thế giới tự do biết hết về quá khứ của tôi trong chế độ cộng sản nơi tôi có liên quan máu thịt qua cha tôi, Stalin. Với ước vọng hòa bình, tôi còn dấn sâu vào xã hội Tây phương bằng cuộc hôn nhân với Wiilam Peters. Nhưng càng lúc tôi càng nhận thức rõ dần ra rằng cứ mỗi bước đi tới tôi mỗi bước xa rời hạnh phúc mà mình theo đuổi. Hạnh phúc không hề có ở xã hội nào cả. Chả một chế độ nào trao cho chúng ta hạnh phúc cả. Hạnh phúc vốn có từ tâm hồn con người, khi ta tự khởi sự truy tầm nó chính là lúc ta bắt đầu rời xa nó. Ta vẽ ra mộng tưởng về nó để mong đạt tới, cũng là lúc ta trầm luân vào những thất vọng vô tận.

Phải chăng hạnh phúc không có thực mà chỉ có sự an bình của tâm trạng, chỉ có thái độ bằng lòng hay phản kháng của chọn lựa?

Tôi thán phục biết bao nhiêu Sakharov, ông cứ nhận chịu đủ mọi thứ tai ương cho đến khi chết nhưng vẫn ở trong nước để quyết tranh đấu cho nhân quyền. Tôi cũng ngưỡng mộ biết bao nhiêu Soljenitsine, ông cứ lang thang mãi suốt đời cuộc đời lưu vong bên trời Tây để không ngừng tranh đấu chống lại những gì mà ông gọi là Tây phương tồi tệ và Nga sô áp bức

Còn riêng tôi, với thân phận đàn bà, cùng xấp xỉ lứa tuổi với hai ông ấy, tôi chỉ xin nghĩ đến trường hợp của cá nhân tôi, một trạng thái bình yên của con người

*

* *

Khó nhọc bước xuống khỏi chuyến xe bus, tôi phải đứng yên một chỗ trên vỉa hè. Cử động gấp gáp trong chiếc xe đang chạy và mấy nấc thang cao ở cửa xe, bàn chân tôi nhức buốt hẳn lên. Nhìn quanh quẩn, có mỗi mình tôi xuống trạm nầy. Hai bên đại lộ, trống thoáng, không một bóng người đi lại. Thỉnh thoảng mới có vài chiếc xe hơi chạy vụt qua, và chuyến xe bus cũng đã rời xa đuôi xe mờ trong màn sương tuyết

Thở một hơi dài thống khoái, tôi gượng nhẹ bước đi. Hè đường, những bức tường và nền nhà ở đây cũng được xây bằng nhiều phiến đá sần sùi rêu bám và tuyết đọng mà tôi vẫn thường xuyên thấy ở Luân Đôn. Bên Anh cũng lạnh lẽo, sương mù và tuyết rơi trong thênh thang vắng vẻ như thế nầy. Hai khung cảnh có khác gì đâu. Vậy mà ở đây tôi lại cảm thấy gần gũi thân thiết đến chan hòa trong niềm cô độc được tự do nhìn ngắm. Tất cả những sai khác đó có thể là vì tâm tưởng mà ra. Có thể là vì đường cong dịu nhẹ mềm mại kia khác hẳn với nét gô-tích sừng sững lạnh lùng của kiến trúc thành phố Luân Đôn. Nhưng những đường gãy như dao chém một cách tàn bạo nơi Quảng Trường Đỏ của Mạc tư Khoa nầy vẫn là một vết thương tấy mủ trong tâm hồn tôi chưa bao giờ phai nhòa được... Có lẽ vì dân Luân Đôn xa lạ hẳn còn dân Mạc Tư Khoa nầy cùng nguồn gốc chủng tộc với tôi chăng? Không, ngược lại nữa. Đối với dân Anh dân Mỹ đều là ngoại quốc cả, tôi có khó khăn phần nào vì trở ngại ngôn ngữ thực ,nhưng tôi lại tự do thoải mái nói, dù cho một dân tộc cùng nói một ngôn ngữ nhưng luôn luôn tôi phải dè dặt từng cử chỉ, từng hành động một. Và đặc biệt sau 17 năm xa cách tôi nhận rõ ra tiếng nói của họ âm sắc cạnh và nhịp điệu nhanh the thé xói vào tai tôi, khác hẳn trước đây. Tốt hơn hết là xa lánh họ được chừng nào an toàn chừng nấy

Cho nên nếu ở Mỹ hay tại Luân Đôn, tôi sợ cô độc trong cõi mênh mang vô tích sự biết dường nào, thì về đây, tôi lại chỉ muốn được càng nhiều thời giờ cô đơn một mình, tách biệt khỏi khối người và sinh hoạt xã hội nầy để hòa mình với khung cảnh nầy. Những giờ phút cô đơn là những lúc tôi sống thực nhất, lâng lâng khinh khoái. Ngũ quan mở lớn ra trước cảnh vật và tâm tư miên man tự do lên tiếng mời gọi. Sức sống rần rật trong huyết quản và từ cơ thể tôi bốc thoát ra bao la

Trước khi rẽ trái, tôi dừng lại ở góc đường, ngửng lên nhìn tấm bảng và đọc thầm trong bụng: Tolstoi, âm i cuối cùng trong tiếng Nga kéo dài riêng biệt và rõ rệt vang trong lòng tôi một nét thân ái

Đã bao nhiêu năm rồi, tác phẩm Chiến Tranh Và Hòa Bình của ông vẫn còn để lại trong tôi một cảm nhận sắc sảo sâu đậm. Qua nhân vật André, người ta nhìn thấy cả một khung cảnh xa hoa trụy lạc đến tàn tạ của xã hội thượng lưu trí thức Nga thời đầu thế kỷ thứ 19 dưới chế độ Sa hoàng. Người ta thương hại André mờ nhạt cạnh Pierre, sống trong một tâm trạng nhu nhược và tuyệt vọng. Nhưng riêng với tôi, hình ảnh André chói lọi hơn tất cả nhân vật nào khác, mang nặng bản tính truyền thống dân tộc Nga. André sáng suốt nhìn nhận sự tan rã của giai cấp mình đang sống, trầm mặc suy tư để tìm cách sống riêng

tư, phản kháng đúng mức bằng hành động dứt khoát, trừ khử tình địch và người vợ ngoại tình. Cuối cùng André tham gia vào giòng sống sinh động của dân tộc, đánh bại quân xâm lược Napoléon, đòi hỏi những luồng sinh khí mới báo hiệu một cuộc đổi đời của xã hội Nga với một thái độ quần quại đau đớn đầy nhân bản...

Một ngả tư đường trước mặt hiện ra, ngả tư đường thứ hai. Và ngôi nhà cổ toàn bằng đá xanh, sừng sững im lìm trong màn tuyết rơi lất phất bên kia đường. Tôi từ tốn dò bước băng qua rồi tự động quẹo về trái luôn không cần nhìn tấm bảng, tôi cũng thừa biết đây là đường Gorki, ngõ về chung cư nhà tôi ở.

. Thật là nực cười cho thái độ trâng tráo vơ vào của chính quyền cộng sản ở Nga nầy. Họ đã hết lời tán dương Léon Tolstoi và kéo xềnh xệch ông vào hàng ngũ của họ. Họ cho rằng trong toàn bộ tác phẩm mà đại biểu nhất là đại tác phẩm Chiến Tranh và Hòa Bình, Tolstoi đã vạch trần sự tan rã của chế độ quân chủ phong kiến Nga hoàng và tiên tri cuộc cách mạng vô sản dẫn đến chế độ cộng sản. Họ đã thô bỉ khi cố tình không đếm xỉa tới cái vóc dáng vĩ đại của Tolstoi ở lối nhìn thấu suốt quá trình quằn quại để sống còn của dân tộc Nga; một mặt phải đối phó với sự suy sụp của một chế độ, mặt khác vẫn phải đương đầu và chiến thắng giặc ngoại xâm mạnh bạo để bảo tồn độc lập tự chủ.

Cái lớn lao của Tolstoi là nói lên sức mạnh trường tồn của một dân tộc trong giai đoạn lịch sử thập tử nhất sinh, chứ không nệ vào nhỏ nhoi một chế độ hay một tầng lớp dân chúng nào cả.

Đối với các bậc trưởng thượng thì cộng sản dùng nguỵ luận để áp đặt kiểu đó. Còn đối với văn nghệ sĩ đương thời, họ lại dụ dỗ mê hoặc. Maxime Gorki là một trường hợp điển hình, ông nầy đã viết tác phẩm Người Mẹ. Trong khung cảnh hai thập niên đầu của chế độ cộng sản ở Nga, một kiểu mẫu bà mẹ tình nguyện cho con trai mình và vận động trai tráng quanh vùng gia nhập Hồng quân. Bà lại còn nhẩy xổ vào đủ mọi ngành hoạt động chính trị nòng cốt theo đảng tính tại làng xã địa phương, nhưng đặc biệt là đánh mất đi cái nữ tính của một người mẹ bình thường nhân bản.

Chính mỗi khi nghĩ đến Gorki là tôi nhớ ngay đến tác phẩm nầy. Vì vậy tôi vẫn không muốn nhìn tới cái bảng tên đường của khu người ta cho tôi trú ngụ làm gì...

*
* *

Vừa bước chân lên hết 6 bậc thềm đá xanh, cần dừng lại thở một đôi phút cho đỡ mệt nhưng tôi chợt nhớ ra tên Koska, trưởng khu chung cư ở ngay căn đầu dẫy dưới nhà. Tôi vội vàng quay bước đi tới cầu thang. Thế mà vẫn không kịp tránh. Cái giọng léo nhéo lanh lảnh đàn bà của hắn đã từ trong nhà vọng ra:

- Đồng chí Svetlana. Khỏe chứ?
- Cũng bình thường

Vừa đáp tôi vẫn tiếp tục bước

-Ấy. Đi đâu... vội thế. Vào đây ta uống một bình trà cho ấm bụng đã. Bất đắc dĩ phải dừng chân, tôi gượng cười nói khoả lấp:

- Gớm, buổi trưa mà trời vẫn lạnh cóng. Cặp chân tê thấp của tôi nhức buốt lên đến tận óc. Khó chịu quá.

Hắn đã ra tận ngoài sân chung cư cạnh nhà tôi rồi. Đôi mắt lươn của hắn ti hí đảo nhanh, trong khi giọng nói dịu hẳn, nghe đầy vẻ ân cần săn sóc:

- Ồ. Thế rồi nay mai được chính thức hóa hộ khẩu, y tế khu vực bắt buộc phải chữa trị cho bà chứ.

Sốt ruột, tôi muốn hắn đi vào đề ngay:

- Sao, có gì cho tôi không ông Koska?

Hắn lại tỏ vẻ nhẩn nha:

- Ấy cũng có... nhưng mình thư thả nói chuyện chút đã nào

- Tôi cần phải hơ cho ấm đôi bàn chân khó chịu nầy còn cơm nước nữa. Cũng đói rồi, đồng chí ạ

- Có một cái thư

Hắn móc túi áo đưa ra. Tôi cầm lấy, liếc sơ qua biết ngay là thư của Olga, con gái út của tôi, từ nước cộng hoà Georgia gửi về

- Cảm ơn ông nhá

Đáp xong tôi quay đi hắn lại lên tiếng:

- Đồng chí cố gắng nên bảo cháu viết Nga ngữ đi. Ai lại về nước rồi, cứ viết bằng ngoại ngữ mất lập trường hết.

Tôi bắt buộc phải xuống giọng:

- Cháu nó chưa rành Nga ngữ, ông thông cảm đi cho

Thế là hắn được dịp dài miệng nhắc đến bài học thuộc lòng của chính sách:

- Đấy chính thế ta thật hết sức khoan hồng độ lượng. Đặc biệt nhất là trường hợp biết hối cải quay về với dân tộc và nhân dân của đồng chí. Nào là cung cấp ngay nơi cư trú cho đồng chí, đáp ứng cấp thời nhu cầu thực phẩm hằng ngày... Riêng cháu Olga thì Đảng và Nhà Nước quyết định sáng suốt đưa về Georgia học và nội trú ngay trong trường Đảng để cháu có cơ hội tiếp nối tinh thần truyền thống anh hùng của đồng chí vĩ đại Stalin, ông ngoại của cháu. Còn bà thì chỉ cần sau giai đoạn cải tạo lý lịch nầy xong rồi là chính thức được phép cư trú và có công ăn việc làm ổn định ngay. Đồng chí thấy chưa, có một nơi nào trên thế giới nầy đối đãi với người bỏ nước đi cả 17 năm trở về mà được săn sóc tận tình như đồng chí ? Chỉ có một mình Đảng và Nhà Nước ta mới khoan hồng nhân đạo bao la đến thế thôi chứ.

Koska dừng nói và tôi cũng bắt đầu tra chìa khóa vào mở cửa phòng rồi quay ra. Hắn nhìn vào mặt tôi soi mói:

- Sáng nay làm việc trên phòng công an thoải mái chứ đồng chí?

Thở dài, tôi đáp một lời đúng với ý nghĩ của mình, một thích hợp hiếm có:

- Ối, cũng lại một bài báo Mỹ vẽ chuyện về tôi nữa!

- Bọn tư bản xưa nay chúng vẫn độc địa thế đấy.

Hắn hạ giọng xuống, tò mò hỏi tiếp: Rồi sao?

- Thì cần phải nghiên cứu phân tích kỹ đã. Tuần sau tôi sẽ lên đó để vạch trần mọi âm mưu thâm hiểm của bài báo nầy.

Tôi nói một mạch xuôi róc, khiến Koska có vẻ hài lòng. Hắn vênh mặt lên:

- Đúng thế, đồng chí mạnh bạo kiên quyết học tập cải tạo như vậy mới thông suốt được. Thôi nhá, đồng chí vào nghỉ. Cần gì cứ cho tôi biết để mình chung ý kiến giải quyết trên tinh thần sáng suốt của tập thể.

Biết là sắp thoát được việc tiếp đãi hắn tôi cảm ơn rối rít. Đóng khóa cửa lại, tôi dựa lưng vào tường thở ra nhẹ nhõm, nhìn quanh căn phòng nhỏ nhắn và đơn giản trong không khí tĩnh mịch quen thuộc, tôi bắt đầu lấy lại sự thoải mái riêng tư. Bước đến vặn lò sưởi gaz lên, tôi đặt mình vào chiếc ghế bành. Duỗi chân thẳng, lim dim đôi mắt tôi tận hưởng cái thú của hơi ấm dần dần len lỏi vào từng thớ thịt đường gân, xóa tan những cảm giác nhức buốt. Tai tôi lắng nghe tiếng lèo xèo nho nhỏ của ngọn lửa gaz bập bùng xanh rờn như thủ thỉ tâm tình...

Không biết bao lâu sau tôi nghe thêm có tiếng con chim sẻ non nào kêu chiêm chiếp đâu đây. Tôi mở mắt ra, đi lần tới khung cửa sổ. Qua khung cửa kính, tôi ngước mắt tìm kiếm dọc những khe gỗ ngóc ngách dưới mái nhà. Tuyệt nhiên không thấy bóng dáng của một tổ chim nhưng tiếng sẻ non vẫn chiêm chiếp đâu đây.

Ngoài trời trắng sáng rực ánh tuyết, những hạt tuyết rơi xem ra nhẹ hẳn so với lúc nãy trên đường tôi đi về nhà. Những hạt tuyết mong manh ánh ánh như phát ra tia sáng bay phất phơ giữa không trung. Vẫn còn nghe loáng thoáng tiếng sẻ non kêu nhưng chẳng mất công tìm kiếm nữa, tôi bất giác tủm tỉm cười một mình.

Quay vào bắc lên bình trà Samovar, tôi từ tốn mở thư Olga ra đọc

"Mẹ,

Ông ngoại con là "ông thần" gì mà người ta cứ bắt phải nghe mãi như truyện thần thoại xa xưa nào đó. Chán quá. Cả cái "lũ bạn" con cũng thế. Lúc nào cũng "comrad, comrad" có điều mùa xuân ở đây không đến nỗi. Đồng cỏ đầy loại hoa dại vàng óng ả và cơ man nào là bướm..."

Bao giờ mình về lại Luân Đôn, hở mẹ? Người ta cứ không cho con đeo chuỗi tràng hạt và đọc kinh...

Tôi cố giữ nguyên nụ cười trên môi và nhủ thầm, như đang nói với Olga: "Con ơi, chỉ vì con mà mẹ cứ băn khoăn mãi. Đừng làm mẹ hối hận đã đem con trở về Nga. Rồi đây, khi lớn lên con sẽ tha hồ tự do định đoạt. Và có lẽ đến lúc đó, xuất phát từ Nga mà đi ra ngoài, biết đâu con lại cảm thấy được thoát cũi sổ lồng. Sẽ thoải mái hơn mẹ. Có thể con sẽ tìm được hạnh phúc hơn mẹ"

Ấm Samovar rít lên sôi. Với tay rót ra tách, tôi bắt đầu hớp ngụm nước trà đầu tiên trong ngày.

Phạm Quốc Bảo

Nguyễn Mạnh Trinh

Bài lục bát gửi Sài gòn

Gửi trang sách bỗng hồn mê
Lạc trong nắng giọt bên lề phố quen
Tưởng chiều đường cũ lên đèn
Mùi hương kỷ niệm không tên chập chùng
Cánh chim chao quẩn không trung
Mái rêu phong nhớ mịt mùng phút giây

Nghe mơ hồ giọt heo may
Vỡ oà tiếng sóng vọc vầy nửa đêm
Mong manh hương bưởi ngoan hiền
Chốn mờ sương chút mê điên một thời
Ly cà phê lạ chỗ ngồi
Phải bè bạn thuở rong chơi Sài gòn

Bây giờ ai mất ai còn
Ai trầm luân cõi lửa cồn buốt tan
Ai tù ngục kiếp sống tàn
Ai xương thịt rã dưới ngàn mộ bia
Ai mê ngủ cõi chia ly
Ai tha hương trái xuân thì rụng quanh

Ngày hôm qua tóc còn xanh
Một đêm biển thẳm cũng đành tháng năm
Đạp xe tìm chút mưa căm
Rất gần kỷ niệm sóng ngầm nhịp quên
Bên tai tưởng tiếng gọi tên
Giật mình, thức giữa đêm đen, bồi hồi.

Tháng 4.1985

Thư gửi Hà Thúc Sinh

Viết giùm ta những nỗi niềm
Thiên thu dòng mực còn nguyên lửa hồng
Thịt xương lấp mấy dòng sông
Mắt vài trang đọc, ròng ròng máu tươi
Viết giùm ta mộng cuối trời
Bại binh hồn vẫn bừng sôi chiến trường
Tội tù chiếu đất màn sương
Xó rừng mắt ngóng nẻo đường sau xưa
Viết giùm ta buổi tiễn đưa
Chia lưng cơm giữa cơn mưa nát lòng
Áo bao cát ủ long đong
Chiến y vẫn đợi một vòng xông pha

Viết giùm ta chữ nước nhà
Chim thương kêu quốc nẻo xa vô cùng
Cờ tang nước mắt rưng rưng
Bó tay, súng gãy, trùng trùng máu sôi
Viết giùm ta lửa ngút trời
Soi đêm sâu thẳm bồi hồi bước reo
Ngựa ai lồng vó lưng đèo
Bóng trăm năm dãi trăng treo mịt mùng
Viết giùm ta chữ anh hùng
Sao mồ oan khuất núi rừng náu thân
Viết giùm ta chữ ăn năn
Lưu vong ngượng những tháng năm chập chờn.

Nhân đọc Đại Học Máu ,tháng 4.1985.

Điểm sách

* Thơ văn Việt Nam hải ngoại.

Thái Tú Hạp thực hiện - Sông Thu xuất bản - 560 trang - Giá bán $20

Cách đây ba năm, Hoàng Ngọc Ẩn đã thực hiện một tuyển tập do văn hữu xuất bản. Đó là *Tuyển tập thơ văn 90 tác giả Việt Nam Hải Ngoại 1975-1981*. Tác phẩm dày hơn bốn trăm trang là kết quả cố gắng của một thi sĩ trẻ tuổi đã từ Texas sang California làm việc tới tấp trong một thời gian ngắn.

Năm nay, mười năm sau ngày Sàigòn sụp đổ, mười năm sau cuộc di cư lớn lao của người Việt Nam tự do, một tác phẩm khác ra đời, trong chiều hướng tương tự: tức cuốn tuyển tập *Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại* do Thái Tú Hạp thực hiện.

Dĩ nhiên cái tuyển tập mười năm phải đồ sộ hơn tuyển tập sáu năm. Tác phẩm của Thái Tú Hạp gồm hai cuốn. Riêng một cuốn thứ nhất đã thu thập được thơ văn của 60 văn thi sĩ. Trong số này gồm những vị từng có một đời trước tác dài lâu ở quê hương, những vị khác mới khởi đầu cầm bút ở trong nước là gặp biến cố tháng 5 năm 1975 bèn tiếp tục viết trên bước đường lưu vong, lại có những vị khác chỉ mới xuất hiện trên văn đàn từ ngày bỏ nước ra đi. Tất cả bấy nhiêu thế hệ cùng hợp lại một tiếng nói chung: nói lên cái tâm trạng của lớp người lưu lạc.

Thái Tú Hạp là một thi sĩ quen biết từ lâu ở Việt Nam. Trong việc thực hiện tuyển tập này, ông chứng tỏ thêm những đức tính quí báu. Trước hết là sự chu đáo cẩn trọng: sách in kỹ lưỡng đẹp đẽ, các tác giả có tiểu sử, có hình ảnh đầy đủ. Thứ đến là đức khiêm nhường: sự chọn lựa tác phẩm, ông nhường cho chính tác giả, và đối với ai ông cũng quí từng ý kiến, kể cả ý kiến của những văn thi hữu lớp sau ông.

Người Việt lưu vong sống khắp năm châu bốn bể, tiếp tục trước tác khắp bốn phương. Thỉnh thoảng một tổng hợp kiểm điểm như việc làm của các ông Hoàng Ngọc Ẩn, Thái Tú Hạp thật là hữu ích, và cần thiết cho những nhà nghiên cứu về văn học Việt Nam sau này.

* Một giòng văn học "Huế... vẫn ngàn năm"

Kiêm Thêm thực hiện - Thuận Hóa xuất bản - 165 trang. Không đề giá bán.

Ra mắt trước tuyển tập của Thái Tú Hạp ít lâu là tuyển tập của Kiêm Thêm.

Tuyển tập ấy chính thực ra nhan đề của nó là gì? Là *"Một giòng văn học "Huế... vẫn ngàn năm"* như đã in ngoài bìa chăng? Là *"Một giòng văn học Huế"* như ở trang 5 chăng. Là *"Huế vẫn ngàn năm"* như ở trang 21 chăng?

Sự bất nhất ấy tỏ rằng tác phẩm có vẻ đã thực hiện trong gấp gáp. Dù sao không thể trách Kiêm Thêm được: Con người ấy làm việc quá nhiều, đóng góp túi bụi vào sinh hoạt văn nghệ hải ngoại. Trên tay ông dăm bảy tờ báo. Sách ông thực hiện tới tấp, cuốn nọ tiếp cuốn kia. Mới đây là *Cố đô Huế*, vừa rồi là *Huế vẫn ngàn năm*, sắp ra mắt là *Thơ về Huế?* Đừng bắt bẻ một người bận rộn như thế về... chi tiết nhỏ nhặt.

Tuyển tập bắt đầu bằng một tiểu luận của Kiêm Thêm về "Một giòng văn học Huế". Tiếp theo là thơ văn của 18 tác giả, tất cả đều là những vị cùng quê: Huế.

Mở đầu thiên tiểu luận, Kiêm thêm viết: "Không phải vì tự ái địa phương". — Ối! Trần quân hà tất phải bận tâm về chuyện ấy? Nếu có vì tự ái địa phương thì đã sao? Miễn là địa phương ấy cung hiến cho tổ quốc những tài năng xứng đáng, thì ta cứ phát huy chứ. Mà Huế thì quả nhiên là một địa phương như thế, một địa phương quá mức xứng đáng, với những Tuy Lý Vương, Thúc Giạ Thị, Thanh Tịnh... trước kia, những L. Bảo, Túy Hồng, Võ Đình... hiện nay.

Hoài Thanh trước kia đã nói về một giòng thơ Bình Định; Kiêm Thêm cứ luôn nói về một giòng văn học Huế; và Sơn Nam, Trần thị Ng.H., Lê Xuyên rất nên nói về một giòng văn học miệt vườn; Bình Nguyên Lộc, Tô Thùy Yên rất nên nghiên cứu về môt giòng văn thơ Tiền Giang v.v...

Mỗi địa phương trên đất nước quê hương ta là một kho tàng quí giá, có màu sắc riêng, cá tính riêng. Chúng ta tha hồ nghiên cứu, phát huy những cái riêng ấy để làm giàu cho cái chung của dân tộc. Công việc làm của Kiêm Thêm không những chẳng có gì rào đón mà rất nên khuyến khích.

* Cát vàng.

Thơ của Vi Khuê - Tác giả xuất bản - 186 trang - Giá $9.00

Thi phẩm của Vi Khuê cũng lại là một tuyển tập, gồm 100 bài thơ do chính tác giả chọn lọc trong sáng tác một đời mình. Sách chia ra làm bốn phần:

1 — *Ngoài ngàn dặm*, gồm những bài thơ viết sau 1975, phản ảnh tâm trạng người đi xa nước.

2 — *Giòng sông*, gồm những bài thuần túy tình cảm và nghệ thuật không phân biệt thời gian.

3 - *Giếng sâu,* gồm những bài viết trong hai mươi năm ở quê nhà.

4 - *Đẹp xưa,* gồm 20 bài thơ Đường luật.

Vi Khuê chỉ mới xuất bản một tập thơ *Giọt lệ* hồi ở Việt Nam, nhưng là một thi sĩ vừa xuất hiện là được nhiều cảm tình ngay. Vũ Hoàng Chương, Nguyên Sa, Mai Thảo v.v... đều từng có những nhận xét tán thưởng về thơ Vi Khuê.

Cái không khí chung quanh những bài thơ của truyện *Cát Vàng* này cũng chứng tỏ một sự quí mến rộng rãi đến với tác giả. Nào là tranh phụ bản của họa sĩ Trương Cam Khải, bản dịch Anh ngữ của Huỳnh Sanh Thông, Nguyễn Ngọc Bích, Võ Đình, nào là những bản nhạc của Phạm Duy, Lê Hữu Mục, Nguyễn Hữu Nghĩa, Phan Ni Tấn, nào là các lời ca ngợi của nhiều nhà thơ nhà văn v.v... Chúng ta còn có thể thêm thắt được gì vào bấy nhiêu tán thưởng của bấy nhiêu nhân vật tiếng tăm?

Họa chăng chỉ có thể khoe thêm với độc giả một điều này là cái đa dạng của thơ Vi Khuê. Cái ấy khá quan trọng ở một thi phẩm hàng trăm bài: thơ nhiều như thế, nếu cùng một giọng thì dẫu hay cũng dễ chán. Đằng này, Vi Khuê có những câu cổ kính như:

"Sóng xao hạt lệ khuôn bèo nổi
Sương đụng cung tỳ nếp nhạn sa" (nhớ Xuân Hương)

thì lại cũng có những câu tân kỳ như:

"mỗi ngày tôi đều gọi tên ông một lần
và không biết nói gì hơn là thầm
cảm ơn ông.
— Ông Khổng Tử — " (Khổng Tử)

Vi Khuê có những câu êm ả dịu dàng như:

"Cồn hoang dã, bến lau thưa
trơ thân cỏ dại nằm chờ nước sông" (Hoang Vu)

thì lại cũng có những câu... ngổ ngáo như:

"Tại sao tôi lại nói
nói
nói
nói."

Trong mấy tháng gần đây, hết truyện của Lê Thị Huệ, Trần Diệu Hằng, lại đến thơ của Vi khuê, các cây bút nữ phái đã liên tiếp tung ra những chưởng đích đáng.

Đại học máu

Hồi ký về lao tù cộng sản của Hà Thúc Sinh, cơ sở Nhân Văn xuất bản 3/1985, 821 trang, giá 14 Mỹ Kim.

Đây có lẽ là tác phẩm đồ sộ nhất của nền văn học lưu vong, vì cho đến nay, chưa có cuốn sách sáng tác nào xuất bản ở hải ngoại có bề dày như vậy.

Về thể loại của tác phẩm, Hà Thúc Sinh dè dặt, không xem đâylà một thứ tiểu thuyết, mà cũng không xem là một hồi ký... Hà Thúc

Sinh viết ngay trong phần đầu sách:

"Quyển sách này không thể là một tác phẩm tiểu thuyết văn chương, cũng không thể nằm trong hình thức một hồi ký chính trị hoặc một bút ký lao tù. Quyển sách này, thực tế, chỉ có thể được coi như một đống quặng mỏ, được khai quật và còn giữ nguyên hình thái chân thực của nó."

Có thể lời mở đầu này biểu lộ tính khiêm nhường dè dặt của tác giả hơn là nói đúng giá trị tập hồi ký. Văn học nghệ thuật xin nhờ nhà văn Nhật Tiến nhận xét chung về Đại Học Máu, qua lời phát biểu của ông trong buổi tiếp tân ra mắt Đại Học Máu tại San Diego hôm 7-4-85. Bài phát biểu của Nhật Tiến như sau:

Tôi hết sức cảm kích và lấy làm vinh dự được quí vị dành cho ít phút để phát biểu một vài cảm nghĩ nhân buổi ra mắt tác phẩm của nhà văn Hà Thúc Sinh hôm nay.

Đối với tôi, sự xuất hiện của Đại Học Máu trong sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật ở hải ngoại là một trong những biến cố văn nghệ quan trọng nhất kể từ mười năm nay.

Ngay khi nhận được bản in vừa hoàn tất, tôi thành thực xúc động trước công trình tim óc nặng cả về số lượng và chất lượng của tác phẩm này. Đứng trên cả hai cương vị, người cầm bút cũng như độc giả thưởng ngoạn, tôi đều cảm thấy cần bầy tỏ lòng ngưỡng mộ cũng như sự biết ơn đối với những nỗ lực tận tụy trong những ngày tháng làm việc âm thầm của tác giả.

Nhớ lại khi chia tay từ giã một số anh chị em văn nghệ sĩ ở quê nhà trước khi xuống thuyền vượt biển, tôi biết anh chị em đặt rất nhiều kỳ vọng ở những người có may mắn vượt thoát ra đi.

Nhiều anh chị em còn cố gặng: "Nhớ viết cho nhiều, cho hết những gì đã chứng kiến ở VN".

Những lời dặn dò tha thiết ấy canh cánh ở bên lòng và đã trở thành một món nợ tinh thần chẳng những là của bạn bè cầm bút mà còn là của đồng bào, của quê hương, của tổ quốc trong hoàn cảnh của một giai đoạn lịch sử đau thương và trầm thống nhất của dân tộc kể từ ngày lập quốc đến nay.

Ở vùng đất mới, người cầm bút có tự do để diễn tả mọi điều mình muốn viết ra, nhưng trong bối cảnh của một xã hội đầy rẫy những cuộc chạy đua với thời gian để thanh thỏa nhu cầu sinh kế, thì phải là một con người thật kiên trì, thật nhẫn nại, có kế hoạch làm việc hết sức thực tế và cẩn trọng thì mới có thể hoàn tất được một tác phẩm có tầm cỡ xứng đáng với lòng mong mỏi của nhiều người.

Anh Hà Thúc Sinh đã thể hiện được công trình ấy. Anh đã giải đáp phần nào cho giới cầm bút trước vấn nạn của độc giả quần chúng. Sau biến cố 1975 với đầy rẫy đau thương, tủi nhục, tại sao nhà văn VN chưa có được tác phẩm lớn.

Bây giờ, ít nhất chúng tôi cũng có được một câu trả lời với tác phẩm Đại Học máu của Hà Thúc Sinh.

Đó là chưa kể đến sự thôi thúc tinh thần của chính những người

cầm bút trước bối cảnh lầm than, cơ cực đã còn đang diễn ra ở VN.

Không lẽ sự khổ đau của cả dân tộc trong suốt nửa thế kỷ mà cao điểm của nó là kể từ tháng 4-1975 đến nay, đã không để lại cho thế giới một bài học hữu ích nào rút ra từ chính những nạn nhân trong cuộc, những nhân chứng cụ thể mà tiêu biểu gần gũi nhất là những người cầm bút VN.

Anh Hà Thúc Sinh đã giải quyết phần nào cho nhu cầu thôi thúc đó.

Dĩ nhiên trước anh, và sau anh hẳn đã và còn đang có nhiều người viết về chế độ lao tù ở VN. Nhưng theo sự nhận xét của riêng tôi tác phẩm Đại Học Máu cho đến nay đã là một trong những tác phẩm vượt trội hơn cả ở khả năng ghi nhớ sự kiện của anh, ở biệt tài diễn tả của anh, ở tính cách nhân bản dàn trải trên gần 1.000 trang giấy với đầy rẫy những chi tiết có khi là rất tinh vi, sâu sắc, có khi rất thô bạo, cục mịch đến sững sờ phản ảnh một cách rất trung thực tâm tư, cảm nghĩ của hàng triệu con người bị tập trung trong lao tù.

Có lẽ ca ngợi thêm nữa hẳn sẽ phạm đến lòng khiêm tốn của tác giả, nhất là trong phần mở đầu, anh đã nói rõ; tác phẩm Đại Học Máu chỉ là một quặng mỏ mới khai quật còn giữ nguyên hình thái chân thực, là những tấm hình được chụp vội hay là bản phúc trình được khởi thảo từ một anh lính quèn.

Tôi hết sức chia xẻ với anh Hà Thúc Sinh ở lời xác định này, nhưng sự chia xẻ chỉ nằm trong phạm vi nói về cái đức khiêm tốn của một người cầm bút chân chính.

Ngoài ra, đối với tôi, công trình của anh Hà Thúc Sinh quả là một công trình vô cùng đáng trân quí, đã được thể hiện bằng tim óc khổ nhọc của anh, bằng tài năng phong phú của anh, bằng tấm lòng chĩu nặng với anh em, bạn bè, đồng bào còn kẹt lại quê nhà của anh.

Đối với thế giới, kho tài liệu tìm hiểu về Việt Nam sau 1975, nay đã có thêm sự hiện diện của Đại Học Máu. Nó sẽ không chỉ là một bài học cho nhiều chế độ đương thời, mà còn là một thông điệp gửi cho thế hệ tương lai nói về chân dung của một dân tộc yêu hòa bình, chuộng tự do, nhưng kém may mắn đã bị rơi vào vòng kiềm tỏa của gông cùm cộng sản.

Chỉ với ngần ấy dữ kiện thôi cũng đủ đưa tác phẩm Đại Học Máu của anh Hà Thúc Sinh thành một tác phẩm lớn mà tôi ước ao chẳng những nó sẽ được phổ biến sâu rộng trong cộng đồng VN, mà còn trải rộng trên diễn đàn Văn Học Nghệ Thuật Quốc Tế một khi nó được chuyển dịch ra ngoại ngữ.

Tôi xin phép quí vị cho tôi được bầy tỏ một lời chân thành và công khai với anh Hà Thúc Sinh.

Đó là anh đã xứng đáng với lòng kỳ vọng của anh em, bạn bè, đồng bào ở quê nhà, và đồng thời anh đã làm vinh dự cho giới cầm bút lưu vong qua tác phẩm Đại Học Máu được ra mắt hôm nay. Chính điều này sẽ còn là một động lực mạnh mẽ, tạo niềm hứng khởi cho nhiều anh chị em cầm bút khác, tiếp tục những công trình sáng tác to

tát khác trong tương lai.

Xin cám ơn anh Hà Thúc Sinh.

Xin chân thành cám ơn toàn thể quí vị.

NHẬT TIẾN
tháng 4/1985

* Dáng Xưa.

Tuyển tập thơ văn của Nguyễn Tư, Tác giả tự xuất bản tại Úc năm 1985, 174 trang, giá 6 Úc Kim

Sau tuyển tập thơ văn *Gửi Người Bên Ấy* Nguyễn Tư xuất bản ở Úc năm 1984, năm nay, nhà văn có sức sáng tác mạnh nhất của cộng đồng tị nạn Úc Châu này lại cho ra đời một tuyển tập thi văn mới, nhan đề *Dáng xưa.*

Gửi người bên ấy là tác phẩm đầu tay của Nguyễn Tư xuất bản tại hải ngoại, và theo dư luận tại Úc, chính nhờ tiếng vang của tác phẩm đầu tay này mà Nguyễn Tư mạnh dạn cho xuất bản tiếp Dáng Xưa trong năm nay.

Các báo quan trọng ở Úc như Việt Luận, Chuông Sàigòn đều lên tiếng ca ngợi sự thành công của Nguyễn Tư. Ở Hoa Kỳ, các tờ Quan Điểm, Đồng Nai cũng đã có những lời điểm sách nồng hậu.

Có một điều Văn Học Nghệ Thuật xin góp ý với tác giả, là lối in chung thơ và văn trong một cuốn sách. Trong tình trạng xuất bản và phát hành còn thô sơ, người viết không có hy vọng in nhiều tác phẩm cũng như không có hy vọng gửi gắm tác phẩm đến nhiều người đọc, thì việc sưu tập văn thơ của cả đời mình vào một cuốn sách như một thứ *di chúc viết sớm* không có gì lạ. Nhưng vào lúc sinh hoạt văn hóa ở hải ngoại đã phát triển, có lẽ tác giả nên xuất bản văn và thơ riêng thành từng tập khác nhau, để nhịp đọc của độc giả khỏi phải thay đổi theo từng thể loại. Nhất là Nguyễn Tư vừa là một nhà văn, vừa là một nhà thơ, sức viết của ông lại phong phú đa dạng.

Văn Học Nghệ Thuật trân trọng giới thiệu hai tác phẩm *Gửi Người Bên Ấy* và *Dáng Xưa* như một quà tặng quí giá của cộng đồng VN tại Úc...!

Nguyễn Văn phụ trách

Thời sự văn học nghệ thuật.

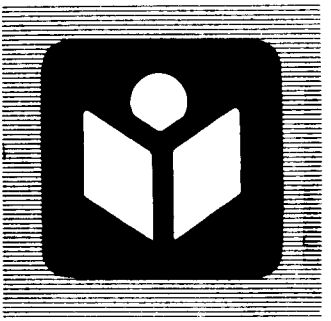

Sách và ma túy

Sau khi Đấng lãnh tụ Khomeiny hạ xong Sa hoàng, tên *tay sai đế quốc* ở Ba tư, sau khi Đấng lãnh tụ làm xong cuộc cách mạng Hồi giáo, thì nền kinh tế của nước Ba tư huy hoàng cứ xuống dốc dài dài, xuống dốc không có thắng nào hãm nổi. Trên thị trường, hàng hoá xác xơ hiếm hoi, ngoại trừ hai thứ : sách và ma túy.

Tại sao dưới triều đại các tu sĩ, tại sao trong không khí xã hội ngột ngạt cách mạng, thiên hạ lại vùi đầu vào sách và ma túy? Cái đó, tác giả bài báo nhất định không nói đến.

Mà tác giả là ai ? Có trời biết được. Mẩu thời sự trên đây nhặt được từ một tờ tuần báo xuất bản ở Luân đôn : tờ *Kayhan* tạp chí của những người Ba tư lưu vong tại Anh quốc. Tác giả những bài báo bất lợi cho cách mạng đều nặc danh, bởi vì rét lắm.

Thuở cách mạng, ôi thời gian rét lắm.

Không rét sao được ? Ngay cựu thủ tướng của Sa hoàng lưu vong ở Pháp còn bị các đệ tử của Khomeiny đuổi theo thanh toán, sá gì ký giả .

Vậy dân chúng ở xứ Ba tư giải phóng đọc sách đến chừng nào mà gọi là nhiều ? Xin trình bày thí dụ : Cuốn *Mission en Iran* của cựu đại sứ Hoa kỳ, ông William Sullivan, vừa dài lòng thòng vừa chán thấy mẹ, mà bán tới 300.000 bản ,còn cuốn sách của Pierre Salinger thuật lại vụ bắt cóc con tin Mỹ thì bán được 250.000 bản. Một dân số chừng 30 triệu, đọc như thế không đáng nể sao ?

Thứ ghét thứ ham

Sách, thứ có bán, dân Ba tư mua đọc, thứ không được phép in không được phép bán, dân vẫn cứ đọc. Thế mới phiền cho cách mạng.

Chẳng hạn cuốn La chute du shah, cuốn Le Glaive de l'Islam, của Fereidun Hoveyda. Nhà văn này là em của cựu thủ tướng Ba tư bị ám sát như đã nói trên đây. Sách của ông được sao chép từng đoạn, lan truyền khắp Ba tư. Sách về cuộc đời các nhà độc tài cũng được dân chúng nghiên cứu kỹ lắm: Robespierre, Trotsky, Tito...Dĩ nhiên nếu có ai mở miệng liên hệ những nhân vật lịch sử nọ với các đấng lãnh đạo hiện tại ở Ba tư thì mệt ngay.

Người ta để ý có hai thứ sách báo này cũng bị cách mạng cấm kỹ : tình cảm ướt át và gián điệp kiếm giệp. Nền văn chương bình dân ấy, quần chúng ham mà lãnh đạo ghét.

Còn sách tôn giáo Hồi giáo thì chính quyền mua hàng loạt phát ra ào ào, quần chúng lắc đầu nguầy nguậy, chạy trốn như gián.

Quần chúng với lãnh đạo chỉ nhất trí gặp nhau ở một điểm duy nhất : sách báo cộng sản mác-xít. Trước kia có thời thứ ấy cũng là một món thời thượng của trí thức, bây giờ ai nấy chán ngấy. Mà lãnh đạo thì gần đây lại cũng ra lệnh cấm luôn.

Nước chảy dưới cầu

Nhà xuất bản Minuit vừa cho ra một tác phẩm của Alain Robbe-Grillet : *Le Miroir qui revient.*

Đối với một văn sĩ chuyên nghiệp thì "hết cuốn này ra cuốn khác ra" đó là chuyện thường, chuyện đáng mừng. Nhưng tác phẩm vừa rồi của Robbe Grillet gợi một vài suy nghĩ. Nó là một cuốn tự truyện. Tác giả viết về mình, về cuộc đời mình. Và chỉ có những bậc tuổi tác mới ưa quay lại nhìn như thế, vào cuối cuộc đời. Tuổi tác ? Về mặt này quả Alain Robbe-Grillet đã đáng mặt *cụ* rồi. 62 tuổi, còn gì nữa.

Robbe-Grillet được tôn xưng là tổ sư, là giáo hoàng của tiểu thuyết mới. Nhớ lại mới ngày nào, năm 1953 cuốn *Les Gommes* ra đời. Năm bảy năm sau ở Sài gòn xôn xao. Thôi thì bàn ra tán vào nhặng cả lên . Mới ơi là mới, trẻ ơi là trẻ.

Thoắt cái, trẻ trung rày đã nên ông . Tiếp theo Robbe-Grillet, tiếp theo Thanh Nam, chúng ta nên líu ríu ôn lại cuộc đời mình là vừa.

Nghệ thuật và cuộc đời

Trong *Le Miroir qui revient* có chỗ lý thú. Đó là đoạn nói về tai nạn máy bay năm 1961.

Mùa hè năm 1961, vợ chồng Alain Robbe-Grillet đi một chuyến bay của hãng Air France ,một chiếc phi cơ Boeing 707. Máy bay còn lướt trên phi đạo Hambourg thì gặp nạn, vỡ làm ba. Cả hai vợ chồng Robbe-Grillet thoát hiểm, không trầy trụa một mảnh da nào. Trước khi rời máy bay, nhà văn còn loanh quanh tìm chiếc ví cho vợ, mặc dù chiếc ví không đựng một thứ gì đáng giá cả.

Lẽ dĩ nhiên, sự việc được tường thuật trên báo chí. Tức thì,trên tuần báo L'Express, Jean Cau phang cho Alain Robbe-Grillet một bài, gây vang động ầm ĩ: ông tổ sư đáng bị đồ đệ khai trừ khỏi *đảng tiểu thuyết mới*.Tiểu thuyết của Robbe-Grillet vẫn được coi là *roman*

objectal. Hoàn toàn khách quan như cái máy chụp hình sự vật. Thế mà khi gặp nạn, tổ sư *roman objectal* quính lên, kể chuyện hỗn hà hỗn hển, đầy xúc cảm, y hệt như một tiểu thuyết gia truyền thống.Nền tiểu thuyết mới không thể chịu được một cái nhục như thế.

Hơn hai mươi năm sau, trong cuốn *Le Miroir qui revient* Robbe-Grillet cho hay : Tất cả mắm muối thêm thắt đều do phóng viên của hãng AFP cho vào cả. Nhà văn được phỏng vấn chỉ thuật lại vắn tắt, rất ư là *objectal.* Phóng viên AFP chê là nhạt nhẽo, nên phóng tay vẽ vời.

Một bài học cho văn nghệ sĩ : *Khi run sợ, đừng quên run sợ đúng lập trường. Lỡ sai là mệt với nhà phê bình đa.*

Giấc mơ người cầm bút và người cầm quyền

Alain Robbe-Grillet chỉ mới tỏ ra thiếu *objectal* đã bị đồ đệ la ó đòi truất phế, sợ hãi đến nỗi hai mươi năm sau vẫn còn gắng biện minh với hậu thế trong tập hồi ký.

Hoá ra được ái mộ cũng là một cái nợ đời.

Nhưng những người cầm bút may mắn được *khổ* theo kiểu Robbe-Grillet, thử hỏi trên đời này được bao nhiêu ? Hoạ hoằn lắm chỉ đếm đủ trên đầu ngón tay.

Đa số còn lại *vừa viết vừa run* vì thấp thỏm không biết có đúng lập trường của ông nhà nước hay không .*Cầm bút* với *cầm quyền* cũng đều là *cầm* cả, nhưng ông cầm quyền có súng, thật nhiều súng, chọc giận ông pằng pằng, nguy hiểm lắm.

Có lẽ vì vậy mà chủ đề của Hội nghị Văn bút Quốc tế kỳ thứ 48 họp tại New York Hoa kỳ từ 12 đến 18.1.86 sẽ là *Sự tưởng tượng của người cầm bút và sự tưởng tượng của người cầm quyền.*

Văn hào Mỹ Norman Mailer, người đứng ra tổ chức Hội nghị Văn bút Quốc tế này, hy vọng hội nghị văn bút kỳ 48 sẽ là một cuộc gặp gỡ vô tiền khoáng hậu giữa giới cầm bút Mỹ và giới cầm bút ngoại quốc. Và dĩ nhiên ,sẽ có một tầm mức chính trị rộng rãi.

Điểm qua những người cầm bút tiếng tăm mà Norman Mailer định mời tham dự : V S Naipaul, Szeslaw Milosz, Italo Calvino, Guenter Grass, Gabriel Garcia Marquez, Carlos Fuentes, Iris Murdoch, Alice Munro, Graham Greene. Lại thêm mấy vị khách danh dự như nhà văn Ba Kim của Trung quốc, Leopold Senghor của Senegal, Amos Oz của Do thái, Breyten Breytenbach và J M Coetzee của Nam Phi.

Chưa hết..Giấy mời tham dự PEN kỳ 48 đã gửi cho cả các nhà văn lưu vong như Milan Kundera của Tiệp khắc, Konwicki của Ba lan, George Konrad của Hung gia lợi, Danilo Kis của Nam tư.

Nghe đã chóng mặt chưa ? Vẫn chưa hết. PEN đã mời Mario Vargas LLosa của Peru, hai nhà văn lưu vong Cuba Guillermo Cabrera Infante và Heberto Padilla. Giới cầm bút Anh, thì PEN đã mời Anthony Burgess ,Harold Pinter và Antonia Fraser.

Bên phía gà nhà, Norman Mailer được các bạn văn Mỹ kề vai sát

Hai nhà văn Mỹ Norman Mailer và Malcolm Boyd.

cánh để tổ chức hội nghị văn bút kỳ 48 tại sân nhà New York cho xôm trò. Mailer không cô độc. Bên ông còn có William Styron, Kurt Vonnegut Jr, Woody Allen, Saul Bellow, Eudora Welty, William F. Buckley Jr, Joan Didion, John Irving, James Michener, Arthur Miller, Issac Bashevis Singer, Susan Sontaq, John Updike, Tom Wolfe, Gore Vidal.

Ôi chao, bấy nhiêu nhà văn tiếng tăm trên khắp thế giới họp lại tại New York vào tháng giêng năm 1986 để mổ xẻ phân tích về những tưởng tượng ước mơ của giới cầm bút ,thì tất nhiên phải thành một *giấc mộng lớn*. Rồi đem *giấc mộng lớn* ấy so sánh với *giấc mộng* cũng lớn của bọn cầm quyền, thì tất nhiên bọn cầm quyền phải kém thớ. Dù sao, bọn cầm quyền có mơ mộng thì cũng thấp lè tè, không vi vút như mấy ông cầm bút trên khắp thế giới được.

Có điều sau khi hội nghị tan rồi, thì mọi sự đâu lại vào đó. Người cầm súng cầm quyền ,nếu thích, cứ pằng pằng, bắn giấc mộng lớn của bọn cầm bút tơi bời hoa lá. Biết đâu nhờ vậy mà Hội nghị Văn bút kỳ 49 có thể chọn chủ đề là hai câu thơ Lý Bạch :

Xử thế nhược đại mộng
Hà vi lao kỳ sinh...

Những người chưa tỉnh mộng

Thôi không dám nói động tới giới cầm bút nữa.

Các ông ấy tưởng tượng giỏi, viết lách hay, tỉnh hay say đối với họ đều thành nghệ thuật. Đều làm đẹp cho đời. Họ được phép, nếu họ sống đúng cái thời của họ.

Người chưa tỉnh mộng ở đây là dân ái mộ một cây bút Mỹ qua đời đã lâu : nhà văn O Henry.

Theo tin hãng AP thì hồi đầu tháng 4 năm 1985 này, ông Seth Macon, một ủy viên trong ban bảo trợ tổ chức Lễ tưởng niệm nhà văn

quá cố O Henry tại Greenboro tiểu bang North Carolina đã yêu cầu chính phủ liên bang Hoa kỳ hãy bạch hoá án tích của William Sydney Porter tên thật của nhà văn O Henry , từng bị tù ba năm ở Texas vì tội biển thủ của ngân hàng nơi ông làm việc những năm 1890 số tiền 1000 đô. Theo ông Macon thì O Henry hoàn toàn vô tội, và nhờ các truyện ngắn tuyệt vời của ông như The Gift of The Magi, The Ransom of Red Chief và nhiều truyện ngắn khác, mà cuộc đời này trở nên đẹp đẽ hơn.

Mùa thu năm trước, ông Seth Bacon đã gửi một lá thư cho thượng nghị sĩ Jesse Helms để nhờ ông này vận động bạch hóa cho O. Henry. Nhà văn O. Henry sinh tại Greenboro năm 1862, sau đó dời qua Texas năm 1881. Thượng nghị sĩ Helmes can thiệp với bộ tư pháp, bị từ chối, nên lại can thiệp với Tòa Bạch Ốc.

Tổng thống Reagan cũng không trả lời là có chịu "ân xá" cho nhà văn quá cố hay không, chỉ gửi một lá thư đến Greenboro quê hương nhà văn khen ông Henry cho có lệ.

Gớm, mấy ông chính trị gia tôn trọng luật lệ ghê quá! Một nhà văn chết mấy mươi năm rồi, một nhà văn mang vinh dự cho Hoa Kỳ, nhưng đã phạm luật thì dù chết cũng không bạch hóa cái án ba năm tù.

Nhưng một gnười sáng tạo ra cả một thế giới truyện ngắn kỳ thú đa dạng như O . Henry, một người khóc cười đúng tiếng khóc giọng cười của nhân gian, "một chút chua chát lẫn một chút khinh bạc," thì thử hỏi còn xem cái án tích ba năm tù ấy ra cái gì! Cái ông Macon nằn nì xin ân xá cho nhà văn đã chết từ tám hoánh thật lắng xẹt, mà cái ông tổng thống nhất định không chịu ân xá cũng lắng xẹt. Toàn những người chưa tỉnh mộng cả!

* Một cái chết không lặng lẽ.

Dù sao ông Henry chết cũng lặng lẽ êm đềm.

Một nhà văn khác chết không lặng lẽ chút nào. Chết thật ồn ào, ruột đổ lòng thòng, đầu bị chặt rời khỏi mình, báo chí thế giới rúng động sau cái chết ồn ào ấy. Ai chết thế? Nhà văn Nhật Yukio Mishima đấy.

Ông tự mổ bụng tử tiết năm 1970 trước đám đệ tử trong một hành động được gọi là để phục hồi danh dự cho giới quân sự Nhật. Từ đó cái chết của Mishima trở thành một đề tài nhạy cảm ở Nhật. Đối với phe cực hữu, ông là một anh hùng vị quốc vong thân, nhiều người khác thì chê ông lỗi thời, điên khùng. Trăm người trăm ý, không nhắc tới thì thôi, nhắc tới vụ Mishima tự vận là lại có chuyện.

Mười lăm năm năm sau, 1985, nhà sản xuất phim Nhật Mataichiro Yamamoto phối hợp với hai nhà sản xuất phim Mỹ Francis Coppola, George Lucas dựng lại cái chết ồn ào của Yukio Mishima. Thế mới dại! Phim làm xong, đưa đi chiếu tại đại hội phim ảnh Tokyo sắp khai diễn từ 31-5-85 đến 9-6-85, liền bị ban tổ chức từ chối liền. Trong lúc Yamamoto là một trong những giám đốc tổ chức của đại hội.

Yamamoto tức quá từ chức. Từ chức thì từ, nhưng ban tổ chức nhất quyết không cho chiếu cuốn phim Mishima.

Cầm bút viết truyện thật *hiền* thật hay như O Henry, chỉ trích cái xấu ở đời chỉ dùng những lời chua chát nên thơ, vậy mà còn không được kẻ cầm quyền tha thứ, huống chi *viết dữ chết dữ* như Mishima

Tóm lại: trí tưởng tượng của bọn cầm quyền không theo kịp trí tưởng tượng của bọn cầm bút. Rồi từ đó, xảy ra thù hằn, đàn áp, kiểm duyệt, tù đày, lập nhà thương điên, trục xuất ra khỏi nước v.v... và v.v...

Không hiểu đại hội Văn Bút kỳ 48 ở New York đầu năm 86 có rút được cái kết luận thô sơ ấy không?

Một cái chết hoàn toàn lặng lẽ.

Một nhà văn Mỹ viết thật tuyệt vời nhưng vẫn không được người cầm quyền "tha thứ" sau khi chết đi!

Một nhà văn Nhật sống dữ dội và chết dữ dội, dĩ nhiên bị kẻ có quyền e ngại.

Luật đời công bằng. Người cầm bút chết đi còn lại lời viết. Người cầm quyền mất ghế, nhất là bọn chóp bu độc tài cộng sản, thì lập tức nhận lấy một cái chết lặng lẽ. Như trường hợp Hoa Quốc Phong ở Trung quốc.

Ở Bắc Kinh, du khách ngoại quốc đến hiệu sách Hữu Nghị vẫn có thể mua được tập sách hình nhan đề China Tames Her Deserts xuất bản từ năm 1977. Nhưng ngay trang đầu tập sách in đẹp này, người ta thấy một vệt mực đen xóa thật kỹ những chữ đã in lỗ một cách trang trọng ngay đầu sách.

Hàng chữ gì bị nhà cầm quyền Trung quốc hiện tại kiểm duyệt vậy!

Xin thưa, đó là mấy dòng chữ này *"Dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương đảng do chủ tịch Hoa Quốc Phong anh minh lãnh đạo."*

Hoa Quốc Phong còn sống sờ sờ ra đó, nhưng rõ ràng đã chết đối với người dân Trung quốc, chết từ ngày ông phải từ chức để nhường ngôi lại cho Hồ Diệu Bang tháng 5-1980.

Ông từ lên voi xuống chó, thì những lời vàng ngọc của ông trước đây từng in trân trọng trên khắp các sách báo đột nhiên bị xóa mất. Trước lời ông được trích dẫn tùm lum trên sách vở, được các nhà văn nhà thơ quốc doanh ca tụng như khuôn vàng thước ngọc. Trán ông được so với bầu trời, mắt ông được sánh với vì sao, miệng ông cười như hoa nở, lời ông nói là chân lý gấm thêu... Sau khi ông xuống chó, thiên hạ làm như chưa hề biết Hoa Quốc Phong là tên cha căn chú kiết nào. Một cái chết hoàn toàn lặng lẽ, tương tự y như cái chết của những Stalin, của Kruschev trên sách vở xuất bản tại Liên Xô.

Giải văn chương Goncourt 1984 về tay một nữ văn sĩ gốc Việt Nam.

PHÁP — Giải văn chương nổi tiếng nhất nước Pháp hiện nay, giải Goncourt năm 1984 đã về tay bà Marguerite Duras, một nhà văn nữ gốc Việt.

Marguerite là tác giả của trên 60 sáng tác phẩm nổi tiếng ở Pháp. Bà được coi là một tiểu thuyết gia có lối viết mới của nền văn chương Pháp hiện đại cùng hàng với Nathalie Sarraute và Alain Robbe Grillet.

Bà Duras sinh năm 1914 tại Phú Nhuận, Gia Định. Mẹ bà là một bà giáo dạy tiểu học (sau làm hiệu trưởng trường Nữ học Sadec và Vĩnh Long), cha bà một giáo sư toán tại một trường trung học tại Sàigòn, ông đã qua đời từ ngày bà còn nhỏ.

Bà có một người anh trai và một người em trai, nhưng đời sống gia đình của cha mẹ bà không lấy gì làm tốt đẹp vì cha bà thường phải dời đi nhiều nơi mà mẹ bà không đi theo được. Ngay cả khi ông về Pháp, mẹ bà quyết định ở lại Việt Nam cùng với mấy đứa con.

Bà đã sống ở Việt Nam đến năm 18 tuổi mới trở về pháp. Sau khi học xong bậc trung học, bà vào làm công chức rồi bắt đầu viết văn. Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của bà là cuốn Les Impudents (Những kẻ lì lợm) được Plon xuất bản năm 1943.

Tác phẩm đã được giải Văn chương Goncourt 1984 là tác phẩm chót, mới ra năm nay, nhan đề là L'Amant (người tình). Trong cuốn tiểu thuyết này, bà đã tả đời niên thiếu của bà ở Việt Nam, từ khi sống với mẹ tại Sadec, đến khi lên học tại Sàigòn gặp một chàng công tử nhà giàu... với nhiều tình tiết éo le, pha lẫn những nổi bất bình với gia đình, ngay cả với bà mẹ, một người đã hy sinh rất nhiều để nuôi ba đứa con đến tuổi trưởng thành.

Paris, quê hương giới nhà văn lưu vong

Nếu trước đây, thủ đô Pháp Paris là nơi qui tụ các nhà văn Mỹ tự ý lưu vong ở xứ người để sống cái không khí phiêu lưu và tìm cứu rỗi về phương diện văn hóa, thì ngày nay, Paris là nơi mà nhiều nhà văn ngoại quốc đến sống lưu vong vì lý do sống còn.

Những nhà văn lưu vong bây giờ ở Paris gồm các nhà văn Liên Xô, Đông Âu, Phi Châu, Châu Mỹ La Tinh và Iran. Họ già hơn lớp nhà văn Mỹ lưu vong trước đây, hầu hết đều ở vào tuổi ngũ tuần. Họ sống và tiếp tục viết ở Paris để phụng sự cho các mục tiêu chính trị mà họ không thể viết tới được ở quê hương.

Hầu hết lớp nhà văn này không tự ý lưu vong, mà bị chính quyền quê hương họ bắt họ phải chọn con đường lưu vong. Chỉ có một điều họ giống với lớp nhà văn Mỹ như Ernest Hemingway, Henry Miller trước đây, là họ cũng chọn lưu vong ở Pháp.

Nhà hoạt động tranh đấu nhân quyền kiêm tiểu thuyết gia Paul

Goma, năm nay 50 tuổi, nói: "Những người Lỗ Mã Ni chúng tôi có một liên hệ đặc biệt với nước Pháp. Chúng tôi cũng có cùng một nguồn gốc La Tinh trong ngôn ngữ, vì thế từ truyền thống chúng tôi đã thân Pháp. Mỗi nhà văn đều cảm nhận cái gì thân thuộc với nước Pháp."

Nhà thơ Uraguay Ricardo Paseyro, năm nay 56 tuổi thì nói "Giống như những người Nam Mỹ khác, tôi không thích sống ở Tây Ban Nha. Chúng tôi đã có một định kiến không đẹp về thực dân Tây Ban Nha, đã thế, cho đến gần đây Tây Ban Nha vẫn còn có cái kiểu phát xít. Do đó, chúng tôi đi đâu bây giờ? Chúng tôi đi Pháp, chúng tôi qua Paris."

Nhà thơ Ba Tư Nader Naderpour,55 tuổi, là sinh viên đại học Paris từ thập niên 50. Ông nói: "Tôi đã ở Paris vào những ngày cuối cùng của thế hệ các cây bút lừng lẫy Pháp, những André Gide, những Albert Camus, những Jean Paul Sartre. Nước Pháp, đối với tôi, lúc nào cũng là một thứ quê hương thứ hai" Tuy vậy, Naderpour công nhận rằng đời sống lưu vong có cái gì phù vân giả tạo: "Nó không có thật. Nó không cho bạn cảm giác kỳ diệu của đời sống, của niềm vui, của khoái lạc, ngay cả cảm giác của những điều buồn rầu cũng không có nốt."

Mặc dù Paris vẫn tiếp tục quyến rũ cuốn hút văn nghệ sĩ trên khắp thế giới, nhưng đời sống ở Kinh Đô Ánh Sáng này, như một số nhà văn lưu vong nêu rõ, không được như thời Hemingway mô tả như một thứ "Moveable feast".

Tiểu thuyết gia Nga lưu vong Vladimir Maximov nói: "Đối với lớp nhà văn Mỹ qua sống ở đây những năm 1920, thì Paris là một chỗ nghỉ mát, một cuộc vui chơi. Đối với các nhà văn Nga lưu vong chúng tôi. Paris không phải là chỗ nghỉ ngơi. Đây là một chỗ tranh đấu, và hầu hết chúng tôi đều phải tranh đấu để sống còn."

Maximov, năm nay 54 tuổi, đến Paris hôm 1-3-74 sau khi bị chính quyền Liên Xô tước quyền công dân. Những tiểu thuyết của ông được in tại Tây Phương gồm cả một cuốn bántự truyện nhan đề "Farewell From Nowhere" và một cuốn rất được giới phê bình tán thưởng nhan đề là Seven Days of Creation."

Giống như nhà văn lưu vong Nam Phi Breyton Breytenbach, giống như nhà văn Cameroom Goma, giống như nhà xuất bản Mongo Beti và những người khác nữa, Maximov đã từng bị tù đày tại quê hương trước khi bị buộc phải lưu vong.

Naderpour rời Iran ngày 31-7-1980, vì không thể chịu được những khía cạnh phản văn hóa của cuộc cách mạng Hồi Giáo. Giống như tiểu thuyết gia Tiệp Khắc Milan Kundera, Paseyro và các nhà văn khác, ông chọn sống lưu vong sau khi không thể in được tác phẩm của mình trong nước.

Một vài nhà văn lưu vong, kể cả Kundera và Breytenbach, đã từng được thế giới biết đến từ khi rời khỏi nước. Cuốn tiểu thuyết mới nhất của Kundera "The Incredible Lightness of Being" là một

biến cố văn học của thế giới. Còn Breytenbach thì được giới phê bình tán thưởng nồng nhiệt khi cho ra đời cuốn The True Confessions of an Albino Terrorist".

Nhưng một vài nhà văn, dù lâu lâu tác phẩm có được dịch sang Anh ngữ, Pháp ngữ hay Ý ngữ qua các tuyển tập, vẫn còn vô danh đối với thế giới.

Trong cuộc sống lưu vong, Naderpour bị tách rời khỏi độc giả Ba Tư của ông, tách rời khỏi nguồn cảm hứng sáng tạo. Hầu hết những bài thơ mới đây nhất của ông chất chứa đầy những hoài niệm. Ông cho biết như vậy, và ông bi quan cho rằng thật khó lòng những bài thơ ấy được in và phổ biến ở Ba Tư.

Maximov thì nói: "Một nhà văn lưu vong chỉ có thể sống bằng những kỷ niệm, khi ông ta bị tách rời khỏi các độc giả và ngôn ngữ xứ sở mình. Từ quan điểm sáng tạo ấy, tôi đã mất tất cab. Lưu vong đối với tôi chỉ là một cách cứu được phần xác của tôi mà thôi. Tôi chẳng khác nào con cá bị sóng đẩy lên bãi cát. Mình chỉ còn có cách mở miệng ra để thở thoi thóp, cho đến khi chết."

Goma đến Paris năm 1977, đã từng in được 6 cuốn truyện trước và sau khi ông phải lưu vong. Mặc dù vậy, ông vẫn cảm thấy bi quan. Ông nói: "Tôi vẫn viết bằng ngôn ngữ Lỗ Mã Ni, dù biết rằng chẳng bao giờ tôi in được tác phẩm mình qua tiếng Lỗ Mã Ni cả."

Đấy là chưa kể những mất mát nhỏ khác. Ông nói: "Vợ chồng tôi nhớ làm sao cái nhịp đều đặn của bốn mùa ở Lỗ Mã Ni. Ở đấy, mùa đông ra mùa đông, còn mùa xuân thì sự thay đổi rạng rỡ vô cùng."

Naderpour thì không quên được quê hương Ba Tư. Sống giữa một ngày lạnh lẽo, ảm đạm của thời tiết Paris, ông nhớ da diết những bầu trời xanh, những ánh nắng rực rỡ của Ba-Tư, nhớ nhất là mùi cây cỏ thảo mộc, mưa nắng..."

Ông nói: "Khi tôi còn ở Tehran, đóng kín cửa sổ lại tôi vẫn có cảm giác còn nghe được, từ thâm tâm, những nhịp đập của sinh hoạt phố xá. Sống lưu vong ở đây, dù có mở rộng các cửa sổ, tôi vẫn chẳng nghe thấy gì! Tôi nghe thấy tiếng ồn ào, những ồn ào không dính dáp gì đến tôi. Có cái gì xa cách giữa tôi và xứ sở hiện tôi đang sống. Chính vì thế mới là chốn lưu vong." □

Hộp thư tòa soạn

* *Cô Nguyễn thị Phương, NSW Australia:*Rất cảm kích trước lá thư nồng nhiệt của cô gửi cho VHNT viết từ hôm 11.3.85. Qua tin đăng trên tờ Việt Luận bên đó mà cô biết VHNT sắp tục bản, rồi vội viết thư hỏi đặt mua, sự nồng nhiệt hiếm có ấy khiến chúng tôi lo. Lo âu không biết số 1 này có đáp ứng được sự mong chờ của cô không ? Vâng, nếu có thể cổ động thêm độc giả dài hạn bên đó cho VHNT, xin cô giúp đỡ.

Ong Lý Minh Tâm. Québec, Canada :Lá thư mang bưu ấn Québec của ông thật bất ngờ đối với chúng tôi. Ong chúc VHNT *tràn ngập ý chí niềm tin nghị lực trong những ngày sắp tới.* Oi chao. Ong tiên tri giỏi lắm. Quả đúng là những ngày sắp tới VHNT phải có nhiều ý chí nghị lực để vượt qua các khó khăn chung cho ngành báo chí lưu vong, chưa kể cái khó riêng cho các tạp chí thuần túy văn nghệ.Mong ước ông không thất vọng nhiều khi nhận được số VHNT này.

Bạn Hồ Đăng , Monterey Park, CA : Đã nhận được Mùa Mưa Chưa Đến. Truyện ngắn viết về những kỷ niệm quê hương nên mang nhiều nét cảm động. Có điều bạn ghép nhiều mẩu kỷ niệm khác biệt lại với nhau trong một truyện khá ngắn, nên truyện hơi đầy.Trong lúc truyện ngắn chỉ cần một mảng đời thật tiêu biểu, thật đậm nét. Mong ước đón nhận thêm các truyện khác của bạn.

Bạn Phan văn Ngà, San Bernardino,CA :Bạn viết trong thư ngày 2.4.85 : *Tôi và một nhóm thân hữu xin được góp phần nhỏ vào công việc làm sống lại một cách đích thực Văn Học Nghệ Thuật* .Và bạn đã sốt sắng góp ngay hai bài thơ dài.Thật quí hoá! Bạn hỏi về thể lệ đóng góp bài vở. Xin thưa : Chẳng có thể lệ gì cả. Bạn muốn viết gì cũng được , miễn là viết rõ ràng dễ đọc, và viết hay. Những số đầu, nếu có bài đăng, chúng tôi sẽ xin gửi báo biếu đến tác giả. Khi tình trạng tài chánh vững vàng, chúng tôi sẽ xin gửi thêm một khoản nhuận bút nhỏ. Mong được bạn cộng tác thường xuyên với VHNT.

Bạn Hồ Công Tâm POmona, CA :Đã nhận được 4 bài thơ anh gửi cho VHNT. Sẽ lựa đăng dần. Mong rằng số 1 này sẽ làm anh bằng lòng.

Ong Hai.v.Pham : Đã nhận được *Đảo của thời xa xôi lắm, Tâm sự một kẻ ly hương, Văn tế chiến sĩ kháng chiến bị hãm hại.*Chúng tôi đang đọc. Mong tiếp tục nhận được bài vở của ông.

Quí vị ân nhân đầu tiên của VHNT : Phan văn Nghị, Nguyễn Liên, NGuyễn khả Lộc, Trần huy Bích, Nguyễn lê Quang, Tiết Võ, Nguyễn đình Cường, Phạm khắc Hàm: Sự đóng góp cụ thể của quí bạn đã giúp cho Văn Học Nghệ Thuật số 1 bộ mới được ra đời. Trân trọng cảm tạ.

Thư của ban trị sự

Kính gửi Quí bạn đọc,

Văn Học Nghệ Thuật hân hạnh được tái ngộ cùng quí bạn đọc sau sáu năm tạm ngưng. Khó khăn nhất cho Văn Học Nghệ Thuật trong lần tục bản này, như quí vị đã biết, không phải là sự thiếu sót bài vở hoặc trở ngại về kỹ thuật ấn loát, mà chính là khó khăn về tài chánh.

Với giá bán khiêm nhượng hai Mỹ kim một số, và giá ấn phí cao hiện nay, điều rõ ràng là ban trị sự của Văn Học Nghệ Thuật sẽ gặp rất nhiều trở ngại về tài chánh để duy trì lâu dài được tạp chí này.

Với nội dung và hình thức như Văn Học Nghệ Thuật số 1 bộ mới quí bạn đang cầm trên tay, ban chủ trương chúng tôi hy vọng đã đáp ứng được phần nào lòng tin yêu quí vị dành cho Văn Học Nghệ Thuật.

Để cho Văn Học Nghệ Thuật hằng tháng đều đặn đến tay quí bạn đọc, chúng tôi mong ước được quí bạn giúp đỡ bằng cách :

* Mua báo dài hạn theo bảng giá biểu dưới đây.

* Trở thành Mạnh Thường Quân của Văn Học Nghệ Thuật bằng cách đóng góp tùy hảo tâm vào Vốn Gây Dựng Văn Học Nghệ Thuật.Chúng tôi sẽ xin công bố số tiền quí vị đóng góp vào Văn Học Nghệ Thuật trên báo .

* Đăng quảng cáo trên Văn Học Nghệ Thuật .

Tất cả mọi sự giúp đỡ tài chánh cũng như đóng góp bài vở, đề nghị cải tiến của quí vị đều là những khích lệ lớn lao cho nhóm anh chị em cầm bút chủ trương Văn Học Nghệ Thuật.

Trân trọng,

Phiếu mua báo dài hạn

Họ và tên bạn đọc: .....
Địa chỉ: .....
.....
Zip Code: .....

Đồng ý mua dài hạn *Văn Học Nghệ Thuật* từ số: .....

* Sáu tháng	$11.00 US
* Một năm	$20.00 US
* Hai năm	$35.00 US
* Mỗi số	$02.00 US
* Báo gửi ngoài Hoa Kỳ và Canada trả thêm bưu phí	$15.00

Đính kèm phiếu mua báo dài hạn này: Chi phiếu hoặc Money Orders.

Thư từ liên lạc, chi phiếu xin gửi về:

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

P.O. Box 486, Westminster, California 92684 USA.

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Nguyệt san nhận định sáng tác văn nghệ

P. O. Box 486, Westminster, California 92684 USA.
Telephone : (714) 897-3628

Chúng tôi, đại diện nguyệt san Văn Học Nghệ Thuật và thân chủ quảng cáo, cùng thoả thuận quảng cáo trên tạp chí VHNT với các điều kiện như sau :

* Nguyên trang bìa mầu .....200.00/ 1 kỳ.
* Nguyên trang trong .....100.00/ 1 kỳ.
* Nửa trang trong .....50.00/1 kỳ.
* Một phần tư trang trong .....25.00/1 kỳ.
* Quảng cáo từ số .....cho tới số.....VHNT
* Tổng số tiền quảng cáo là :.....
* Đã trả trước :.....Còn thiếu :.....
* Những ghi chú cần thiết về quảng cáo

.....

Đại diện VHNT
Ký tên,
Ngày.....tháng .....năm.....

Thân chủ quảng cáo,
Ký tên,
Ngày.....tháng.....năm.....

Big Sale

20% — 50% Off

CHUYÊN BÁN SỈ VÀ LẺ.

Các loại quần áo thời trang
Của Quí Ông Bà và các bạn trẻ
New Wave Fashion
Đặc Biệt : Chúng tôi có đủ loại Suit cho Quí Ông
từ Size 32 X S trở lên
Và giày từ size 5 nhập cảng từ Ý Hồng Kông

SỬA CHỮA MIỄN PHÍ.

(714) 839-2234

FINE EUROPEAN CLOTHING
MEN & WOMEN'S BOUTIQUE

NGUYEN THU TRAM

9681 BOLSA AVE., SUITE 17
WESTMINSTER, CA 92683

MỚI MỞ CỬA TIỆM !!! MUỐN PHÍ TỐN ÍT MÀ BỀN VÀ ĐẸP. KHẢO GIÁ TRƯỚC CÁC NƠI RỒI GỌI HOẶC ĐẾN

SIGNS & DESIGNS

14520 Brookhurst ST. Westminster, CA. 92683 (714) 775-5391 (714) 557-6005

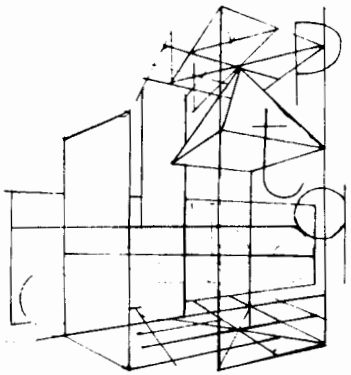

CHUYÊN BAN:

Vật liệu làm bảng hiệu, Banners,
Cờ, các loại keo dán,
Chữ Plastic đúc, giấy cắt chữ,
sơn và cọ vẽ trên kiếng.

CHUYÊN LÀM:

Chữ hộp đèn, Plastic, Neon, Gỗ,
Kẽm, Đồng, Mộp. Vẽ Banners, Posters,
Xe truck, Vẽ trên tường, Design
huy hiệu. Khắc tất cả các loại dấu,
Thay hoặc sửa chữa
hệ thống đèn bảng hiệu.

CÔNG VIỆC DO MỘT NHÓM THỢ CHUYÊN MÔN VIỆT MỸ ĐẢM TRÁCH & HƯỚNG DẪN TẬN TÂM

Mở cửa 7 ngày trong tuần:
Thứ 2 - thứ 7 : 8.30 Am - 8.00 Pm
Chủ Nhật.: 11 Am - 4 Pm
Điện thoại 24/24 giờ:

Phạm Thanh Quang
Kính Mời

NGỌC LỰ XUẤT BẢN

tập truyện ngắn

NGƯỜI VIỆT PHÁT HÀNH
Mọi Thư Từ Liên Lạc, Đặt Mua Sách.
Xin Liên Lạc Về:

NGƯỜI VIỆT
9393 Bolsa Ave, Suite F
Westminster, CA 92683
D.T (714) 531-6605/6606

nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT

Mọi Thư Từ Liên Lạc, Đặt Mua Sách.
Xin Liên Lạc Về:

NGƯỜI VIỆT

9393 Bolsa Ave, Suite F
Westminster, CA 92683
D.T (714) 531-6605/6606

Mùa Biển Động

Nguyễn Mộng Giác

180 trang. Giá $7.00

Cõi Mộng Du

Phạm Quốc Bảo

210 Trang Giá: $7.00

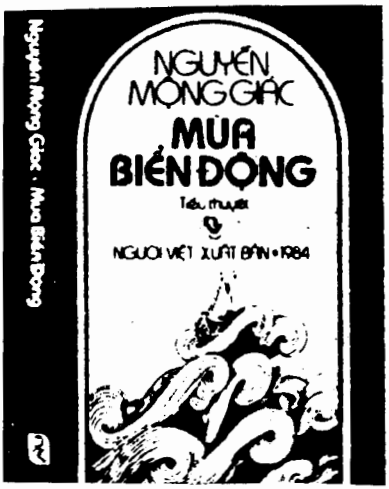

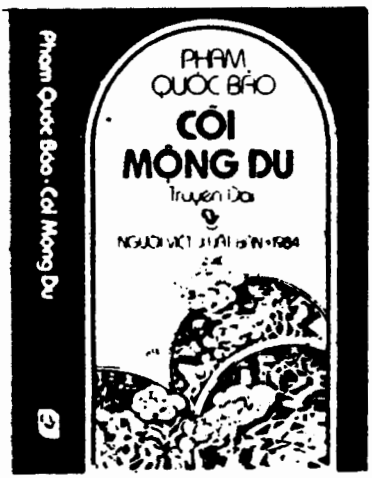

Tập truyện bán hết sạch trong kỳ phát hành đầu tiên

Tập truyện không ai có thể đọc dở dang.

CÙM ĐỎ

236 trang, Giá 7 đồng 25

Xin Liên Lạc:

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT

9393 # F Bolsa Ave
Westminster, CA 92683
(714) 531-6606

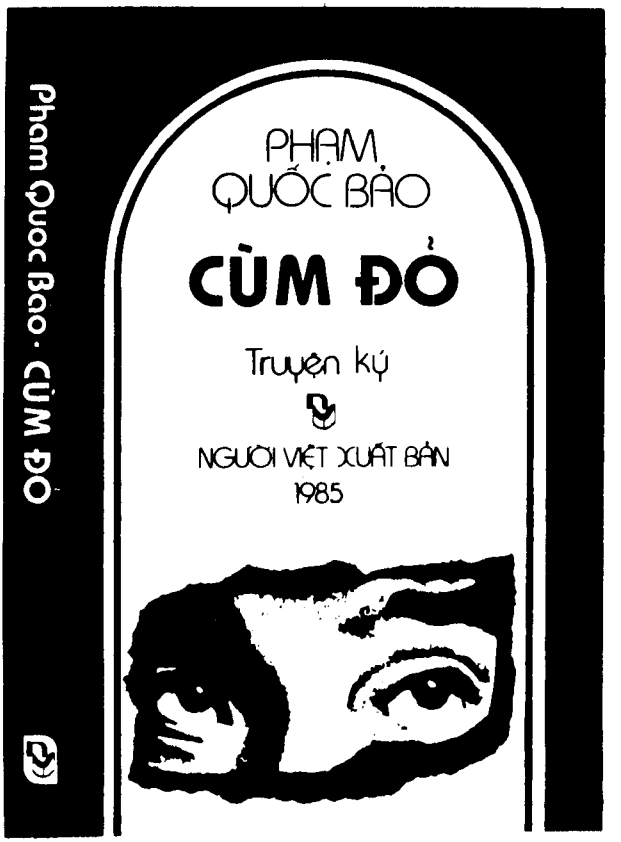

TÁI BẢN NHÂN DỊP 30-4

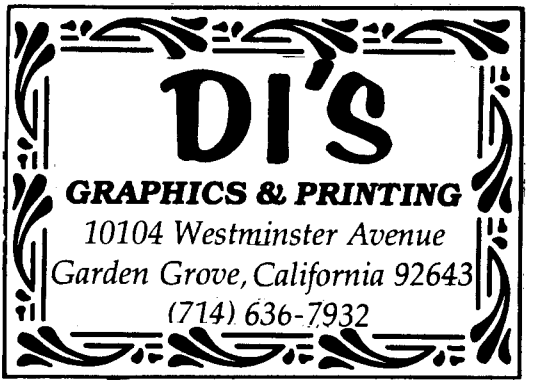

* Chuyên in:
  - Thiệp cưới và thiệp mời các kiểu Việt, Mỹ đủ loại: thanh nhã, trang trọng, lộng lẫy...
  - Business card, Letterhead, Phong bì, Hoá đơn (NCR), Flyer, Brochure, Poster... và các ấn loát phẩm khác.
* Xếp chữ (có dấu Việt Nam), trình bày và in các sách, báo, bản tin...

Có hàng trăm kiểu chữ tuyệt đẹp để khách lựa chọn.
Phẩm chất đạt trình độ nghệ thuật và kỹ thuật.
Việc làm cẩn thận, giá cả phải chăng.
Có giá đặc biệt cho các nhà văn, nhà thơ và các hội đoàn.

NVPrinting

Since 1976

COMPLETE PRINTING SERVICES

6922 Westminster Avenue
Westminster, California 92683
Tel. (714) 897-3628

Nhà in được mọi giới **chịu** nhất

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Nguyệt san nhận định sáng tác văn nghệ

P. O. Box 486, Westminster, California 92684 USA.
Telephone : (714) 897-3628

Chủ nhiệm VÕ PHIẾN
Chủ bút LÊ TẤT ĐIỀU
Thư ký tòa soạn NGUYỄN MỘNG GIÁC
Trị sự và kỹ thuật TRẦN ĐÌNH LONG
Phụ trách phát hành CƠ SỞ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT
9393 F Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683 USA.
Phone (714) 531-6605 / 6606

Giá 2 Mỹ kim *(tại Hoa Kỳ và Canada)*

Các nơi khác cộng thêm bưu phí